

# KIM LÂN

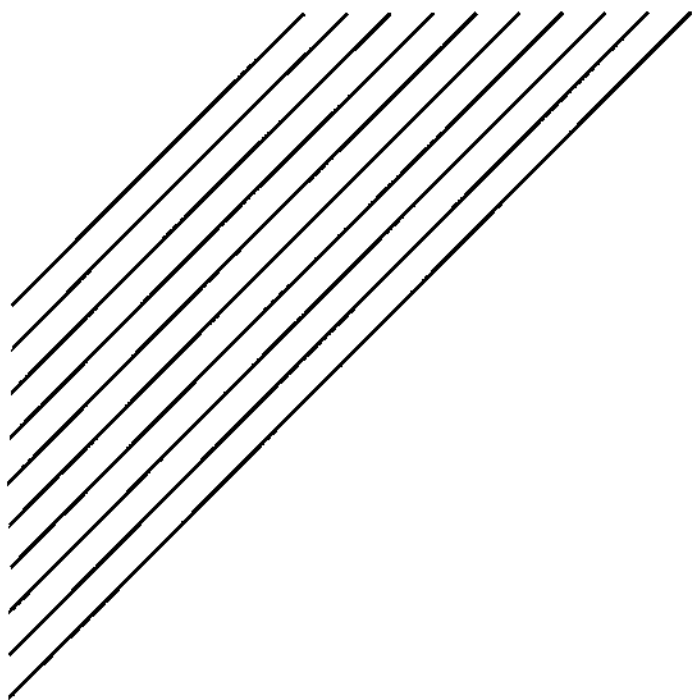


## vợ nhật

vh NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

TÁC PHẨM VĂN HỌC TRONG NHÀ TRƯỜNG

NỖ NHẬT  
KIM LÂN



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

## LỜI GIỚI THIỆU

*Kim Lân là một trong những cây bút truyện ngắn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.*

*Bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941, trong cả hai giai đoạn sáng tác, tuy viết không nhiều nhưng giai đoạn nào Kim Lân cũng có những tác phẩm hay. Là một cây bút truyện ngắn vững vàng, ông đã viết về cuộc sống và con người ở nông thôn bằng tình cảm, tâm hồn của một người vốn là con đẻ của đồng ruộng.*

*Trước Cách mạng, một số truyện ngắn mang tính chất tự truyện như **Đứa con người vợ lẽ, Cô Vợ...** tái hiện không khí tiêu điều, ảm đạm của nông thôn Việt Nam và cuộc sống lam lũ của người nông dân lúc bấy giờ. Ngoài ra ông còn được dư luận chú ý nhiều hơn khi đi vào đề tài độc đáo: miêu tả những sinh hoạt văn hóa cổ truyền phong phú ở nông thôn (đánh vật, chọi gà, thả chim...). Các truyện nổi tiếng như **Con mã mái, Đôi chim thành, Chó săn...** tuy nghiêng nhiều về phía phong tục, trình bày cặn kẽ những thú chơi lành mạnh, tao nhã nhưng vẫn biểu hiện một phần vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng - những con người cực nhọc, nghèo khổ nhưng vẫn yêu đời, trong sáng, tài hoa. Sau Cách mạng, Kim*

*Lân vẫn chuyên viết truyện ngắn và vẫn viết về làng quê Việt Nam - mảnh sống mà từ lâu ông đã hiểu biết sâu sắc và có nhiều kỷ niệm. Ông phản ánh và ngợi ca sự đổi mới nhận thức và tình cảm của người nông dân (Làng), sự đổi đời của họ trong cải cách ruộng đất (Nên vợ nên chồng), những hoạt động bình thường nhưng cảm động và đáng quý của họ (Bố con ông gác máy bay trên núi Cối Kê), những khát vọng hạnh phúc trong cuộc sống đói nghèo, tăm tối (Vợ nhặt)...*

*Kim Lân quan niệm văn chương phải thật, phải giản dị, phải nói được tiếng nói và sự suy nghĩ của nhà văn và ông luôn muốn thể hiện một cách rõ nét con người mình qua từng trang viết.*

*Về truyện ngắn Vợ nhặt, Kim Lân nói: “Khi viết về cái đói, thường mọi người có ý nghĩ là khi đói người ta khổ cực và chỉ muốn chết. Tôi định viết một số truyện ngắn nhưng với ý khác là khi đói người ta không nghĩ đến con đường chết mà chỉ nghĩ đến con đường sống. Dù ở trong tình huống bi thảm đến đâu, dù kề bên cái chết vẫn khát khao hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hy vọng ở tương lai, vẫn muốn sống, sống cho ra người” (Hà Minh Đức, Nhà văn nói về tác phẩm). Chúng ta có thể thấy được điều này ở các nhân vật trong truyện của Kim Lân, những con người phảng phất bóng dáng của nhà văn, thể hiện những tư tưởng, những suy nghĩ của ông. Chính điều này cũng tạo nên tính nhân văn cho các sáng tác của Kim Lân và giúp chúng tồn tại với thời gian.*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

## ĐỨA CON NGƯỜI VỢ LỄ

Tư nằm dán mình trên giường. Đầu anh nặng trĩu trên chiếc gối bông cầu ghét. Mắt nhìn trần trần lên sàn nhà; lúc ấy anh không nghĩ ngợi gì. Hai tay nặng nề rời rạc, thỉnh thoảng lại cố gượng đập nhẹ xuống phản, để xua đuổi những nỗi tê tê buồn buồn chạy trong các ống xương. Anh xoay mình lại cho đỡ mỏi. Mắt se sẽ nhắm lại, và lắng nghe những cảm giác chạy trong người. Ruột anh xót như cào. Bụng hóp lại. Mặt phờ phạc. Anh thấy cái kính vẫn vợ, chỉ muốn cầu nhàu mấy tiếng. Tư đối quá, đối lả người đi. Đã hai hôm nay rồi, anh chưa có hột cơm nào vào trong bụng. Đồng năm xu mẹ anh cho, anh tiêu phăng ngay từ hôm đầu, tưởng chiều thế nào mẹ cũng về; ai ngờ, bất tin đi hai hôm. Hai hôm vật lộn với sự đói nó hành hạ, anh chỉ hết nằm lại ngời, phờ phạc trong mấy gian nhà chật hẹp. Đã có lúc anh lục tung cả hòm xiềng, chum chĩnh trong buồng, ngoài nhà ra để tìm. Biết không có gì, anh vẫn tìm, xem trong nhà có còn sót tí ngô đỗ nào chẳng. Hình như lúc tìm tòi ấy, anh đỡ đói đi chút ít.

Thấy khát nước, Tư chống tay ngồi dậy. Anh chớp vội mấy cái và lim dim cặp mắt cho đỡ chói.

Nắng vàng gay gắt rọi xuống sân, hắt ánh vàng và mùi nồng nực vào mấy gian nhà ngói cổ. Tư uống từng

ngụm nước nhỏ. Những dòng nước mát mẽ chạy đến đầu, anh biết đến đấy. Hai hôm nay, anh vẫn uống nước cảm hơi như thế.

Tư là con vợ ba. Thấy mẹ anh lấy nhau không phải là đôi bên bác mẹ gả bán, không phải nhà hiếm hoi, không phải tình yêu. Cha anh hơn mẹ anh đến ba mươi tuổi. Mẹ già anh lấy mẹ anh về để có người cang đáng việc đồng. Vốn là người quê mùa, nên việc đồng mẹ anh rất thạo. Mẹ già anh rất chiều quý, họ chiều vậy chẳng qua là muốn chạy việc. Thấy anh mất năm trước, mẹ già anh mất năm sau. Nhà không làm ruộng nữa. Các anh Tư đều đi chợ trên, Tư phải thôi học ở nhà. Hai mẹ con lâm vào cảnh thất nghiệp. Ruộng không có mà làm; đi buôn - buôn xúng buôn xằng thôi cũng không có vốn. Anh em họ mạc thì thờ ơ lạnh nhạt, họ coi hình như không có mẹ con Tư trong gia đình nữa. Vả lại dẫu rằng nghèo, nhưng mẹ anh rất khải, không muốn chịu tiếng nhờ ai. Bà đi khâu thuê, vá mướn kiếm gạo về nuôi con. Nhiều khi không có việc làm, mẹ con đành chịu đói. Những hôm ấy, bà thường trốn tránh, bà rất sợ phải nhìn cảnh mẹ con đói khát. Muốn cho mẹ cất gánh nặng, đã nhiều lần Tư xin làm phó nhỏ mấy hiệu thợ may và sơn guốc, nhưng họ đều từ chối vì đạo này hàng ế. Họ hứa đến tháng tám này sẽ gọi anh làm. Bất đắc dĩ anh phải đóng vai ăn bám.

Tư nghĩ liên miên: anh thấy một niềm oán trách ngấm ngấm trong thâm tâm. Anh oán cha anh, người đã sinh ra anh mà săn sóc anh không chu đáo. Anh oán một cái gì không tên đã đẩy anh vào cảnh khốn quẫn. Tư nhếch một nụ cười thâm hại. Một ý tưởng

## Vợ nhặt

chưa chát hiện ra trong trí: là một thằng con vợ lẽ, không phải vì hương khói, chỉ là thằng thừa trong gia đình. Tư thấy bút rút khó chịu. Những ý tưởng hỗn loạn ở trong óc. Anh thông thả nằm xuống. Mắt nhắm lại, muốn ngủ đi, để những tư tưởng hắc ám khỏi đến quấy nhiễu. Nhưng không sao ngủ được với cái dạ dày. Chợt tiếng ông Cả gọi ngoài cổng ngõ, Tư vùng dậy, dạ lớn lên một tiếng, vội vã ra mở cửa.

Tư nhu nhú chào anh. Nhưng ông Cả không trả lời. Ông bệ vệ bước vào. Khổ người phì nộn khác hẳn với vẻ gầy còm của Tư. Mặt ông tròn và ngấn, lúc nào cũng vui một cách vô tư lự. Nước da hồng hào, trắng nhễ trắng nhại, bóng loáng như bôi dầu. Ông vẫn tự phụ là có vẻ quan dạng lắm. Đi đâu, mặc dầu là ông chủ hiệu vải vùng trên, ông cũng thẳng bộ oai ra phết. Lúc nào cũng xách cái cặp phồng tướng, trong đựng toàn quần áo hoặc quà bánh cho con. Ông nghiêm nghị đảo mắt chung quanh nhà một lượt, sẽ cau mặt lại gắt:

- Nhà cửa bề bộn thế này thì thôi! Rồi rồi ta cũng phải cất nhắc đôi chút chứ.

Ấy là ông gắt lấy oai đấy thôi. Thực ra ông cũng chẳng quan tâm gì đến nhà cửa. Chẳng có thế mà ở chợ trên về, ông chơi tổ tôm ở nhà Quán Uyển, một nhà gá bạc, luôn hai hôm. Ông trật khăn quàng lên bàn, rồi nằm thẳng rảnh trên tràng kỷ. Đầu ngửa lên xà nhà, thở dài sườn sượt, ra dáng mệt nhọc lắm. Ông nói một mình:

- Mẹ kiếp, tổ tôm còm mà cũng thua ngót hai chục bạc, đen rập đen rui.

Ông ngáp thốc ngáp tháo một hồi, rồi ngủ lúc nào không biết.

Tư len lén quét nhà, khẽ xếp những đồ đạc bề bộn. Xong anh lĩnh xuống bếp ngồi cho đỡ mệt.

Trời đã về chiều, ánh nắng nhạt dần, lúi ra gần hết mặt sân. Mặt trời chếch là là xuống sau nhà, những cây cối ngả bóng trên mái. Thỉnh thoảng những bóng cây có giọt nắng rơi qua lại rung động lên vì gió. Mặt ao sau vườn gợn sóng, thổi dạt những vầng ngầu về một góc. Trên cầu tre, một cô gái đang vo gạo, làm sóng sánh những ánh vàng của mặt trời rớt trên các đầu sóng. Mấy mái nhà tranh xám nhô ra khỏi bụi chuối, lá óng như lụa, đang thông thả bốc khói. Những làn khói lạng lẽ bốc lên dật dờ bay theo gió, in lên nền trời xanh ngắt một nét nhẹ nhàng, thanh thoát. Cảnh đẹp như mĩ mai Tư. Anh ngồi phệt xuống đất, lưng dựa vào bức tường vàng sạm vì khói ám. Mắt lơ lơ nhìn làn khói xám vợ vẫn bốc lên trời. Tai nghe tiếng vo gạo sần sật trên rá ngoài cầu ao. Tâm trí anh xáo động lên, anh nghĩ đến bữa cơm nhà hàng xóm. Anh ngao ngán nhìn cái bếp lạnh lẽo của nhà, mấy ông đầu rau đen trùi, ngồi lạng lẽ như than thầm với nhau. Nước mắt anh trào ra, âm thầm lăn trên gò má.

Trên nhà, ông Cả vùng thức dậy. Ông vươn vai, bẻ khực, vận mình kêu răng rắc. Ông vừa ngáp vừa gọi:

- Tư ơi!

- Dạ.

- Thoáng cái là lĩnh. Thoáng cái là lĩnh thôi.

## Vợ nhặt

Tư gượng gạo đứng lên, lệt xệt bước lên trên nhà. Ông Cả vứt một hào ra bàn, dịu giọng:

- Đi mua một hào phở!
- Vâng.
- Dem bát nhà đi.
- Vâng.

Tư thất thểu lê bước. Tay bưng có bát phở mà mới rã rời. Khói bốc lên nghi ngút. Anh thèm quá. Trông những bánh trắng trắng phau mềm dẻo, ẩn hiện trong nước dùng vàng sao, những miếng thịt bò thái mỏng tang xếp gọn ghẽ, những hành, mùi, hồ tiêu rắc lên trên, thơm ngào ngạt phả mãi vào mũi anh. Con tỳ, con vị như thức dậy, bụng sôi sùng sục, vằn lên chuyển xuống. Nước bọt cứ ứa mãi ra, anh ao ước được một bát.

Tư đặt bát phở lên bàn cho anh, rồi lặng lẽ ra ngoài thêm. Ông Cả vừa ăn vừa cảm cái gắt:

- Gớm! Phở! Ăn rẳng như đấm vào họng!

Tư se sẽ nuốt nước bọt. Thật là mĩa mai. Ăn xong, buông đũa buông bát, ông Cả vội vã cấp cập ra đi. Ông còn cạy mấy hội bạch cước hôm qua.

Ông Cả đi rồi, Tư cũng chẳng buồn ra đóng cửa. Anh định đem bát ra chậu ngâm, nhưng lại thôi, là vì anh thấy còn đến lưng bát nước dùng ăn thừa. Lúc khác ai còn giữ lại làm gì! Nhưng lúc này... Tư đưa "bát phở" lên mũi ngửi, mùi thơm ngào ngạt bốc lên. Anh nếm một hụm, chèm chẹp miệng. Trời ơi sao mà ngon thế! Anh ước ao giá được một bát cơm nguội trộn ăn thì phải biết! Nghĩ đến cơm nguội, anh lại nhớ đến

một hôm, cũng đói như hôm nay. Thân, bạn chí thiết của anh, đến chơi, nèo mãi anh về nhà. Rồi mời anh:

- Nhà đi vắng cả, chỗ anh em với nhau, tôi nói thật: anh ở đây ăn cơm nguội - cơm nguội thôi - với tôi cho vui nhé.

Cái bữa cơm nguội với cà ấy sao mà ngon thế! Tư còn nhớ mãi, có lẽ suốt đời. Tư so sánh ông Cả với Thân. Nổi cảm hờn nổi dậy trong lòng. Hai mắt anh quắc lên một cách dữ dội. Anh nghiêng rặng ném mạnh "bát phở" ra sân. Tiếng bát vỡ làm cho lòng anh dịu. Anh bật cười thấy mình vô lý và hơi tiêng tiếc. Tư thấy mõi rã rời. Toàn thân run lên. Anh nằm lả xuống.

Chiều tàn đã lâu. Cảnh vật thẫm lại. Gió khua lá lao xao. Những lùm cây đen thẫm lắc lư trên nền trời sẫm đục. Thân, một tay ôm gói bọc giấy báo, một tay đẩy mạnh cánh cửa. Một tiếng rít rền trong yên lặng. Anh xăm xăm bước, nhón nhác nhìn vào mấy gian nhà tối om, miệng lẩm bẩm:

- Quái, sao nhà cửa để tối thế này!

Thân im bật vì biết mình nhờ lời. Anh thông thả bước lên nhà. Đặt gói lên bàn. Tư vẫn nằm rũ trên tràng kỷ không biết bạn đến, Thân lay bạn:

- Tư! Tư!

Tư thều thào:

- Thân đấy à?

- Ừ, Tư ngủ à?

Giọng Tư nhỏ, đầy mệt nhọc:

- Không... Thân vào tôi cũng biết... nhưng mệt... quá...

## Vợ nhặt

Thân ái ngại nhìn bạn trong bóng tối. Đoạn anh nói rất nhẹ nhàng:

- Tôi đem cho Tư ít hạt mít đây. Tư ăn đi.

Tư cảm động quá. Nước mắt chảy ròng ròng, anh nghẹn ngào:

- Thân tốt với tôi quá.

- Ô! Anh.

Đôi bạn ngồi âm thầm trong bóng tối. Tiếng Tư nhai hạt mít trong im lặng. Tư chợt nghĩ đến mẹ, anh ngóc đầu bảo bạn:

- Thân cất đi cho tôi một nửa nhé.

Anh định tâm để dành cho mẹ. Thân ôn tồn:

- Ừ, còn nhiều anh ạ.

Tư lại nghĩ đến mình, đến tương lai. Một tương lai mờ mịt của đứa con vợ lẽ. Anh thở dài náo nuột.

- Gì thế anh?

- Không.

Hai người im lặng.

## LÀNG

Tối nào cũng vậy, cứ đến lúc con bé lớn ông Hai thu thủ que đóm cháy lập lòe trong chiếc nón rách tất tả đi từ nhà bếp lên, và bà Hai ngồi ngây thuôn cái mặt trước đĩa đèn dầu lạc, lăm bằm tính toán những tiền cua, tiền bún, tiền chuối, tiền kẹo... thì ông Hai vùng dậy, sang bên bác Thứ nói chuyện.

Không hiểu sao cứ đến lúc ấy ông Hai lại thấy buồn. Nằm nghe tiếng súng dội trong đêm tối và nhất là cái tiếng rì rầm tính toán tiền nong của mẹ vợ, tự nhiên ông sinh ra nghĩ ngợi vẩn vơ, nó bực dọc làm sao ấy. Mà ông thì không thích nghĩ ngợi như thế một tí nào. Ông vốn là người hay làm, ở quê, ông làm suốt ngày, không mấy lúc chịu ngồi chân ngồi tay. Không đi cày đi cuốc, không gánh phân tát nước thì ông cũng phải bày vẽ ra công việc gì để làm: đan rổ, đan rá hay chữa cái chuồng gà, cạp lại tám liếp.

Từ ngày tản cư lên đây, suốt ngày mấy bố con nhong nhóng ngồi ăn, tối đến lại nghe những tiếng rì rầm tính toán ấy, ruột gan ông cứ nóng lên như lửa đốt. Ông phải đi chơi cho khuây khỏa.

Lần nào cũng như lần nào, cứ vừa nhô đầu qua cái mái lá bên gian bác Thứ là ông lão hỏi ngay:

- Thế nào, hôm nay có gì không bác?

Không đợi trả lời, ông lão nói luôn:

## Vợ nhặt

- Này Dácgiăngliơ nó lại về Pháp đấy nhé. Hừ, chơi vào! Còn là đi đi về về!

Hoặc:

- Báo *Cứu quốc* hôm nay nghe sướng quá. Cụ Hồ đối đáp với các nhà báo ngoại quốc đầu vào đấy. Cứng rắn mà lại mềm mỏng lắm. Cụ bảo rằng thì là dân ta chỉ muốn Độc lập và Thống nhất thôi, không thì dân ta đánh đến cùng. Thật đấy, chuyện này không được Độc lập thì chết cả đi chứ sống làm gì cho nó nhục. Mà có khi nào mình lại không Thống nhất, Độc lập được hử bác?

Rồi ông nói đến chuyện tản cư, chuyện Tây khùng bố, chuyện Việt gian, chuyện thổ phỉ... những chuyện ông lượm được hồi trưa, ở ngoài điểm. Cả chuyện chính trị, quân sự nữa. Ta bố trí nó thế này, ta bố trí nó thế kia. Ta chính trị nó thế này, ta chính trị nó thế khác. Rất trơn tru, rất thành thạo mà chẳng đầu vào đâu cả.

Ông lão kéo dài một bên ria mép ra, tùm tùm:

- Cũng là học lõm cả thôi đấy bác ạ... Chả là tôi cũng là phụ lão cứu quốc mà...

Và cuối cùng, khi câu chuyện tin tức hàng ngày đã nhạt rồi, thì ông xoay đến chuyện cái làng của ông.

Ông nói chuyện về cái làng ấy một cách say mê và nao nức lạ thường. Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển, hoạt động. Ông khoe làng ông có cái phòng thông tin tuyên truyền sáng sủa rộng rãi nhất vùng, chòi phát thanh thì cao bằng ngọn tre, chiều chiều loa gọi cả làng đều nghe thấy. Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh. Đường trong làng toàn lát đá xanh, trời mưa trời gió tha hồ đi khắp đầu làng cuối xóm, bùn không dính đến gót chân.

Tháng năm ngày mười phơi rơm, phơi thóc thì tốt thượng hạng, không có lấy một hạt thóc đất.

Ông Hai vẫn có tính khoe làng như thế xưa nay. Hồi còn đế quốc Pháp, mỗi bận đi đâu xa, khoe làng ông chỉ khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông. Ông có vẻ hãnh diện cho làng có được cái sinh phần ấy lắm: “Chết, chết, tôi chưa thấy cái dinh cơ nào mà lại được như cái dinh cơ cụ thượng làng tôi. Có lắm lắm là của. Vườn hoa, cây cảnh nom như động ấy. Thấy bảo còn hơn cái lăng cụ thiếu Hà Đông nhiều cơ mà!”

Mỗi bận có khách bên họ ngoại ở dưới tỉnh Nam lên chơi, thế nào ông lão cũng phải dắt ra xem lăng cho kỳ được. Ông mê man giảng giải cho họ: cái tượng đá này là ông Hoàng Thạch Công đánh rơi giày. Những người bằng sứ kia là bát tiên quá hải. Cái ông đắp bằng xi măng lù lù ở giữa hồ bát giác kia là là... lấy kiểu tận xa lắm, đâu như tận bên chùa Đế Thích. Còn như cái cọc sắt nhọn hoắt cắm vào cái bầu rượu có đắp bốn con dơi quét vôi vàng mãi tít trên ngọn sinh phần kia là máy thu lôi. Khiếp lắm! Sấm sét là thu tất cả vào trong ấy.

- Chả nguyên là “cụ tôi” phòng sau này nằm xuống bất hạnh sét có đánh phải cũng không việc gì mà. Xem! Trí lực của người ta có khiếp không?

Ông lão vừa nói vừa nhìn vào cái bộ mặt lì xì của người bà con họ bên ngoại giãn ra vì kinh ngạc ấy mà ông lão hả hê cả lòng. Ông thấy cái lăng ấy một phần như có ông.

Nhưng từ ngày khởi nghĩa thì người ta không còn thấy ông đả động gì đến cái lăng ấy nữa. Ông đã bảo ông thù nó cơ mà. Cái lăng ấy nó làm khổ ông, nó

## Vợ nhất

còn làm khổ bao nhiêu người làng này nữa. Xây cái lãng ấy cả làng phục dịch, cả làng gánh gạch, đập đá, làm phu hồ cho nó. Có người ốm, có người chết, có người làm mấy tháng trời không được đồng công nào. Cái chân ông đi khắp khênh bây giờ cũng vì cái lãng ấy. Ông bị một chồng gạch đổ vào bại một bên hông.

Bây giờ khoe làng, ông lão lại khoe khác. Ông khoe những ngày khởi nghĩa đồn dập ở làng, mà ông gia nhập phong trào từ hồi kỳ còn bóng tối. Những buổi tập quân sự. Cả giới phụ lão có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai. Mỗi lần hô động tác, anh huấn luyện viên lại phải dậm tiếng ạ... thườn thượt đằng sau: “Nghiêm ạ!... Nghỉ ạ!... Vác súng lên vai ạ!...”.

Nhất là những hố, những ụ, những giao thông hào của làng ông thì làm công trình không để đâu hết. Ông lão kể rành rọt từng cái một. Cái thì đắp ở đầu xóm Ba Khu, cái thì xây ở Ngõ Mái, cái thì xẻ thông từ đầu phố trên đến tận đầu phố dưới. Cửa mạch nhà nào cũng đục, có thể đi suốt làng không phải ra đến đường cái.

Cung có khi ông lão lại ngậm ngùi kể lại những chuyện ngày xưa ngày xưa nào không biết, ông bị bọn hương lý trong làng truất ngôi trừ ngoại xiêu dạt đi, lang thang hết nơi này đến nơi khác, lần mò vào đến tận đất Sài Gòn, Chợ Lớn kiếm ăn. Ba chìm bảy nổi mười mấy năm trời mới lại được trở về quê hương bản quán.

Cứ như vậy, suốt cả buổi tối, ông lão ngồi vén quần lên tận bẹn trên chiếc chõng tre nhà bác Thứ mà nói liên miên hết cái đường xóm kia tốt, cái giếng xóm kia trong với những chuyện đầu chuyện đuôi về cái

làng của ông lão, làm như bác Thứ cũng quen biết và bận tâm đến những thứ ấy lắm.

Thực ra ông lão chỉ nói cho sướng miệng và đỡ nhớ cái làng của ông chứ cũng chẳng chú ý gì đến người nghe có thích nghe lắm không. Đôi khi thấy mình mãi nói quá, mà bác Thứ hình như lơ đãng những đầu đầu, ông lão lại nhắc:

- Cậu vẫn nghe đấy chứ?

Thì bác Thứ giật mình, trả lời vội vàng:

- Có! Có! Tôi vẫn nghe đây, ông kể nốt đi...

Thế là ông lão lại kể.

Nhưng cũng có nhiều bận đang ngồi nói mãi mê như vậy, bỗng dưng ông ngắc lại, mặt ông thần ra, ông nghĩ ngợi một lúc lâu rồi thủ thỉ:

- Chuyến này bước chân ra đi... Năm năm, ba năm hay mười mười lăm năm, không biết có còn về được đến làng đến nước nữa không đây.

Ông lão im lặng, thở dài:

- Nó chết một cái nhà tôi neo người quá, phải đi, chứ những như một mình tôi, thì tôi ở lại làng với anh em cơ đấy. Quê cha đất tổ một lúc rút ruột bỏ đi làm gì mà không đau xót hả bác?...

\*

Thực tình ông Hai không muốn tản cư lên trên này một tí nào. Trong làng còn có một số anh em ở lại, họ quây quần với nhau khoảng chừng năm, sáu nóc nhà giữa làng. Ngày ngày cùng anh em đi đào đường đắp ụ, công việc bề bộn, ông chẳng còn kịp nghĩ gì đến vợ con, nhà cửa nữa. Năm bảy lần bà Hai nhấn về thúc

## Vợ nhặt

phải lên ngay, ông chỉ nhả mặt kêu: “Công việc đang như lửa đốt đầu thế này, đã lên thế nào được”.

Hôm bà Hai về đón, ông lão lại toan không đi. Ông nghĩ: mình sinh sống ở cái làng này từ tấm bé đến giờ. Ông cha cụ kỵ mình xưa kia cũng sinh sống ở cái làng này đã từ bao nhiêu đời nay rồi. Bây giờ gặp phải cái lúc hữu sự như thế này mình lại đâm đầu bỏ đi còn ra thế nào nữa. Công việc là công việc chung chứ của riêng mình ai?

Ông lão bảo vợ:

- Tôi thì tôi không đi được đâu. Mẹ con mày trên ấy liệu bảo nhau xoay xỏa mà làm ăn. Ở nhà rồi tôi cũng cố cày cấy, thêm thắt vào tôi gửi lên cho, tản cư thì cũng phải thiếu thốn một tí chứ, lại như ngày trước thì có đâu.

Nhưng bà Hai khóc lóc, bà năn nỉ bắt ông phải đi, bà bảo:

- Thế ông định bỏ mẹ con tôi chết đói à? Ông phải lên trông nom chúng nó cho tôi xoay xỏa chứ.

Rồi bà khẩn khoản nói với mọi người, khẩn khoản với đồng chí thôn đội trưởng, mọi người đồng ý để ông Hai đi, ông Hai đành phải nghe theo. Ông buồn khổ lắm, nhưng cũng không biết làm thế nào. Tình cảnh mẹ con chúng nó quả là có gieo neo thật. Một nách ba đứa con dại, vốn liếng lại chẳng có, cứ nhong nhóng ôm con ở nhà thì lấy gì mà ăn? Nhà có người đàn ông nó như nhà có nóc ấy. Ông lên rồi làm thuê làm mướn thêm cặp vào cũng đỡ vực được ít nhiều.

“Thôi thì chẳng ở lại làng cùng anh em được, thì tản cư âu cũng là kháng chiến”.

...Những ngày đầu ở trên này công việc không có, trong người ông lão lúc nào cũng bực bội. Ông ít nói, ít cười, cái mặt lúc nào cũng lăm lăm. Xin được miếng đất sau nhà, ông hậm hùi cuộc xối suốt ngày, vừa được mấy luống rau cải, bèn chân thì đàn gà nhà chủ ra vật trụi tiệt. Ông lão cáu lăm. Không thể cáu được với ai, ông quay ra cáu với vợ con. Hơi một tí là gắt, hơi một tí là chửi, lăm khi chuyện chẳng đâu vào đâu, ông cũng khơi ra cho to để gây sự. “Chúng mày làm khổ ông! Chúng mày làm khổ ông vừa vừa chứ! Ông thì giết hết, ông thì giết hết!”.

Mỗi lần ông lão bước chân ra khỏi cái gian nhà tối thấp bề bộn những bồ, bị, nôi, niêu, và những dây quần áo ẩm sì ấy là mặt ông lão nhẹ nhõm, tươi tỉnh hẳn lên. Sao mà ông lão sợ cái gian nhà ấy thế! Nhất là những buổi trưa im vắng, oi ả, có tiếng mụ chủ nhà nói nheo nhéo ở bên ngoài, thì ông lão không sao chịu được. Ông lão phải đi cho nó khuất.

Ông Hai chưa thấy người đàn bà nào tham lam, tinh quái như mụ ta. Người thì gây dết như thanh củi khô. Cái miệng mỏng lẻo lẻo, nói cứ liến đi, mà chùa thần là gian. Không vào nhà thì thôi, động vào nhà là nhòm. Mụ nhòm xó này một tí, nhòm xó kia một tí, rồi lục. Mụ giờ lọ tương lên ngấm rồi đặt xuống, mụ mở thạp gạo ra xem, lại đập vào, mụ lục bồ moi chiếc áo ra uớm thử vào người, rồi ném trả. Hình như trong ý mụ, mụ nghĩ: Chúng mày ở nhà tao, thì những thứ của chúng mày cũng như của tao. Đồ ăn thức đựng của mụ, mụ cất kỹ đi. Con dao, cái chậu, bó củi của người ta, mụ dùng tự nhiên, hồ cất đi mụ lại lôi ra. Không tìm thấy thì mụ nói móc, nói máy như chính

## Vợ nhặt

mụ bị người ta hà hiếp. Đến cả cái ăn, cái uống mụ cũng dây phần vào. Có cái nồi nước giải mua để tặng gia một tí, mụ cũng lấy hết.

Trong nhà động có thức gì mụ đã biết rồi. Không một hôm nào bà Hai ở quán về mụ không sắn đến vạch thúng ra xem.

- Ái chà! Nhà này có mớ cá ngon gồm, chiều tớ phải xin một bát mấy được.

Thế là chiều mụ sai con bưng bát đến xin. Mụ đẩy lưng thẳng bé:

- Con cứ xuống mà xin, tội gì.

Có cái gì ăn giấu mà mụ biết thì mụ đánh hơi. Mụ đứng giữa nhà, héch cái mũi lên hít hít:

- Có cái gì mà thơm gồm, y như mùi bánh rán ấy anh em ạ. Mẹ kiếp, nhà này nó giấu.

Cứ lâu lâu, mụ lại vay tiền. Lúc mua trâu vô, lúc mua diêm thuốc, mớ rau, con cá... Có đòi thì mụ chùng chẳng:

- Tớ trừ vào tiền thuê nhà đấy.

Mụ cười rất nhạt:

- Nói đùa đấy chứ, mai tớ cuốc mẻ sắn tớ bán tớ khắc trả.

Và mụ tiếp luôn:

- Này, nói thì bảo là tham, cái nhà ông Hai này, với bác Thứ bên kia ở, thật tớ đẽch được cái gì; ở xóm dưới, cánh hàng xáo họ ở, họ nuôi lợn được vô khối là "khuẩn". Nói thật, tớ cho ở nhờ chỉ chủ có mỗi cái "khuẩn" thôi...

Ngay từ dạo mới lên, ông Hai đã bực mình với mụ ấy lắm rồi. Nghe xóm giềng ở đây người ta nói, ông biết mụ không phải là người đứng đắn. Mụ lấy đến

người chồng này là đời chồng thứ ba rồi; hai người trước, người thì người ta bỏ mụ, người thì mụ bỏ người ta. Tính nết lành chanh lành chổi, chỉ bắt nạt chồng. Người chồng thì lại hiền lành quá, cả ngày cặm cùi làm. Vợ nói, có tức lắm thì cũng chỉ đỏ mặt lên, văng tục văng giác mấy câu rồi thôi.

Ông Hai ghét mụ chủ lắm. Ông không muốn ở chung ở chạ với những người như thế. Năm lần bảy lượt ông bảo vợ dọn nhà đi nơi khác. Nhưng bà Hai cứ lẩn chần. Bà bảo:

- Biết rằng đâu hơn đâu, hay là lại quá tội. Trong làng ngoài phố nhà nào cũng ba bốn bếp tản cư cả. Có được chỗ chui ra chui vào như thế này là may mắn lắm rồi còn gì nữa.

Ông lão đành phải dúi dẳng chờ vậy.

\*

Buổi trưa hôm ấy ông Hai ở nhà một mình. Con bé lớn gánh hàng ra quán cho mẹ chưa thấy về. Hai đứa bé thì ông cất chúng nó ra vườn trồng mấy luống rau mới cấy lại chẳng gà vặt hết.

Ông Hai hí hục vờ một vạt đất rậm ngoài bờ suối từ sáng đến giờ, ông tính để trồng thêm vài trăm gốc sắn ăn vào những tháng đói sang năm. Có một mình, ông phải làm cố, hai vai mỗi nhừ. Ông nằm vạt lên giường vát tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hò, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn

## Vợ nhặt

được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc là còn khuyết lắm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

Bên ngoài, ánh nắng rơi xuống mặt sân sáng lóa, có mấy tiếng gà trưa cất lên eo óc. Gian nhà càng như lìm đi, mờ mờ hơi đất. Giờ này là暮 chủ sắp đi làm đồng về đây. Ông lại sắp phải nằm trong này mà nghe暮 chủ con mắng cái, kêu vại nước chóng cạn, cái bếp bừa bộn nheo nhéo lên đây.

Tấm liếp che cửa bỗng kêu lạch xạch, gian nhà sáng bừng lên. Ông Hai giật mình, ngóc đầu nhìn ra. Đứa con gái lớn gồng đôi thúng không bước vào.

Ông cất tiếng hỏi:

- Ở ngoài ấy làm gì mà lâu thế này?

Không để đứa con kịp trả lời, ông lão nhòm dậy, vơ lấy cái nón:

- Ở nhà trông em nhá! Đừng có đi đâu đấy.

Ông lão giơ tay chỉ lên nhà trên:

- Nó thì rút ruột ra, biết chữa!

Dứt lời ông bước vội ra ngoài. Trời xanh lồng lộng, có những tảng mây sáng chói, lừ đừ. Đường vắng hắt người qua lại. Họ dạt cả vào các khoảnh bóng cây tránh nắng. Một vài tiếng động nhẹ khẽ gợn lên, ỏi ả.

Ông Hai đi nghênh ngang giữa đường vắng, cái đầu cung cúc lao về phía trước. Hai tay vung vẩy, nhấp nhồm. Gặp ai quen ông lão cũng nín lại cười cười:

- Nắng này là bỏ mẹ chúng nó!

Có người bỏ ngõ hỏi lại: "Chúng nó nào?". Thì ông lão bật cười, giơ tay trở về phía tiếng sủng:

- Tây ấy chứ còn chúng nó nào nữa. Ngồi trong vị trí giờ bằng ngồi tù.

Dứt lời, ông lão lại đi, làm như đang bận nhiều công việc lắm. Cũng như mọi hôm, việc đầu tiên là ông vào phòng thông tin nghe đọc báo. Ông cứ đứng vờ vờ xem tranh ảnh chờ người khác đọc rồi nghe lỏm. Điều này ông khổ tâm hết sức. Ông cũng đã có học được một khóa Bình dân học vụ ở làng, cũng đã biết đọc, biết viết. Nhưng chữ in khó nhận mặt chữ, ông đọc nó cứ bập bõm, câu được câu chẳng, mà chả lẽ cứ ghéech cổ lên giữ chặt lấy tờ báo không cho người khác xem nữa? Ông ghét thậm những anh cày ta đây lắm chữ, đọc báo lại cứ đọc thầm một mình, không đọc ra thành tiếng cho người khác nghe nhờ mấy.

Hôm nay may quá, vợ được anh dân quân đọc rất to, đồng dặc, rành rọt từng tiếng một, cơ chừng anh ta cũng mới học, đánh vần được chữ nào, anh ta đọc luôn chữ ấy. Ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay. - Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kỳ lên Tháp Rùa. “Đấy, cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa?” Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng. Đội nữ du kích Trưng Trắc giả làm người đi mua hàng đã bắt sống một tên quan hai bớt Thao ngay giữa chợ. “Khiếp thật, tinh những người tài giỏi cả”. Lại còn bao nhiêu tin đột kích nữa, chỗ này giết được năm Pháp với hai Việt gian; chỗ kia phá đổ được một xe tăng và một xe jeep. “Cứ thế, chỗ này giết một tí, chỗ kia giết một tí, cả súng ống cũng vậy, hôm nay dăm khẩu, ngày mai

## Vợ nhặt

dầm khẩu, tích tiểu thành đại, làm gì mà rồi thằng Tây không bước sớm”. Ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!

Ông lão náo nức bước ra khỏi phòng thông tin, rẽ vào quán dặn vợ mấy việc rồi đi thẳng ra lối huyện cũ. Ở đây, những tốp người tản cư mới ở dưới xuôi lên đứng ngồi lơ nhố cả ở dưới mấy gốc đa sù sì, cành lá rườm rà ken vào nhau, rải xuống mặt đường và bãi cỏ một vùng bóng mát rộng. Ông lão ngồi vào một cái quán gần đấy. Hút một điếu thuốc Lào, uống một hạm chè tươi nóng, ông chóp chép cái miệng ngẫm nghĩ, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc. Tiếng quạt, tiếng thổi, tiếng trẻ con khóc, cùng với tiếng cười nói của cánh đi phá đường về râm ran một góc đường. Dưới chân đồi, những thửa ruộng lúa xanh mượt, uốn quanh co dưới trời nắng, lấp loáng như một khúc sông. Có mấy bóng cò trắng bay dật dờ...

- Các ông các bà ở đâu ta lên đấy ạ?

Ông Hai đặt bát nước xuống chõng hổi. Một người đàn bà mau miệng trả lời:

- Thưa ông chúng cháu ở Gia Lâm lên đấy ạ. Đi bốn năm hôm mới lên đến đây, vất vả quá!

- Ở Gia Lâm lên ạ? Lúa má dưới ta thế nào, liệu có cấy được không bác?

- Chả cấy thì lấy gì mà ăn. Cấy tất ông ạ. Chân ruộng dưới chúng cháu còn tốt hơn trên này nhiều.

- Thì vườn! Lúa dưới ta vườn tốt nhiều chứ.

Ông lão rút một hơi thuốc Lào nữa, gạt gù cái đầu:

- Hừ, đánh nhau cứ đánh nhau, cày cấy cứ cày cấy, tản cư cứ tản cư... Hay đáo để.

- Này bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rất thế không?

Một người đàn bà cho con bú mé bên kia nói xen vào:

- Nó rút ở Bắc Ninh về, qua chợ Dầu nó khùng bố ông ạ.

Ông Hai quay phát lại lấp bắp hỏi:

- Nó... nó vào chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng?

Người đàn bà ẵm con cong môi lên đồng đánh:

- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây còn giết gì nữa.

Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới dặng ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...

- Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ ông ạ. Tây vào làng, chúng nó bảo nhau vác cờ thần ra hoan hô. Thằng chánh Bệu thì khuân cả tủ chè, đỉnh đồng, vãi vóc lên xe cam nhông, đưa vợ con lên vị trí với giặc ở ngoài tỉnh mà lại.

Có người hỏi:

- Sao bảo làng chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?...

- Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!

Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm chẹp miệng cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:

- Hà, nắng gắt, về nào...

Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên

## Vợ nhất

ấy vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lạnh lạnh của người đàn bà cho con bú:

- Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!

Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mộ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ tràn ra... Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm. Chẳng nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được? Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!...

Nhưng sao lại nẩy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có lửa thì sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm,

người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...

Chiều hôm ấy bà Hai về cũng có vẻ khác. Bà bước uể oải, cái mặt cúi xuống bản thân. Đôi quang thúng thông thẹo trên hai mấu đòn gánh. Bà đi thẳng vào trong nhà lúi húi xếp hàng vào một xó, rồi lẳng lẳng ra bậc cửa ngồi ôm má nghĩ ngợi. Trẻ con cũng không đứa nào dám vói quà. Trong nhà có cái im lặng thật là khó chịu, không ai dám cất tiếng lên nói, cả đến nhìn nhau họ cũng không dám nhìn nhau nữa.

Mãi khuya, bà Hai mới chống gối đứng dậy. Bà lẳng lẳng xuống bếp châm lửa ngồi tính tiền hàng. Vẫn những tiền cua, tiền bún, tiền đồ, tiền kẹo... Vẫn cái giọng rì rầm, rì rầm thường ngày.

- Này thầy nó ạ.

Ông Hai nằm rũ ra ở trên giường, không nói gì.

- Thầy nó ngủ rồi à?

- Gì?

Ông lặc khế nhúc nhích.

- Tôi thấy người ta đồn...

Ông lão gắt lên:

- Biết rồi!

Bà Hai nín bật. Gian nhà lặng đi, hiu hắt. Ánh lửa vàng nhờ nhờ ở ngọn đèn dầu lạc vờn trên nét mặt lo âu của bà lão. Tiếng thở của ba đứa trẻ chụm đầu vào nhau ngủ nhẹ nhàng nổi lên, nghe như tiếng thở của gian nhà.

- Thế nhưng người ta đồn trên này người ta không chứa những người chợ Dầu nữa thầy nó ạ.

## Vợ nhặt

Nghe ngóng một chút, không thấy chồng trả lời, bà lão lại cúi xuống lầm bầm tính. Nét mặt bà lặng đi, chịu đựng và nhẫn nhục.

Bên gian bác Thứ đã ngủ từ lâu, chung quanh đều im lặng... Một vài tiếng chó nhúc nhúc sửa phía xa, và có tiếng trẻ khóc vắng vắng trong tiếng gió.

Ông Hai vẫn trần trọc không sao ngủ được. Ông hết trở mình bên này lại trở mình bên kia, thở dài. Chợt ông lão lặng hẩn đi, chân tay nhũn ra, tưởng chừng như không cất lên được... Có tiếng nói léo xéo ở gian trên. Tiếng mẹ chủ... Mẹ nói cái gì vậy? Mẹ nói cái gì mà lão xào thế? Trống ngực ông lão đập thành thịch. Ông lão nín thở, lắng tai nghe ra bên ngoài...

Bà Hai bỗng lại cất tiếng:

- Thầy nó ngủ rồi ư? Dậy tôi bảo cái này đã.

Ông Hai bật ngóc đầu dậy, giơ tay trở lên nhà trên, ông sít hai hàm răng lại mà nghiến:

- Im! Khổ lắm! Nó mà nghe thấy lại không ra cái gì bây giờ.

Ông lão lại ngả mình nằm xuống, không nhúc nhích.

\*

Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng. Nghe ngóng xem bình tình bên ngoài ra sao. Một đám đông túm lại ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”.

Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi, lại chuyện ấy rồi!

Nhưng còn cái này nữa mà ông sợ, có lẽ còn ghê hơn cả những tiếng kia nhiều. Ấy là mẹ chủ nhà. Từ ngày xảy ra chuyện ấy, hình như mẹ ta lấy điều làm cho vợ chồng ông khổ ngấm khổ ngấm là mẹ thích.

Sáng chiều bốn buổi đi làm đồng về, mẹ kéo lê cái nạo cỏ quعن quẹt dưới đất, qua cửa, mẹ nhòm vào nói những câu bóng gió xa xôi, như khĩa vào thịt ông lão. Thôi thì bây giờ thế nào mà chả phải chịu. Có được chỗ chui ra chui vào là may lắm rồi. Mỗi lần mẹ nói, ông lão chỉ cười gượng làm như không biết chuyện gì.

Ông thì muốn lặng đi như thế, nhưng mẹ chủ nhà có để cho ông yên đâu.

Sáng hôm nay, lúc bà Hai sắp sửa quang gánh ra hàng thì mẹ chủ nhà không biết đi đâu về, mẹ đứng giăng hàng ở ngoài sân nói chớ vào:

- Bà lão chưa đi hàng cơ à? Muộn mấy?...
- Chưa bà ạ. Mời bà vào chơi trong này!
- Vâng, bà để mặc em... À bà Hai này!...

Mẹ chạy sát vào bức cửa, thân mật:

- Trên này họ đồn giăng giăng ra rằng thì là làng dưới nhà ta đi Việt gian theo Tây đấy, ông bà đã biết chưa nhỉ?... Nghe nói, bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này không cho ở nữa.

Mẹ chủ chép miệng, giọng ngọt xớt:

- Em cứ khó nghĩ quá... Ông bà cũng là người làm ăn tử tế cả. Nhưng mà có lệnh biết làm thế nào. Đành nhẽ là ông bà kiếm chỗ khác vậy... Đây, ở với nhau đang vui vẻ, ông bà dọn đi, em lại cứ nhớ đáo để đấy nhớ.

## Vợ nhặt

Bà Hai cúi mặt xuống rân rân nước mắt, bà nói:

- Vâng... thôi thì dân làng đã chả cho ở nữa, chúng tôi cũng đành phải đi nơi khác chứ biết làm thế nào. Nhưng xin ông bà trên ấy nghĩ lại thư thư cho vợ chồng chúng tôi vài ba hôm nữa. Bây giờ bảo đi, vợ chồng chúng tôi cũng không biết là đi đâu...

Mụ chủ đi rồi, bà Hai và con bé lớn nước mắt rùng rùng, lẳng lặng gánh hàng ra quán. Vợ chồng cũng chẳng dám nói với nhau câu gì.

Ông Hai ngồi lặng trên một góc giường, bao nhiêu ý nghĩ đen tối, ghê rợn, nổi tiếp bởi bởi trong đầu óc ông lão. Biết đem nhau đi đâu bây giờ? Biết đâu người ta chứa bố con ông mà đi bây giờ?...

Thật là tuyệt đường sinh sống! Mà không một gì cái đất Thăng này. Ở Đài, ở Nhã Nam, ở Bồ Hạ, Cao Thượng... đâu đâu có người chợ Dầu người ta cũng đuổi như đuổi hủi. Mà cho dầu vì chính sách Cụ Hồ người ta chẳng đuổi đi nữa, thì mình cũng chẳng còn mặt mũi nào đi đến đâu.

"Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây...", cái câu nói của người đàn bà lẩn cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.

Hay là quay về làng?...

Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến. Bỏ Cụ Hồ...

Nước mắt ông giàn ra, về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây. Ông lão nghĩ đến mấy thằng kỳ lý chuyên môn khoa khoét ngày trước lại ra vào hống hách ở trong cái đình. Và cái đình lại như của riêng chúng nó, lại thâm nghiêm ghê gớm, chứa toàn

những sự ức hiếp, đè nén. Ngày ngày chúng dong ra, dong vào, đánh tổ tôm mà bàn tư việc làng với nhau ở trong ấy. Những hạng khổ rách áo ôm như ông có đi qua cũng chỉ dám liếc trộm vào, rồi cắm đầu xuống mà lủi đi. Anh nào ho he, hóc hách một tí thì chúng nó tìm hết cách để hại, cắt phần ruộng, truất ngôi, trừ ngoại, tống ra khỏi làng...

Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à?

Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.

Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhẹ nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:

- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?

- Là con thầy mấy lị con u.

- Thế nhà con ở đâu?

- Nhà ta ở làng chợ Dầu.

- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?

Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:

- Có.

Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu lại hỏi:

- À thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?

Thằng bé giơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:

- Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!

Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:

- Ừ đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ.

## Vợ nhặt

Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lão lại thủ thủ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại mình oan cho mình nữa.

Anh em đồng chí biết cho bố con ông.

Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.

Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy, nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.

Khoảng ba giờ chiều hôm ấy, có một người đàn ông đến chơi nhà ông Hai. Hắn cũng là người chợ Dầu. Hai người thì thâm ở góc nhà một lúc lâu rồi thấy ông Hai đóng khăn áo chỉnh tề tất tả theo hắn đi. Ông vội vã đến quên cả dặn trẻ coi nhà.

Ông Hai đi mãi đến sẩm tối mới về. Cái mặt buồn thỉu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy... Vừa đến ngõ, ông lão đã lên tiếng:

- Chúng mày đâu rồi, ra thấy chia quà cho nào.

Lũ trẻ ở trong nhà ùa ra, ông lão rút vội cái gói bọc lá chuối khô cho con bé lớn:

- Bánh rán đường đây, chia cho em mỗi đứa một cái.

Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ. Chưa đến bậc cửa, ông lão đã bô bô:

- Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.

Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lại lật đặt bỏ lên nhà trên.

- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... Cải chính cái tin làng chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra lão! Lão hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!

Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đặt bỏ đi nơi khác. Còn phải kể cho người khác biết chứ. Ông lão cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người. Ai cũng mừng cho ông lão. Đến ngay cả mụ chủ nhà là người ông lão yên trí, nghe tin này thế nào mặt mụ cũng sa sầm xuống mà nói tức nói xóc, thì trái lại, mụ lại tỏ vẻ rất vui sướng. Mụ giương tròn cả hai mắt lên mà reo:

- A, thế chứ! Thế mà tổ cú tưởng dưới nhà đi Việt gian thật, tổ ghét ghê ấy... Thôi, bây giờ thì ông bà lại cứ ở tự nhiên ai bảo sao. Ăn hết nhiều chứ ở hết là bao nhiêu.

Mụ cười khi khí:

- Này, rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy!

Ông Hai gật gật:

- Được, được, chuyện này rồi phải nuôi chứ...

Tối hôm ấy ông Hai lại sang bên gian bác Thứ, lại ngồi trên chiếc chõng tre vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.

Ông kể lại hôm Tây vào khủng bố. Chúng nó có bao thằng, bao nhiêu Tây, bao nhiêu Việt gian, đi những đường nào, đốt phá những đâu đâu, và dân quân, tự vệ làng ông bố trí, cầm cự ra sao; rành rọt tỉ mỉ như chính ông lão vừa dự trận đánh giặc ấy xong thật...

## VỢ NHẬT

**T**rước kia mỗi chiều, cứ vào lúc chạng vạng mặt người thì Tràng đi làm về. Hấn bước ngật ngưỡng trên con đường khẳng khiu luôn qua cái xóm chợ của những người ngụ cư vào trong bến.

Hấn vừa đi vừa tũm tũm cười, hai con mắt nhỏ tí, gà gà dăm vào bóng chiều, hai bên quai hàm bạnh ra, rung rung làm cho cái bộ mặt thô kệch của hấn lúc nào cũng nhấp nhỉnh những ý nghĩ gì vừa lý thú, vừa dũ tợn. Hấn có tật vừa đi vừa nói. Hấn lảm nhảm, than thở những điều hấn nghĩ.

Trẻ con trong xóm, cứ thấy cái thân hình to lớn, vập vập của hấn từ dốc chợ đi xuống là ùa cả ra, vây lấy hấn, reo cười văng lên.

- A a a... anh Tràng! Anh Tràng đã về chúng mày ơi!

- Anh Tràng ơi! Bế em mấy...

- Anh Tràng ơi! Đã uống rượu chưa?...

- Anh Tràng ơi! Anh Tràng!...

Đứa túm đằng trước, đứa túm đằng sau, đứa cù đứa kéo, đứa lôi chân không cho đi. Tràng chỉ ngửa mặt lên cười hênh hếch.

Cái xóm ngụ cư tồi tàn ấy mỗi chiều lại xôn xao lên được một lúc.

Nhưng độ này thì trẻ con không đứa nào buồn ra đón Tràng nữa, chúng nó ngồi ủ rũ dưới những xó tường không buồn nhúc nhích. Trong bóng chiều nhá nhem, Tràng đi từng bước mệt mỏi, chiếc áo nâu tàng vắt sang một bên cánh tay, cái đầu trọc nhẵn cúi về đằng trước. Hình như những lo lắng, chật vật trong một ngày đè xuống cái lưng to rộng như lưng gấu của hắn.

Cái đói đã tràn đến xóm này từ lúc nào. Những gia đình từ những vùng Nam Định, Thái Bình đội chiếu lũ lượt bồng bế, dắt díu nhau lên xanh xám như những bóng ma, và nằm ngổn ngang khắp lều chợ. Người chết như ngả rạ. Không buổi sáng nào người trong làng đi chợ, đi làm đồng không gặp ba bốn cái thây nằm còng queo bên đường.

Không khí vẫn lên mùi ẩm thối của rác rưởi và mùi gây gây của xác người.

Giữa cái cảnh tối sầm lại vì đói khát ấy, một buổi chiều, người trong xóm bỗng thấy Tràng về với một người đàn bà nữa. Mặt hắn có một vẻ gì phớn phở khác thường. Hắn tủm tỉm cười nụ một mình và hai mắt thì sáng lên lấp lánh. Người đàn bà đi sau hắn chừng ba bốn bước. Cô ẵm cái thúng con, đầu hơi cúi xuống, cái nón rách tàn nghiêng che khuất đi nửa mặt. Á ta có vẻ rón rén, e thẹn. Mấy đứa trẻ con thấy lạ vội chạy ra đón xem. Sợ chúng nó đùa như ngày trước, Tràng vội làm nghiêm nét mặt, lắc đầu ra hiệu không bằng lòng.

Mấy đứa trẻ đứng dừng lại, nhìn Tràng, nhìn người đàn bà đi sau, đột nhiên có đứa gào lên:

## Vợ nhặt

- Anh Tràng ơi! - Tràng quay đầu lại. Nó lại cong cổ gào lên lần nữa. - Chông vợ hài!

Tràng bật cười:

- Bớ ranh!

Người đàn bà có vẻ khó chịu lắm. Ả nhứ đôi lông mày lại, đưa tay lên xóc xóc lại tà áo.

Ngã tư xóm chợ về chiều càng xác xơ, heo hút. Từng trận gió từ cánh đồng thổi vào, ngăn ngắt. Hai bên dãy phố, úp súp, tối om, không nhà nào có ánh đèn, lửa. Dưới những gốc đa, gốc gạo sù sì bóng những người đói dật dờ đi lại như những bóng ma. Tiếng quạ trên mấy cây gạo ngoài bãi chợ gào lên từng hồi thê thiết.

Nhìn theo bóng Tràng và bóng người đàn bà lủi thủi đi về bến, người trong xóm lạ lắm. Họ đứng cả trong ngưỡng cửa nhìn ra bàn tán. Hình như họ cũng hiểu được đôi phần. Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dựng rạng rõ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tối tăm ấy của họ. Một người thở dài. Người khác khẽ thì thầm hỏi:

- Ai thế nhỉ?... Hay là người dưới quê bà cụ Tứ mới lên?

- Chả phải, từ ngày còn mồ ma ông cụ Tứ, có thấy họ mạc nào lên thăm đâu.

- Quái nhỉ!

Im một lúc, có người bỗng lại cười lên rung rúc.

- Hay là vợ anh cu Tràng? Ừ khéo mà vợ anh cu Tràng thật anh em ạ, trông chị ta thên thện hay đáo để.

- Ôi chào! Giời đất này mà còn rước cái của nợ đời về. Biết có nuôi nổi nhau sống qua được cái thì này không?

Họ cùng nín lặng.

Người đàn bà như cũng biết xung quanh người ta đang nhìn dồn cả về phía mình, cô ả càng ngượng nghịu, chân nọ bước riu cả vào chân kia. Hấn cũng biết thế, nhưng hấn lại lấy vậy làm thích ý lắm, cái mặt cứ vênh lên tự đắc với mình. Người đàn bà cầu nhàu câu gì trong miệng. Hấn quay lại hỏi:

- Gì hả?

- Không.

Hấn cũng cầu nhàu:

- Làm gì mà họ khỏ nhìn thế không biết?

Hấn bỗng đứng dừng lại nhìn ngang nhìn ngửa.

- Này bác Tràng! Bác Tràng!...

Sau một khuôn cửa tối, một cái đầu trọc thò ra gọi giật giọng. Tràng lật đật quay lại.

- Về muộn mấy? Hăng vào chơi cái đĩa nào.

Tràng đứng lại, thoái thác:

- Thôi ông để cho đến hôm khác.

Cái đầu trọc nháy nháy một con mắt, hất hất về phía người đàn bà, hóm hỉnh:

- Cánh nào đấy?

- À hà... người quen. Thôi để hôm khác ông nhá.

Hấn quay ngoắt trở ra, lật đật chạy theo người đàn bà, như người xấu hổ chạy trốn. Người đàn bà đi đến trước cái miếu cũ. Tràng gọi với:

- Ấy, rẽ lối này cơ mà.

- Đằng này à?

## Vợ nhặt

- Ừ.

Hai người lặng lẽ rẽ xuống một con đường nhỏ. Con đường sâu thẳm thẳm, luồn giữa hai bờ tre cao vút. Ở đây vắng vẻ, thoải mái. Hắn định nói với ả một vài câu rõ tình tứ mà chẳng biết nói thế nào. Hắn cứ lúng túng, tay nọ xoa xoa vào vai kia đi bên người đàn bà. ả cũng không nói gì, hai con mắt tư lự nhìn ra phía trước. Tiếng gió trên bờ tre rì rào và tiếng lá khô kêu xào xạc dưới bàn chân.

Trong một lúc, Tràng hình như quên hết những cảnh sống ê chề, tăm tối hàng ngày, quên cả cái đói khát ghê gớm đang đe dọa, quên cả những thán ngày trước mặt. Lòng hắn bây giờ chỉ còn tình nghĩa giữa hắn với người đàn bà đi bên. Một cái gì mới mẻ, lạ lẫm, chưa từng thấy ở người đàn ông nghèo khổ ấy, nó ôm ấp, mơn man khắp da thịt Tràng, tựa hồ như có bàn tay vuốt nhẹ trên sống lưng.

- Sắp đến chưa? - Người đàn bà chợt hỏi.

- Sắp.

- Nhà có ai không?

- Có mỗi mình tôi mấy u.

ả tủm tỉm cười:

- Đã một mình lại còn mấy u. Bé lắm đấy!

Hắn bật cười:

- À nhỉ.

Câu chuyện xem chừng đã thân thân. Hắn đi sát gần bên ả hơn, ngẫm nghĩ một lúc, chợt hắn giơ cái chai con vẫn cầm lăm lăm một bên tay lên khoe:

- Dầu tối thấp đây này.

- Sang nhỉ.

- Khá thôi. Hai hào đấy, đất quá, cơ mà thôi chả cần.

- Hoang nó vừa vừa chứ.

Hắn chặc lưỡi:

- Vợ mới vợ miếc cũng phải cho nó sáng sủa một tí chứ, chả nhẽ chưa tối đã rúc vào ngay, hí hí...

- Khi gió.

Ả phát đánh đét vào lưng hắn, khoằm mặt lại.

Hắn thích chí ngửa cổ cười khanh khách. Mấy con chó giật mình chạy thọt vào trong lũy, thò mõm ra sủa vánh lên. Tràng nhặt một hòn gạch, vung tay ném mạnh một cái.

- Mẹ bố chúng mày cần gì thế!

- Vẫn chưa đến à?

- Còn chán.

- Khiếp!

Ả cau mặt lại, giãy lên. Hắn phì ra cười, cúi xuống nhắc cành dong rập cồng ra reo lên:

- Đây rôô ôi!...

Người đàn bà lảng lạng theo hắn vào trong nhà. Cái nhà vắng teo, đứng rúm ró trên mảnh vườn mọc lổn nhổn những búi cỏ dại. Ả đảo mắt nhìn xung quanh, cái ngực gầy lép nhô hẳn lên, nén một tiếng thở dài. Tràng xăm xăm bước vào trong nhà, nhắc tấm phen rách sang một bên, thu dọn những niêu bát, xống áo vứt bừa bộn cả trên giường, dưới đất. Hắn quay lại nhìn chị ả cười cười:

- Không có người đàn bà, nhà cửa thế đấy!

Ả nhếch mép cười nhạt nhẽo. Tràng vỗ vỗ xuống giường đon đả:

## Vợ nhặt

- Ngồi đây!... Ngồi xuống đây, tự nhiên...

Người đàn bà theo lời hắt ngồi mớm xuống mép giường. Cả hai bỗng cùng ngượng ngịu. Tràng đứng tây ngậy ra giữa nhà một lúc, chợt hắt thấy sờ sợ, hắt lấm lét bước vội ra sân găt lên:

- Sao hôm nay bà lão về muộn thế không biết!

Hắt loanh quanh hết chạy ra ngõ đứng ngóng, lại chạy vào sân nhìn trộm vào trong nhà. Người đàn bà vẫn ngồi mớm ở mép giường, hai tay ôm khư khư cái thúng, mặt bần thần. Hắt nghĩ bụng: “Quái sao nó lại buồn thế nhỉ? Ờ sao nó lại buồn thế nhỉ?...” Hắt nhỏ vu vơ một bãi nước bọt, tùm tùm cười một mình. Nhìn cô ả ngồi ngay giữa nhà, đến bây giờ hắt vẫn còn ngờ ngộ như không phải thế. Ra hắt đã có vợ rồi ư? Hà! Việc xảy ra thật hắt cũng không ngờ, hắt cũng chỉ tầm phơ tầm phào đâu có hai bận, ấy thế mà thành vợ thành chồng...

Ít lâu nay hắt xe thóc Liên đoàn lên tỉnh. Mỗi bận qua cửa nhà kho lại thấy mấy chị con gái ngồi vêu ra ở đấy. Hắt đoán họ ngồi nhặt hạt rơi hạt vãi, hay ai có công việc gì gọi đến thì làm. Một lần hắt đang gò lưng kéo cái xe bò thóc vào dốc tỉnh, hắt hò một câu chơi cho đỡ nhọc. Hắt hò rằng:

*“Muốn ăn cơm trắng mấy giò này!*

*Lại đây mà đẩy xe bò với anh, nì”.*

Chủ tâm hắt cũng chẳng có ý chòng ghẹo cô nào, nhưng mấy cô con gái lại cứ đẩy vai cô ả này ra với hắt, cười như nắc nẻ:

- Kìa anh ấy gọi! Có muốn ăn cơm trắng mấy giò thì ra đẩy xe bò với anh ấy!

Cô ả cong cớn:

- Có khối cơm trắng mấy giò đấy! Này, nhà tôi ơi, nói thật hay nói khoác đấy?

Tràng ngoái cổ lại vuốt mồ hôi trên mặt cười:

- Thật đấy, có đấy thì ra mau lên!

Ả ta đứng vùng vằng dậy, ton ton chạy lại đẩy xe cho Tràng.

- Đã thật thì đấy, sợ gì, đằng ấy nhỉ?

Ả liếc mắt, cười tít. Tràng thích lắm. Từ cha sinh mẹ đẻ đến giờ, chưa có người con gái nào cười với hắn tình tứ như thế.

Lần thứ hai, Tràng vừa trả hàng xong, ngồi uống nước ở ngoài cổng chợ thì cô ả ở đâu sầm sầm chạy đến. Ả đứng trước mặt hắn sừng sĩa nói:

- Điều! Người thế mà điều!

Hắn giương mắt nhìn ả, không hiểu. Thật ra lúc ấy hắn cũng chưa nhận ra cô ả là ai. Hôm nay ả rách quá, áo quần tả tơi như tổ đũa, ả gầy sọp hẳn đi, trên cái khuôn mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

- Hôm ấy leo lên cái mồm hện xuống, thế mà mất mặt!

À, hắn nhớ ra rồi, hắn toét miệng cười:

- Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Này hẵng ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

- Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu!

Cô ả vẫn đứng cong cớn trước mặt hắn.

- Đấy muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi:

- Rích bố cu, hở!

## Vợ nhặt

Hai con mắt trũng hoáy của ả tức thì sáng lên, ả đơn dả:

- Ăn thật nhá! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là cô ả ngồi sà xuống, ăn thật. ả cầm đầu ăn một chập bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong ả cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở:

- Hà, ngon! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười:

- Đã làm đếch gì có vợ. Này nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là câu nói đùa, ai ngờ ả về thật. Mới đầu anh chàng cũng chợn, nghĩ: thóc gạo này đến cái thân mình chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng. Sau không biết nghĩ thế nào, hắn tặc lưỡi một cái:

- Chậc, kệ!

Hôm ấy hắn đưa người đàn bà vào chợ tỉnh bỏ tiền ra mua cho ả cái thúng con đựng vài thứ lặt vặt và ra hàng cơm đánh một bữa thật no nê rồi cùng đẩy xe bò về...

\*

Tràng chợt đứng dừng lại, lắng tai nghe. Ngoài đầu ngõ có tiếng người húng hắng ho, một bà lão từ ngoài rặng tre lọng khọng đi vào. Bà lão vừa đi vừa lẩm bầm tính toán gì trong miệng. Thấy mẹ, Tràng reo lên như một đứa trẻ, và gọi với từ trong nhà:

- U đã về đấy!

Hắn lật đật chạy ra đón.

- Hôm nay sao u về muộn thế? Làm tôi đợi nóng cả ruột.

Bà cụ Tứ nhấp nháy hai con mắt nhìn Tràng, chậm chạp hỏi:

- Có việc gì thế vậy?

- Thì u cứ hẵng vào trong nhà đã nào.

Bà lão phấp phồng bước theo con vào trong nhà. Đến giữa sân, bà lão đứng sững lại, bà lão càng phấp phồng hơn. Quái sao lại có người đàn bà nào ở trong ấy nhỉ? Người đàn bà nào lại đứng ngay đầu giường thằng con mình thế kia? Sao lại chào mình bằng u? Không phải con cái Đức mà? Ai thế nhỉ? Bà lão háp háy cặp mắt cho đỡ nhòen - vì tự dưng bà lão thấy mắt mình nhòen ra thì phải. Bà lão nhìn kỹ người đàn bà lần nữa, vẫn chưa nhận ra người nào. Bà lão quay lại nhìn con tỏ ý không hiểu.

Tràng tươi cười:

- Thì u hẵng vào ngồi lên giường lên giéc chính chện cái đã nào.

Bà lão lập cập bước vào. Người đàn bà tưởng bà lão già cả, diếc lác, thị cất tiếng chào lần nữa:

- U đã về ă.

Ô hay thế là thế nào nhỉ? Bà lão băn khoăn ngồi xuống giường. Tràng nhắc mẹ:

- Kìa nhà tôi nó chào u.

Thấy mẹ vẫn chưa hiểu, hần bước lại gần nói tiếp:

- Nhà tôi nó mới về làm bạn với tôi đấy u ă. Chúng tôi phải duyên phải kiếp với nhau... Chẳng qua nó cũng là cái số cả...

## Vợ nhặt

Bà lão cúi đầu nín lặng. Bà lão hiểu rồi. Lòng người mẹ nghèo khổ ấy còn hiểu ra bao nhiêu cơ sự, vừa ai oán vừa xót thương cho số kiếp đứa con mình. Chao ôi, người ta dựng vợ gả chồng cho con cái là lúc trong nhà ăn nên làm nổi, những mong sinh con đẻ cái mở mặt sau này. Con mình thì... Trong kẽ mắt của bà rỉ xuống hai dòng nước mắt... Biết rằng chúng nó có nuôi nổi nhau sống qua được cơn đói khát này không?

Bà lão khẽ thở dài ngẩng lên, dăm dăm nhìn người đàn bà. Thị cúi mặt xuống, tay vân vê cái tà áo đã rách bợt. Bà lão nhìn thị và bà nghĩ: người ta có gặp bước khó khăn, đói khổ này, người ta mới lấy con mình, mà con mình mới có được vợ... Thôi thì bốn phận bà là mẹ, bà đã chẳng lo lắng được cho con... May ra mà qua khỏi được cái tao đoạn này thì thằng con bà cũng có vợ, nó yên bề nó, chẳng may ra ông giờ bất chết cũng phải chịu chứ biết thế nào mà lo cho hết được.

Bà lão khẽ dặng háng một tiếng, nhẹ nhàng nói với “nàng dâu mới”:

- Ừ, thôi thì các con đã phải duyên phải kiếp với nhau. U cũng mừng lòng...

Tràng thở đánh phào một cái, ngực nhẹ hẳn đi. Hắn ho khẽ một tiếng, bước từng bước dài ra sân. Bà cụ Tứ vẫn từ tốn tiếp lời:

- Nhà ta thì nghèo con ạ. Vợ chồng chúng mày liệu mà bảo nhau làm ăn. Rồi ra, may mà ông trời cho khá... Biết thế nào hở con, ai giàu ba họ, ai khó ba đời? Có ra rồi thì còn con cái chúng mày về sau.

Bà lão dăm dăm nhìn ra ngoài. Bóng tối trùm lấy hai con mắt. Ngoài xa, dòng sông sáng trắng uốn khúc

trong cánh đồng tối. Mùi đốt đồng rấm ở những nhà có người chết theo gió thoảng vào khét lẹt. Bà lão thở nhẹ ra một hơi dài. Bà lão nghĩ đến ông lão, nghĩ đến đứa con gái út. Bà lão nghĩ đến cuộc đời cực khổ dài dằng dặc của mình. Vợ chồng chúng nó lấy nhau, cuộc đời chúng nó liệu có hơn bố mẹ trước kia không?...

- Con ngồi xuống đây. Ngồi xuống đây cho đỡ mỏi chân.

Bà lão nhìn người đàn bà, lòng đầy thương xót. Nó bây giờ là dâu là con trong nhà rồi. Người đàn bà khẽ nhúc nhích, thị vẫn khép nép đứng nguyên chỗ cũ. Bà lão hạ thấp giọng xuống thân mật:

- Kể có ra, làm được dăm ba mâm thì phải đấy, nhưng nhà mình nghèo, cũng chả ai người ta chấp nhật chi cái lúc này. Cốt làm sao vợ chồng chúng mày hòa thuận là u mừng rồi. Năm nay thì đói to đấy. Chúng mày lấy nhau lúc này u thương quá...

Bà cụ ghen lời không nói được nữa, và nước mắt cứ thế chảy xuống ròng ròng. Tràng đứng ngoài thấy vậy, hấn bực mình quá hăm hăm bước vào trong nhà, đánh diêm đốt đèn. Thấy sáng, bà lão vội lau nước mắt ngẩng lên:

- Có đèn đấy à? Ừ thấp lên một tí cho sáng sủa... Dâu bây giờ dất gớm lên ấy mày ạ.

Bà lão đứng dậy uể oải sang giường bên kia nằm. Tràng lâu bầu trong miệng: "Chán quá, chẳng đâu vào đâu tự nhiên cũng khóc". Tiếng bà cụ Tú bên kia nói với sang:

- Hôm nào nghỉ ở nhà kiếm lấy ít nứa về đan cái phen mà ngăn ra mày ạ.

## Vợ nhặt

- Vâng.

Tràng ngoan ngoãn đáp lời mẹ. Hấn toan quay lại bảo “cô vợ mới” của hấn cởi áo đi nằm, nhưng thấy thị ngồi bần thần dưới chân giường, tự nhiên hấn lại không dám. Hấn lẳng lặng ngồi xuống cái ghế bên cạnh, cả hai cùng sượng sùng chả biết nói gì. Ánh đèn vàng đục ở góc nhà tỏa ra ấm áp và kéo dài hai cái bóng trên vách. Bên ngoài gió từ mặt sông thổi lên rì rào như tiếng người nói chuyện thầm. Giữa cái im lặng của đôi vợ chồng mới, có tiếng ai hờ khóc ngoài xóm tử tế lọt vào lúc to, lúc nhỏ.

Người đàn bà bỗng thở dài. Tràng quay lại khẽ hỏi:

- Buồn à?

- Không.

- Gớm sao lúc này nói chuyện dai thế, đợi sốt cả ruột.

À lườm hấn không trả lời. Hấn xích lại cười cười.

- Thôi khuya rồi đấy, ngủ đi.

À giờ tay cũng vào trán hấn.

- Chỉ được cái thế là nhanh. Dơ!

Hấn cười khi khi, vươn cổ thổi tắt phụt ngọn đèn. Trong đêm khuya, tiếng hờ khóc tử tế nghe càng rõ...

Sáng hôm sau mặt trời lên bằng con sào, Tràng mới trở dậy. Trong người êm ái lửng lơ như người vừa ở trong giấc mơ đi ra. Việc hấn có vợ đến hôm nay hấn vẫn còn ngỡ ngàng như không phải.

Hấn chắp hai tay sau lưng lững thững bước ra sân. Ánh nắng buổi sáng mùa hè sáng lóa xói vào con mắt còn cay xè của hấn. Hấn chớp chớp liên hồi mấy cái, và bỗng vừa chợt nhận ra, xung quanh mình có cái gì

vừa thay đổi mới mẻ, khác lạ. Nhà cửa, sân vườn hôm nay đều được quét tước, thu dọn sạch sẽ gọn gàng. Mấy chiếc quần áo rách như tổ đĩa vẫn vắt khươm mười niên ở một góc nhà đã thấy đem ra sân hong. Hai cái ang nước vẫn để khô cong ở dưới gốc ổi cũng đã kín nước đầy ăm ắp. Đống rác mùn tung bành ngay lối đi đã hót sạch.

Ngoài vườn, người mẹ đang lúi húi rẫy những bụi cỏ mọc nham nhở. Vợ hắn quét lại cái sân, tiếng chổi từng nhát kêu sần sật trên mặt đất. Cảnh tượng thật đơn giản, bình thường, nhưng đối với hắn lại rất thấm thía cảm động. Bỗng nhiên hắn thấy hắn thương yêu gắn bó với cái nhà của hắn lạ lùng. Hắn đã có một gia đình. Hắn sẽ cùng vợ hắn sinh con đẻ cái ở đây. Cái nhà như cái tổ ấm che mưa che nắng. Một nguồn vui sướng phấn chấn đột ngột tràn ngập trong lòng. Bây giờ hắn mới thấy hắn nên người, hắn thấy hắn phải có bổn phận lo lắng cho vợ con sau này. Hắn xăm xăm chạy ra giữa sân, hắn cũng muốn làm một việc gì để dự phần tu sửa lại căn nhà.

Bà cụ Tứ chợt thấy con giai đã dậy, bà lão nhẹ nhàng bảo nàng dâu:

- Anh ấy dậy rồi đấy. Con đi dọn cơm ăn chẳng muộn.

- Vâng.

Người đàn bà lặng lẽ đi vào trong bếp. Tràng nom cô ta hôm nay khác lắm, rõ ràng là người đàn bà hiền hậu, đúng mực, không còn vẻ gì chao chát, chỏng lỏn như mấy lần Tràng gặp ở ngoài tỉnh. Không biết có phải mới làm dâu mà cô ấy tu chí làm ăn không? Bà mẹ Tràng cũng nhẹ nhõm, tươi tỉnh khác ngày

## Vợ nhặt

thường, cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên. Bà lão xăm xắn thu dọn, quét tước nhà cửa. Hình như ai nấy đều có ý nghĩ rằng thu xếp cửa nhà cho quang quẻ, nề nếp thì cuộc đời họ có thể khác đi, làm ăn có cơ khấm khá hơn.

Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

- Tràng ạ. Khi nào có tiền mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này, ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lỏng bỗng mỗi người ăn được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đũa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:

- Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đặt chạy xuống bếp lễ mễ bưng ra một cái nồi, khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:

- Chè đây! - Bà lão múc ra một bát - Chè khoán đây, ngon đáo đẽ cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt chị tối lại. Chị điêm nhiên và vào miệng.

Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho. Người mẹ vẫn tươi cười, đơn đả:

- Cầm đây mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khối nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đũa, gọt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hần chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì nữa, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình dội lên một hồi trống, dồn dập, vội vã. Dân quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám đen vẩn trên nền trời.

Người con dâu khẽ thở dài, chị nói lí nhí trong miệng:

- Trống gì đấy, u nhỉ?

- Trống thúc thuế đấy. Đằng thì nó bắt giống đay, đằng thì nó bắt đóng thuế. Giời đất này không chắc đã sống qua được đâu các con ạ... - Bà lão ngoảnh vội ra ngoài. Bà lão không dám để con dâu nhìn thấy bà khóc.

Người con dâu có vẻ lạ lắm, chị lẩm bẩm:

- Ở đây vẫn phải đóng thuế cơ à?

Im lặng một lúc chị lại tiếp:

- Trên mạn Thái Nguyên, Bắc Giang người ta không chịu đóng thuế nữa đâu. Người ta còn phá cả kho thóc của Nhật, chia cho người đói nữa đấy.

Tràng thần mặt ra nghĩ ngợi. Cái mặt to lớn bặm lại, khó dăm dăm. Miếng cám ngậm trong miệng hần

## Vợ nhặt

đã bã ra chát xít... Hắn đang nghĩ đến những người phá kho thóc Nhật...

Tràng hỏi vợ trong miếng ăn:

- Việt Minh phải không?

- Ừ, sao nhà biết?

Tràng không trả lời. Trong ý nghĩ của hắn vụt hiện ra cảnh những người nghèo đói âm ỉ kéo nhau đi trên đê Sộp. Đằng trước có lá cờ đỏ to lắm.

Hôm ấy hắn lảng máng nghe người ta nói họ là Việt Minh đấy. Họ đi cướp thóc đấy. Tràng không hiểu gì, sợ quá, kéo vợ xe thóc của Liên đoàn tắt cánh đồng đi lối khác.

À ra họ đi phá kho thóc chia cho người nghèo đói. Tự dưng hắn thấy ân hận, và tiếc rẻ vẫn vợ một cái gì khó hiểu.

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dồn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đũa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới.

## ÔNG LÃO HÀNG XÓM

Việc xảy ra thật đột ngột và phũ phàng. Nó giống như một cơn dông ngày hè thành linh ập đến, tối sầm cả trời đất.

Ông cụ chất Dụ, một ông lão suốt ngày chỉ thấy cỏi trần trùng trục, hì hụi đào xới, đan lát một mình, bây giờ cũng không làm xong nổi việc gì. Ông lão như người chìm trong một giấc chiêm bao. Hai con mắt lơ xuống, ngờ ngạc; cái mặt thì võ đi, sạm lại, u tối.

Ông lão không nói không rằng, hai tay ôm thẳng cháu nhỏ rờ rẫm đi quanh nhà. Ông lão vừa đi vừa thở, vừa ậm ề rên lên từng chập như người đang lên cơn sốt. Cái lưng còng càng còng xuống và hai vai bé nhỏ, xương xẩu thì bóp lại. Hình như những đau khổ trong lòng kéo người ông lão lún xuống. Nhưng cũng có những lúc ông lão ngồi thu mình hàng giờ trong cái góc nhà tối im lìm nhìn ra. Hai con mắt long lanh, rỉ rỉ chảy xuống hai hàng nước mắt.

Chị Đoàn, người con dâu ông lão thì không mấy lúc thấy có nhà. Mồ đất chị đã sắp sửa quang gánh, hay giậm giò đi. Cũng chẳng ai hỏi chị đi đâu, chạy chợ nào. Chị đi chừng đến hai ba giờ chiều mới về, mang theo vài ba ống gạo bọc trong tấm khăn dầu chéo go cũ.

## Vợ nhặt

Bảy giờ trong nhà mới thổi cơm. Nhà chị độ này chỉ ăn một bữa. Có hôm ăn cháo.

Suốt chín mười năm giờ kháng chiến, chồng đi bộ đội vắng, một mình chị lặn lội đầu hôm sớm mai, nuôi bố chồng, nuôi con, chưa bao giờ chị thấy khó khăn như bây giờ. Người đàn bà gầy và khô ấy càng gầy rạc đi. Nước da đen sạm lại. Hai con mắt nâu sáng tư lự, lúc nào cũng như phảng phất một nỗi buồn gì sâu kín. Chị không còn cái vẻ nhanh nhẹn, dầm dề ngày trước nữa. Chiều chiều đi làm về, chị cúi đầu đi chậm chậm. Chị đi từ sân lên thềm, đến cái cửa buồng khép hờ bên mé trái thì dừng lại, chị đứng lảng lạng nhìn vào bên trong một lúc, chị lại cúi đầu chậm chậm bước đi. Mỗi bậm lại, lạnh lùng, gan góc và hai bên mép kéo xuống mấy đường răn nhỏ, khô. Lúc ấy cái ngực gầy lép của chị nhô hẳn lên, chị từ từ trút dài ra một hơi thở.

Chồng chị nằm trong ấy!

Chồng chị, Đội phát hiện là Việt Nam Quốc dân đảng, phản động!

Từ đêm Đội đưa ra phân tích trước dân làng, chồng chị nằm lì ở trong buồng. Không biết anh nghĩ gì, làm gì trong ấy? Chị không dám hỏi, vợ chồng không dám than thở chuyện ấy với nhau bao giờ.

Trong bóng tối mờ mờ, ẩm ướt của gian buồng chật hẹp và bết bõn những bồ bị, chum chĩnh, thúng mủng ấy, có lần chị thấy anh nằm rũ rượi trên phản, không nhúc nhích. Mấy con chuột từ trong xó tối chạy ra kiếm ăn, chạm bóng người, thoát lại chạy biến mất. Có lần chị thấy anh ngồi cúi viết kiếm thảo. Cái đầu rồi bù ngiêng trên tờ giấy trắng, đôi lông mày

đen rậm cau lại, dính liền vào nhau, xéch ngược lên. Cũng có lần chị bắt gặp anh ngồi xổm ra ngoài vùng sáng của cái cửa sổ con đường sau vườn hắt vào. Anh vén ống tay áo lên, tần mẩn nhìn rất lâu từng vết sẹo, những vết sẹo bị thương trong những chiến dịch năm trước.

Một buổi chiều chị Đoàn về chợ sớm. Hôm ấy kiếm được, chị mua về một mớ cá ngon. Phần thì rán, phần thì nấu canh rau cải, cả nhà được bữa ăn thỏa thích. Hai con bé lớn nhin từ sáng, đứa nào đứa nấy ních căng bụng. Chúng nó vừa sì sụp húp canh, vừa chỉ chóc cãi nhau.

Đoàn ngồi yên lặng nhìn con, cái mặt cau có, dữ tợn thường ngày dần dần dịu xuống. Anh gấp miếng cá cuối cùng cho đứa con gái bé. Nó đắc ý vênh vênh mặt lên, nhìn con chị cười. Chị Đoàn lừ mắt:

- Để phần thầy chú, Tý con!

Đứa bé biết ý, gấp vội miếng cá sang bát cơm của bố. Đoàn toét miệng cười. Cái cười nở ra giữa đám râu ria nham nhở. Anh gấp miếng cá trả lại sang bát cơm con:

- Thôi, con ăn đi. Thầy nhường! Thầy nhường...!

Lâu lắm gia đình này mới có được bữa ăn đầm ấm như vậy. Mọi người đã ăn xong rồi, nhưng chưa ai muốn đứng lên. Anh chồng hai tay ôm gối lẳng lặng nhìn con không nói gì. Chị vợ thu dọn bát đĩa ăn rồi lên mâm, trật vú cho thằng con bé bú. Ông bố già vào trong bếp, lom khom bưng ra ấm nước sôi nóng. Ông lão vừa uống, vừa ậm ề thổi, khói trắng từ bát nước phoi phoi bốc lên, che kín cả cái khuôn mặt nâu tối, dẫn đeo.

## Vợ nhặt

Trong một lúc, hình như người ta quên hết những cảnh người ta đang sống. Hạnh phúc thật hồn hậu, đơn sơ. Hạnh phúc từ bữa ăn tỏa ra, bao bọc quanh gia đình này. Hai đứa bé ăn xong, một đứa ngồi gọn trong lòng bố, một đứa sán lại với ông xin nước uống. Người ta ru rín trong cái bầu không khí đầm ấm ấy.

Bên ngoài, nắng buổi chiều rực rỡ trên mảnh tường trước mặt, bóng những cành na, cành ổi đu đưa. Đàn gà mẹ con lách tích gọi nhau trên mấy luống dây củ. Sương đã bắt đầu tỏa nhẹ, hơi lạnh bay gợn gợn trong những làn gió...

Nghĩ lại bao nhiêu thu đông năm trước, có những buổi chiều gánh con chạy giặc, lửa đốt làng rừng rực bộn bề. Mấy mẹ con, ông cháu bơ vơ giữa đồng, giữa núi. Những lúc ấy làm sao mà nhớ chồng thương con! Khát khao có được một ngày yên ổn, gia đình quây quần, đoàn tụ trong một bữa cơm. Bao nhiêu năm, đến bây giờ chị Đoàn mới thấm thía hết những điều chị mong ước...

- U ơi! Mai u lại mua cá u nhá. Con thích ăn cơm mấy con cá lấm cơ.

- Con cũng thế! Con cũng thích ăn cơm mấy cá.

Đoàn bật cười:

- Mẹ bố chúng mày, rành mồm thế!... Ừ, mai u lại mua cá về cho mà ăn.

Đoàn cúi xuống nheo mắt nhìn thẳng con bé trong lòng vợ, tặc lưỡi đánh dịp:

- Còn thằng cu ky này nữa. Chậc! Có thích ăn cơm mấy cá không? Chậc! Mai bảo u mua về cho mà ăn, nhá!

Thằng bé rút tụt vú ra, toét miệng cười, hở ra mấy cái răng sữa trắng ỏn.

Ông cụ chất Dự ô ề nói chen vào:

- Tao tính rằng có tiền thì ăn san ra làm vài bữa. No độn, đói góp! Tiền đâu mà mua cá thế này?

Chị Đoàn chớp chớp mắt, cúi xuống nói nhỏ nhỏ:

- Cá chú Tần đánh được, chú ấy cho đấy, làm gì ra tiền mà mua.

Đoàn cau mặt lại gắt:

- Lấy của "người ta" làm gì. Không lấy!

Nổi bực dọc dỗi lên, tôi sầm trong ý nghĩ Đoàn. Tần là em họ, hần là anh em con chú, con bác với Đoàn. Ngày bố Tần chết, ông cụ chất Dự đem về nuôi và gây dựng cho. Bác gây dựng cho cháu. Từ ngày cải cách ruộng đất Tần được bắt rế. Đoàn vẫn thành kiến với hần vì cho là bạc. Hơn nửa tháng nay hần có lai vãng gì đến nhà này đâu!

Ông cụ chất Dự nghe vợ Đoàn nói cũng có ý vui vui, ông lão gật gù cái đầu:

- Ừ, cái thằng ấy thế mà nó cũng còn biết nghĩ đấy chứ. Tao cứ tưởng...

- Nghĩ gì? - Đoàn hậm hực ngắt lời. - Nghĩ gì thì cũng là cái thằng ôm chân Đội!

Chị Đoàn gạt đi:

- Mình đừng nói thế, người ta nghe thấy còn ra cái gì.

- Chứ không à? Nay mai nó lại không tố khổ nhà này, tôi xin chớ kể...

## Vợ nhặt

Đoàn ngừng lại, ghéch mặt lên nghe. Từ đầu ngõ, một dịp cười vừa rúc lên lạnh lạnh và một hồi chuông xe đạp kính coong rộn rã tiếp theo.

- Các cậu đợi mình về rồi hãy hội ý nhá. Mình tạt vào đây một lúc rồi mình ra ngay.

Đoàn đứng lên, lủ thủ đi vào trong buồng. Chị vợ vội đưa thằng con cho ông bố già, dọn dẹp mâm bát. Ông lão khẽ thở dài một tiếng, ngao ngán ôm thằng cháu nhỏ trở về cái góc nhà tối của mình.

Bữa cơm nhà này giải tán một cách hốt hoảng, lặng lẽ.

Chiều chiều, cứ vào khoảng cơm nước xong một lúc, chị cán bộ cải cách ruộng đất phụ trách xóm này lại đến truy hỏi tội Đoàn. Trong xóm có cái xe đạp trưng mua được của một tên địa chủ ngoài phố Chợ, chiều nào chị cũng mượn tạm nông hội đem ra tập ở cái bãi đu sau chùa cùng với mấy chị du kích. Mỗi bận có một chị ngã, bọn họ lại cười rú lên một hồi với nhau như nắc nẻ.

Độ rày thì chị cán bộ đi được rồi. Chị đi vắn bên nọ, vẹo bên kia, hai cái mông dít cứ xoắn lấy cái yên xe và tay lái thì loạng quạng chỉ rình đâm vào người đi đường. Dân làng gặp chị, từ đằng xa người ta đã tránh dạt sang một bên. Nhưng chị thì chị có vẻ lấy thể thích lắm. Chiều nào chị cũng xắn quần lên quá đầu gối, xách cái xe đạp trưng mua ấy ra, kính coong phóng tua lên phố, lượn mấy vòng quanh chợ, rẽ qua vào cửa hàng mậu dịch rồi mới kính coong phóng về. Mỗi lần về, qua nhà Đoàn, tiện thể chị tạt vào “giúp đỡ” anh ta làm cho xong bản kiểm thảo và truy hỏi một số vấn đề nghi vấn đang cần phát hiện.

Chị cán bộ cải cách ruộng đất đã vào đến giữa sân. Hai cánh tay tròn và chắc nịch của chị hăm hở lôi cái xe đạp đi theo mình. Cái xe chưa có chủ nhất định ấy nảy trên nền đất mấp mô, tất cả chuông, phanh, gácđòbu, gácđòxen đều rung lên phành phành.

Chị dựa xe vào tấm liếp, nhanh nhẹn bước lên thêm nhà. Đó là một chị thanh niên nông thôn còn ít tuổi. Chị vào quãng mười tám, mười chín, thấp và béo tròn như cái hạt mít. Mặt mũi chân tay, tất cả người chị nom đều tròn và ngắn. Chị đeo một cái túi vải xanh công nhân trên vai, cổ buộc chéo chiếc khăn mùi soa trắng thêu chỉ đỏ ra đằng trước. Hai má chị tròn và trắng hồng. Chị có một vẻ tươi tắn, phấn khởi của người con gái quê mùa mới lớn lên, gặp được cơ hội tốt, dễ dàng tiến bộ, nhưng đồng thời cũng lộ ra một vẻ tự đắc, học đòi một cách nông nổi.

- Thế nào, anh Đoàn. Đã suy nghĩ kỹ chưa?

Chị giống giả hỏi vào trong nhà và ẩy cửa bước vào. Một bên quần xắn cao cho xích khỏi cần vẫn quên chưa buông xuống.

Ông cụ chất Dụ đưa mắt nhìn theo cái lưng tròn ngắn, nắn nà trong tấm áo cánh phin màu nâu gụ ấy khuất hẳn vào sau tấm cửa liếp một lúc, rồi lại đưa mắt nhìn ra chỗ khác, yên lặng.

Tiếng chị cán bộ bắt đầu quát tháo ở trong buồng. Chị quát rất to, xoe xoe như xé vải. Chị quát nghe thì to mà lại không thấy quyết liệt dữ tợn. Hình như công việc phải quát to như vậy thì chị quát to như vậy, thực ra chị chẳng có điều gì đáng đau xót, căm tức trong lòng. Hôm nào cũng bằng ấy câu quát đi quát lại,

## Vợ nhặt

người nghe, nghe đã thuộc gần hết những câu chị vẫn quát:

- Anh Đoàn! Đảng và Chính phủ đã vạch rõ cho anh hai con đường. Một con đường đi theo nông dân, phục tùng nông dân là con đường tươi sáng, thì bao nhiêu tội lỗi anh phải khai ra bằng hết. Anh sẽ được hưởng chính sách khoan hồng. Một con đường là con đường tối tăm, đen tối chống lại nông dân, ngoan cố, quanh co giấu giếm tội lỗi...

Đoàn ngồi xổm dưới đất, miệng âm ừ trả lời chị cán bộ, mà đầu óc thì lại nghĩ vơ vẩn những đầu đầu.

Không hiểu sao, nghe chị cán bộ này quát tháo, Đoàn không thấy sợ hãi, bực tức hay bối rối trong lòng. Có lẽ Đoàn nghe mãi quen rồi. Có lẽ đối với chị cán bộ này, Đoàn cũng có ý coi thường, Đoàn đánh giá chị ta chỉ là cốt cán mới đi công tác độ vài đợt, có đôi điều với chị ta cũng chẳng giải quyết được gì. Xem ra chị ta có quan tâm đến việc này đâu, quát tháo một hồi ở đây xong, ra ngoài kia nhảy lên cái xe đạp kính coong một hồi là quên hết.

Chị cán bộ vẫn xĩa tay vào mặt Đoàn quát. Chị quát một lúc rồi đứng dậy, xóc lại cái quai túi dết.

Đoàn biết chị ta sắp về, khẽ nhúc nhích người, sửa lại dáng ngồi cho nghiêm chỉnh hơn. Giọng chị cán bộ dịu hẳn xuống, thân mật vuốt ve:

- Tôi để anh suy nghĩ nốt đêm nay nữa. Chiều mai tôi lại đến. Anh suy nghĩ kỹ đi, có thể nào ngày mai nói ra bằng hết.

Dứt lời, chị cán bộ quay ra, bước nhanh thoăn thoắt.

- Đấy em đã bảo mà. Xe đạp chị ấy dựng đây mà lì.

Chị cán bộ dừng lại trước thêm. Một anh con giai vừa tắt tả chạy vào, cái mặt dài và đen nhớn nhác nhìn quanh một lượt. Anh ta toét miệng cười với chị cán bộ, vừa thở vừa nói, rồi lại tắt tả chạy ra. Khẩu súng trường đeo trên vai kêu lóc xóc.

- Đây, đúng đây rồi anh ơi!

Anh du kích trẻ tuổi ấy cùng với một đồng chí cán bộ Đội nữa từ ngõ xăm xăm đi vào. Ánh nắng buổi chiều chênh chếch soi vào cái khuôn mặt gầy choắt của anh du kích; anh ta vừa đi, vừa cười cười, nói nói gì với anh cán bộ. Mấy cái răng vàng trong cặp môi thâm đen sáng lên lấp lánh.

Chị cán bộ vội vã chạy ra đón. Ba người đưa nhau ra tận gốc vối ngoài cầu ao thì thăm hỏi ý.

Anh cán bộ ngồi xuống, chị cán bộ và anh du kích ngồi xuống theo. Anh cán bộ hát hàm hỏi:

- Thế nào, có hơn gì mọi hôm không chị?

- Vẫn thế anh ạ.

Chị cán bộ ngượng nghịu cúi mặt xuống, chị cầm mảnh ngói ở tay vẽ ngang vẽ dọc xuống đất, dè dặt nói:

- Có nhẽ thằng này... Anh ạ, hỏi bà con làng xóm cũng không phát hiện ra vấn đề gì. Nó đi bộ đội đến hòa bình mới về đấy.

Anh cán bộ cười, lắc đầu:

- Chị chủ quan. Địch ở thôn này còn khổng chế được quần chúng. - Anh ta nhìn chị cán bộ nói tiếp. - Tôi xin báo cho chị biết, xã vừa cho bắt thằng Mùi.

- Bắt thằng Mùi rồi à?

## Vợ nhặt

- Bắt rồi.

Mặt chị cán bộ tái đi, chị lẩm bẩm nói như nói với mình:

- Nếu thế thằng Đoàn này nhất định cũng có vấn đề. Hai đứa chúng nó hay đi lại với nhau lắm.

- Vì thế Đoàn ủy phê bình Đội ta chưa quyết tâm đánh địch. Chưa nắm được tình hình đặc điểm của vùng mới giải phóng. Còn hữu khuynh rất nặng. Một thôn có bốn địch đóng mà không tìm ra địch là một điều rất vô lý!

Mặt anh cán bộ nghiêm lại, suy nghĩ. Anh ta lặng lẽ quán thuốc lá, đánh lửa hút, rồi lại nói tiếp:

- Các thôn chung quanh người ta phát hiện ra địch cả rồi. Chúng nó hoạt động rất mạnh, chỉ thôn này vẫn nằm im. Thế là thế nào?... Theo sự nhận định của Đoàn ủy thì chính chỗ ấy là có vấn đề. Có thằng chỉ huy cầm đầu. Có thể có sự liên lạc chỉ huy dây chuyền đi mấy xã.

Chị cán bộ tưởng như đến ngột thở, chị khẽ nuốt nước bọt. Chị không ngờ cái thôn chị phụ trách lại quan trọng, nguy hiểm đến mức ấy, có đầu sỏ nằm im chỉ huy. Chị đưa mắt nhìn ra xung quanh, nhà cửa, cây cối, đường sá, chị thấy bỗng dưng trở nên bí mật, ghê gớm. Chị tưởng như quanh quất đâu đó chỗ nào cũng có tai, mắt địch lẩn quất theo dõi bao vây mình. Và chị càng thấy công tác của chị ở đây lâu nay chệnh mảng, thiếu quyết tâm và mất cảnh giác một cách nghiêm trọng.

- Cho nên Đoàn ủy chỉ thị cho chúng ta phải phát hiện ra vấn đề này. Phải bắt thằng Mùi mới nâng lưng cho quần chúng mạnh dạn đấu tranh.

Anh cán bộ vừa nói vừa mím môi lại, vừa chém dọc một bàn tay xuống không khí.

Ông cụ chất Dự ngồi trong góc nhà tối nhìn ra chẳng hiểu gì, chỉ thấy cái bàn tay to và cứng của anh cán bộ mới đến bổ bổ xuống từng nhát như đang đánh nhịp cho câu chuyện gì quan trọng ghê gớm lắm. Chị cán bộ thì mở sổ tay ra cầm cúi ghi chép. Anh du kích ngồi khuất đằng sau không nom thấy mặt, cái mũ vải xám rộng vành bẻ ngược một bên lên nghiêng nghiêng trên mũi khẩu súng.

Ba người hội ý với nhau một lúc rồi cùng kéo cả vào trong buồng. Đoàn thoáng thấy bọn họ lại vội lùi ra chỗ xó tường cũ.

Anh cán bộ mới đến ngồi lên mé giường bên phải. Chị cán bộ ngồi lên mé giường bên trái. Anh du kích loanh quanh chả biết nên ngồi chỗ nào cho đúng "cương vị", cuối cùng anh ngồi né ra cái bực cửa ra vào.

Không khí bỗng dưng chìm hẳn xuống, nghiêm khắc như sắp sửa bắt đầu một phiên tòa. Ánh sáng buổi chiều tái ngắt, rét thấu đến ruột. Vẫn chưa ai nói gì. Anh cán bộ cau mày chăm chú đọc bản kiểm thảo của Đoàn, chốc chốc lại nghe tiếng trang giấy giòn đánh soạt!

Anh cán bộ bỗng hạ bản kiểm thảo trên tay xuống, nhìn sâu vào mắt Đoàn, lạnh lùng hỏi:

- Anh có biết hôm nay tôi đến đây có việc gì không?

## Vợ nhặt

Đoàn khế nhúc nhích không trả lời, trong người dội lên những ý nghĩ phản đối.

- Anh đã nhận ra những khuyết điểm của anh chưa?

- Anh bảo tôi nhận ra những khuyết điểm gì?

Đoàn ngừng mặt lên điểm đạm hỏi lại. Anh cán bộ nhệch một bên mép, cười khẩy:

- Anh không nhận ra khuyết điểm gì à?... Hừ, từ trước đến nay anh không có khuyết điểm?

- Có chứ! Khuyết điểm thì tôi có rất nhiều. Đã làm công tác thì ai mà không có khuyết điểm. - Đoàn trả lời dễ dàng và cứng rắn - Hồ Chủ tịch đã nói chỉ có đứa bé nằm trong bụng mẹ với người chết trong quan tài là không có khuyết điểm thôi.

Mặt anh cán bộ tức thì tối sầm lại, môi mím chặt. Trên thái dương, những đường gân tự dưng giật giật. Anh ta nhai hai hàm răng vào nhau, mắt cau lại không nói gì.

Đoàn biết rằng anh ta đang giận lắm. Chắc hẳn anh ta không ngờ có kẻ dám cãi lại "Đội" như vậy. Anh ta đang nghĩ cách xoay Đoàn đây.

Cái anh cán bộ cải cách ruộng đất này thật lạ, Đoàn chưa thấy người cán bộ nào lại như vậy. Anh ta chẳng vui vẻ, thân mật thực sự với ai. Cái mặt to và vuông lúc nào cũng hầm hầm giận dữ. Hai con mắt thức đêm nhiều, đỏ roi rói như mắt cá chầy, ra cuộc họp chỉ gườm gườm nhìn hết xó này sang xó khác. Anh ta có vẻ lúc nào cũng nghi ngờ, lúc nào cũng tưởng như có địch rình mò, bao vây quanh mình. Buổi họp dân làng, hàng trăm con người ngồi chật cả lòng

đình, anh ta cũng chưa yên tâm. Anh ta đi đi, lại lại bên ngoài nghe ngóng. Anh ta thì thảo với anh du kích này, thì thảo với chị cốt cán nọ. Cái đèn bấm ba “pin” lúc nào cũng đeo kè kè bên nách, chốc chốc lại thấy sáng lóe lên, khua khoắng ra ngoài tối. Trong buổi họp, ai có điều gì thắc mắc, hơi trái với ý kiến mình là anh ta đập liền. Anh ta đưa ý kiến ấy ra cuộc họp phân tích, phê phán, trấn áp: “Bà con ta hãy coi chừng! Chúng ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác. Dịch ngồi ngay ở đình này chứ đâu. Dịch ở lẫn với ta!”.

Dân làng cứ khiếp đi, ra cuộc họp như người trời bỏ góc đình, ngồi đầu ngồi đáy, không còn ai dám có ý kiến gì nữa. Người ta chỉ biết có đồng ý. Phải cũng đồng ý, trái cũng đồng ý. Đang ngủ gà ngủ gật trong xó tối, nghe hỏi đến, chẳng biết đầu cua tai nheo thế nào, thấy người ta đồng ý, hốt hoảng choàng mắt dậy cũng đồng ý ran lên một lượt.

“Bà con ta có đồng ý không?...”

“Đồng ý ạ ạ!...”

“Đồng ý ạ”, cái tiếng nghe thật mỉa mai, ghê sợ.

Là một đảng viên đã chín mười năm chiến đấu trong quân đội, Đoàn không thể chịu được những điều vô lý ấy. Nhất là Đoàn không thể chịu được những thái độ của anh cán bộ cải cách ruộng đất này. Thật là thái độ của một kẻ cậy mình có quyền thế trong tay, tự đắc, hống hách, khinh miệt tất cả mọi người.

Ở trong cái làng Vân Phú hơn một nghìn nhân khẩu này, dưới mắt anh ta, hình như anh ta không còn coi ai ra gì. Đoàn không thể ngờ được, anh ta đã từng có lần đứng giữa cuộc họp toàn dân mà dám tuyên bố những câu trắng trợn đến như thế này:

## Vợ nhặt

“... Chồng bảo vợ, cha bảo con, chú bảo cháu. Có những gì khai ra bằng hết! Nếu không thì... - Anh ta đưa mắt nhìn khắp lượt, nhếch mép cười - Tôi tính rằng thường mới mà nó thiết vào hai bắp tay ghì lại thì đến mả bố cũng phải bật lên!... Nói thật, chính phủ không thiếu gì tiền mà không xây thêm nhà tù mới!...”

Đoàn nghe tối sầm cả tâm trí và từ đấy Đoàn ngấm ngấm có thành kiến với anh cán bộ cải cách ruộng đất này.

Cái đêm anh ta đuổi Đoàn ra khỏi cuộc họp là cái đêm Đoàn hết sức hoang mang, chán nản. Buổi sáng Đội vừa bắt giữ mấy đồng chí đảng viên ở thôn bên, thì buổi tối anh cán bộ ở đây đưa một anh rể của mình ra cuộc họp phân tích, chuẩn bị giới thiệu vào Đảng Lao động Việt Nam, nói rằng như thế là tiêm một dòng máu tươi cho Đảng! Đầu óc Đoàn lúc ấy quẩn lên và nóng ran như lửa đốt. Đoàn sẽ đứng lên phản đối, hay là thôi, lại cúi đầu nín lặng cho qua đi? Đoàn biết rằng phản đối trong lúc này sẽ rất không có lợi cho mình. Người ta đang có thành kiến với Đoàn và đang đặt vấn đề nghi vấn những người đảng viên. Nhưng cúi đầu im đi thì... Suốt cả thời gian cải cách ruộng đất vừa qua, Đoàn đã cúi đầu trước những điều ngang trái như thế này nhiều rồi. Đoàn không thể hèn nhát như vậy được. Đoàn không thể cúi đầu để cho người ta ngang nhiên đưa một tên lưu manh, đầu trộm đuôi cướp, một tên đã từng cầm súng giết hại đồng bào, vây bắt cán bộ ấy lọt vào Đảng của mình được!

Một sức mạnh thỉnh linh chuyển trong người, đẩy Đoàn đứng lên vạch tội tên lưu manh, phản đối ý kiến anh cán bộ Đội. Tiếng nói của Đoàn là tiếng nói đầu

tiên của người làng này dám đồng dục cất lên giữa đình, công khai chống lại ý kiến của anh cán bộ Đội. Cả dân làng đều như ngột thở, hồi hộp lo lắng vô cùng.

Cái mặt to và vuông của anh cán bộ ấy tức thì đen sất lại, anh ta đưa một ngón tay ra cắt ngang ý kiến Đoàn:

- Bà con ta phải đề cao cảnh giác! Định hiện nay còn trà trộn trong hàng ngũ chúng ta. Bà con ta có dám tin chắc rằng hiện nay thôn Vân Phú này hết địch rồi không? Nhất định là còn, mà còn nhiều!... Khi sáng xă vừa bắt mấy tên Việt Nam Quốc dân đảng phản động chui vào chi bộ Đảng Lao động Việt Nam. Chân tay chúng còn cài ở các thôn xóm.

Từ trong đình ra đến ngoài đình, người ngồi như tượng gỗ, không còn ai dám nhúc nhích. Bóng tối từng khoảng loang lổ, lay động trên những nét mặt nâu sạm, âm thầm. Anh cán bộ nom bỗng như cao vượt hẳn lên, anh ta vừa nói vừa chém bổ bổ một bàn tay xuống không khí:

- ... Bọn địch lúc này đang phá hoại điên cuồng cái cách ruộng đất của chúng ta. Ném gạch, ném đất, đốt nhà, xóa khẩu hiệu, đả kích cán bộ và cốt cán, chia rẽ cán bộ, cốt cán với nhân dân...

Anh ta nhìn chằm chằm vào mặt Đoàn, dần hẳn giọng xuống, nói trong hai kẽ răng sít chặt:

- Thái độ của anh Đoàn trong buổi họp hôm nay là thái độ thế nào? Có phải là thái độ đả kích vào anh em cốt cán không?

Đoàn gơ tay đứng lên, anh ta chặn lại:

## Vợ nhặt

- Im! Ngồi xuống! Bao giờ cho nói anh mới được nói. Đừng có lơ mơ!... Tôi báo cho anh biết: không phải một bạn này mà rất nhiều bạn khác anh đã có những hành động đả kích vào cốt cán và cán bộ. Anh đã nói những gì?... Im! Ai cho anh nói? Anh không thể che giấu nổi nhân dân. Tôi xin hỏi bà con: Chúng ta có thể để cho những người như anh Đoàn cùng hợp với nhân dân ta được không?... Nào! Bà con ta có ý kiến nào! Chúng ta có thể để anh Đoàn cùng hợp với nhân dân ta không nào?...

Anh ta đi đi, lại lại, chờ đợi... Bốn bề im phăng phắc.

- Có ý kiến lên chứ! Sao lại im ắng cả thế này? Thế nào hả?!...

Anh ta đứng dừng lại, nghiêm mặt hỏi. Mãi mãi mới có mấy ý kiến lẻ tẻ ở mấy góc đình cất lên:

- Thưa Đội... không đấy ạ.

- Như vậy là từ nay bà con ta không để anh Đoàn cùng học tập với dân làng nữa. Bà con ta đồng ý cả thế chứ ạ?

Lại mấy ý kiến trước lẻ tẻ:

- Đồng ý đấy ạ.

- Sao ít ý kiến thế này?

Anh ta đứng nhìn nghiêng về một phía, giơ tay hỏi:

- Góc này thế nào? Chưa thấy ai có ý kiến!

Tiếng một đàn bà thỏ thẻ trong bóng tối:

- Thưa... cũng đồng ý cả đấy ạ.

- Đồng ý cả chứ? Nào, thế bà con ta có ý kiến lên một lượt cho rầm rộ nào.

Anh ta sốt sắng cất cao giọng hỏi lại lần nữa:

- Bà con ta có đồng ý không?

- Đồng ý ý ý!!!...

Cả đình đồng ý rầm lên một tiếng.

Đoàn rùng người, lão đảo đứng lên, cúi đầu lẳng lặng đi ra. Cả đình ngồi im len lét nhìn theo.

Từ đêm ấy, Đoàn bị kể như một tên nguy hiểm, đáng sợ. Xóm giềng không ai dám lai vãng, họ mạc không ai dám đoái hoài, bè bạn, kể cả những người thân cận nhất gặp Đoàn cũng ngoảnh mặt đi. Đoàn là một tên phản động rồi. Sống giữa quê hương làng xóm của mình mà ngăn cách như một người bị đày ải ở một xứ sở nào khác... Đoàn chả muốn đi đâu, gặp ai, Đoàn nằm lì một mình trong buồng tối.

Và, thật là kỳ lạ, Đoàn không còn thể hiểu được nữa. Sau đêm đuổi Đoàn ra khỏi cuộc họp, anh cán bộ cải cách ruộng đất ấy được đề bạt đội phó, phụ trách tòa án và chỉnh đốn tổ chức. Anh ta không ở thôn này nữa, anh ta lên ban chỉ huy Đội trên xã. Từ đó anh ta càng hăng hái đánh địch. Anh ta đi đến đâu là ở đấy có truy hỏi, giam giữ, phát hiện ra Việt Nam Quốc dân đảng phá hoại!

Hôm nay anh ta về xóm này, nhất định lại có chuyện gì đây. Đoàn nhăn mặt, khẽ vận người về phía sau cho rầy xương sống lưng kêu lên lục khục. Nhức nhối và chán nản vô cùng.

Tiếng anh cán bộ thành linh lại cất lên:

- Đoàn! Ngừng mặt lên! Tôi hỏi anh, lần này anh phải trả lời cho nghiêm chỉnh. Anh không thể giữ cái thái độ láo xược như vậy được... Đoàn! Tôi hỏi anh: Anh có gác cho chúng nó giết người không? Cho nói!

## Vợ nhặt

Đoàn không nói. Miệng mím chặt, hai mắt nhìn lên, yên lặng.

- Kìa Đội hỏi, anh Đoàn!

Anh du kích ngồi ôm khẩu súng ngoài bực cửa hát hàm hời chen vào:

- Anh có gác cho đứa nào giết người không? Nghĩa rằng anh phải khai ra, không thể chối cãi được. Anh em nông dân nói một là một, hai là hai, nghĩa rằng là anh em nông dân không đổ oan cho ai, biết chưa?

- Thế nào, anh hỏi tôi có gác cho chúng nó giết người không à?

Đoàn nhìn thẳng vào mặt anh du kích. Hai con mắt trũng sâu của anh sáng rực như lửa cháy, vừa xót xa đau đớn, vừa giận dữ khinh bỉ. Đoàn nhìn cái mũ vải ngụy binh bẻ ngược một bên lên trên đầu hắn, lại nhìn xuống cái áo lót cổ vuông bộ đội đang mặc của mình. Đoàn nghiêng chặt hai hàm răng lại. "Nó mà bây giờ cũng ngồi đây hỏi tội được mình ư?". Một giọt nước mắt tròn to và nóng hổi thành linh bật ra, chảy xuống thành một vệt dài trên sống mũi. Đoàn gờ cả hai tay lên nói liên một hơi:

- Anh hỏi tôi có gác không à? Không những tôi gác mà tôi còn giết người nữa kia! Tôi giết rất nhiều người. Suốt chín mười năm giời chiến đấu trong quân đội, tôi giết rất nhiều Tây và bọn Việt gian cầm súng theo Tây...

- O!... O!... Nghĩa rằng thì là để tôi xin nói... - Anh du kích luống cuống nhìn anh cán bộ cải cách ruộng đất, lại nhìn Đoàn phân trần - Nghĩa rằng là chúng ta nên có một sự bình tĩnh với nhau là hơn hết...

- Bình tĩnh à? Thì đây, sẹo giết người còn đây cả người đây.

- Im! Im ngay!

Anh cán bộ vội nhảy phốc xuống đất, gơ một bàn tay quạt vào mặt Đoàn. Đoàn gập đôi người xuống, lại ngừng ngay lên, mắt chăm chăm nhìn vào anh cán bộ, đưa một tay lên từ từ quạt ngang miệng, cái miệng kéo dài ra một vệt đỏ.

- Mày cứ liệu! Tao cho trời gô cổ lại ngay bây giờ. Mày đừng tưởng mày giờ cái bộ đội ra mà che giấu nổi chúng tao. Mày đã âm mưu chui luồn vào Đảng như thế nào? Chúng mày đã khoác áo Đảng để hại Đảng có biết không? Những đứa nào đã bố trí cho mày đi bộ đội trước kia? Những đứa nào đã đưa mày làm xã đội trưởng bây giờ? Mày đã gác cho những thằng nào giết con địa chủ Tình? Thằng Mùi là gì của tụi chúng mày? Nó đã giao cho mày những nhiệm vụ gì? Nói!... Nói ngay!...

Đoàn ngồi im, lạnh lùng nhìn ra chỗ khác. Anh cán bộ càng quạt tháo dỡ.

Ông cụ chất Dự ngồi ở cái xó nhà bên ngoài cứ run lên cầm cập. Mỗi tiếng quạt của anh cán bộ trong buồng, lại như sợi roi quạt vào da thịt ông lão. Ông lão co rúm người lại, hai tay ôm chặt thằng cháu nhỏ vào lòng, ông lão vừa rên rẩm vừa lê dần vào mãi trong cùng xó tối.

Ông lão vốn là người rất thương yêu con cháu. Hình như đời ông lão sống bằng chúng nó, chết cũng bằng chúng nó. Dòng họ nhà ông lão là dòng họ độc đinh, mấy đời nay chỉ có một con trai. Ông lão được có một mình Đoàn, ông lão chịu nhận tất cả mọi khó

## Vợ nhặt

khăn, neo túng trong gia đình nuôi Đoàn, cho Đoàn ăn học. Ông lão nghĩ rằng sau này nó có được đôi ba tấm chữ thì mới hòng mở mày mở mặt được với xóm làng. Chẳng tổng lý kỳ hào, cũng cố lo cho nó cái chân thư ký hay trưởng bạ.

Cách mạng Tháng Tám, rồi kháng chiến. Đoàn đi bộ đội. Nay hòa bình được lập lại, Đoàn trở về nhận công việc trong dân xã, ông lão rất mừng lòng, thế là nó cũng làm nên danh phận.

Nhưng từ ngày Đoàn bị phát hiện là địch, bị đuổi ra khỏi cuộc họp thì ông lão như người mất trí, cả ngày khư khư ôm thằng cháu nhỏ trên tay. Hình như bao nhiêu thương yêu, trông cậy vào Đoàn trước kia, bây giờ ông lão trút cả vào thằng bé cháu. Ông lão như người ích kỷ, chả muốn san sẻ tình yêu thương ấy cho ai, ông lão muốn một mình ông chăm chút cho nó. Độ này ông lão lúc nào cũng như hốt hoảng sợ hãi một cái gì, lúc nào cũng tưởng như người ta sắp cướp cháu mình đi, cứ thoáng thấy bóng người lạ vào là ông lão vội vã ôm thằng cháu nhỏ ấy lùi vào góc nhà tối. Ông lão khóc với nó ở đấy, cười với nó ở đấy, thủ thỉ chuyện trò những gì gì với nó ở đấy. Ở đấy yên ổn hơn, không còn ai dòm ngó đến. Cái góc nhà tối ấy như là một thế giới riêng của hai ông cháu ông lão chết Dụ.

- Thằng Mùi nó làm sao? Các anh bảo thằng Mùi nó làm sao? Bảy tám năm giờ bám sát địch, lăn lộn vào sinh ra tử, gây dựng cơ sở cả vùng này mà các anh định bắt tội khai cho nó là Quốc dân đảng được à? Đảng có bảo các anh như vậy không? Đảng có bảo các anh xuống nông thôn thì phải bắt ép người ta vu oan giá họa cho nhau không?

Ông cụ chắt Dự giật mình ngừng mặt lên, hai mắt chớp chớp kinh hãi. Tiếng Đoàn cãi lại anh cán bộ nghe sang sảng trong buồng. Trời tối sập xuống tự lúc nào. Làn xóm lạnh ngắt trong hơi sương. Bóng mấy người co ro đi rất nhanh ngoài bờ giậu. Ông lão như người mê sảng, lần theo tiếng quát tháo đi vào trong buồng. Không biết ông lão định vào làm gì? Hình như ông lão cũng không nghĩ ra nữa. Nỗi sợ hãi trong lòng đẩy ông lão rờ rẫm đi.

- Các anh bảo tôi chưa dứt khoát, chưa vững lập trường là như thế nào? Người ta không có tội, tôi không thể đổ oan cho người ta được. Các anh muốn làm tình làm tội gì thì làm, thế nào cũng có ngày Đảng xét lại cho chúng tôi...

- Thôi được! Mày không cần phải nói nhiều. Muốn nói, rồi mày sẽ được nói...

Ở trong im hắc, một lúc rồi thấy anh cán bộ hầm hầm xách túi dết đi ra, anh du kích hí hửng chạy vượt lên trước và chị cán bộ dắt cái xe đạp lùn cùn theo sau. Bọn họ vừa đi khỏi, ông cụ chắt Dự vội lẩn ngay vào buồng với Đoàn. Ông lão rên rĩ:

- Đoàn ơi! Sao mày lại thế nhỉ? Cãi lại người ta làm gì! Trúng không chọi được với đá đâu con ạ...

Đoàn nhăn mặt gắt:

- Biết rồi! Ông không phải nói nữa, khổ quá!

- Thì là tao cũng... cũng... Thôi con ạ, mày cứ nghe thầy, nhịn người ta đi một tí thì đã sao. Một sự nhịn là chín sự lành. Mày thương thầy, thương vợ con mày, nhịn đi con ạ. Nói ra rồi người ta để tâm để ý, mua lấy cái khó cho mình...

## Vợ nhặt

Đoàn nín lặng, ngoảnh mặt ra ngoài sân, ông cụ chất Dự nghĩ ngợi đắn đo một lúc lại tiếp, giọng nghe càng khản khoản, van lơn:

- Thế này này... Đoàn ạ. Tao cứ nghĩ rằng chả nhẽ người ta lại nói không cho nhà mình... Hay là có thể nào mày cứ nghe thầy, mày cứ nhận đi! Nhận đi con ạ. Tao xem ý các anh ấy muốn hỏi về anh Mùi cơ đấy!... Hay là... Đảng nào rồi Đảng với Chính phủ chả khoan hồng...

- Ô hay! Ông rõ lạ chưa này!...

Mặt Đoàn co rúm lại một cách đau đớn. Anh nắm chặt hai tay, lồng rít lên:

- Tôi có tội gì? Tôi hỏi ông, ông ở liên bên tôi, ông thấy tôi có những tội gì? Tôi phá hoại cải cách ruộng đất những gì? Ông lại ép tôi phải nhận tội. Ông còn định ép tôi vu oan cho anh Mùi nữa. Giời ơi! Tôi phát điên lên mất! Phát điên lên mất!... Thôi! Ông đi đi!... Đi đi!... Khổ lắm!...

Đoàn ngã vật xuống giường. Anh thoáng thấy bóng người vợ gầy gò đứng yên lặng ngoài khung sáng cửa buồng nhìn vào. Nước mắt anh giàn ra, chảy ròng ròng xuống hai bên thái dương.

- Thôi thầy hăng ra nhà ngoài, cho nhà con nằm nghỉ một chốc vậy.

Đoàn thoáng nghe tiếng người vợ nói ôn tồn, rồi tiếng ông bố già ậm ẽ thở, đi ra...

\*

\* \*

Bóng tối từ trong các hốc cây, các xó xỉnh, khe tường, từ trong những đồng chum vại, bồ bị và những túm quần áo vắt lờm tờm trên vách lan ra chiếm hẳn lấy gian buồng tự lúc nào. Con mối trên vách kêu “tắc tắc tắc!...” lên một hồi như người chán đời chép miệng. Trong nhà ngoài sân im vắng.

Sau một trận truy hỏi quyết liệt, âm ỉ, bây giờ người Đoàn mệt nhoài, Đoàn nằm im lìm trong bóng tối, một tay vắt lên trán, lắng nghe ra bốn phía chung quanh nghĩ ngợi.

Giờ này chắc vợ Đoàn đi họp rồi. Hai đứa con gái nhỏ không biết chuyện gì với nhau vẫn thấy chúng nó rúc rích cười ở nhà ngoài. Đoàn thở dài, nước mắt lại rỉ rả chảy xuống thái dương. Đoàn thương con. Chao ôi! Đoàn còn có thể làm gì được cho chúng nó bây giờ? Đoàn nghĩ đến ông bố già, đến người vợ gầy gù chịu đựng, gan góc. Cổ Đoàn nghẹn tắc lại, cay đắng chua xót vô cùng.

Hôm nay người ta bắt đầu hạ mây tao với Đoàn rồi, như thế nghĩa là người ta bắt đầu có thái độ khác, coi Đoàn là thù địch hẳn hoi. Những chuyện bị bắt, bị tù... đối với Đoàn không còn phải là chuyện xa nữa. Đoàn nghĩ lại tất cả những năm kháng chiến đã qua. Những đêm nhin dõi hành quân, những ngày những đêm tung bừng trong chiến dịch, bao nhiêu gian khổ, vất vả mà làm sao vui sướng vậy. Đoàn nhớ tiếc những năm tháng ấy vô cùng. Đoàn lại nghĩ đến những điều anh cán bộ truy hỏi mình khi nãy. Đoàn thở dài. Người ta là Đội, người ta thay mặt Đảng, Chính phủ về đây làm cải cách ruộng đất, đem lại quyền lợi cho nông dân, danh nghĩa có, quyền lực có,

## Vợ nhất

một mình Đoàn chống làm sao cho lại. Thôi! Thôi! Người ta muốn bắt sao mà mình chẳng phải chịu. Đoàn không còn đủ sức hăng hái như lúc ngồi trước anh cán bộ Đội nữa. Đoàn đã trở về với cái thực tế cay nghiệt của gia đình.

Không biết rồi đây gia đình Đoàn sẽ ra sao? Con cái Đoàn, vợ Đoàn, bố Đoàn rồi đây sẽ ra sao? Gia đình một tên phản động! Đoàn vùng dậy đi cuồng một mình trong gian buồng tối. Đầu buốt nhói như đóng đai. Đoàn thoáng nghĩ đến lời ông bố già nói khi nãy. Ông lão có ý khuyên Đoàn khai ra cho Mùi.

“... Ừ hay là khai cho Mùi... Khai cho Mùi thì thoát đấy!...”

Đoàn rùng mình, nhắm mắt lại. Tiếng gió thổi ào ào và tiếng cây cối vật vã ngoài vườn tối khua rối loạn trong ý nghĩ Đoàn.

Đoàn bỗng quay trở ra, nặng nề bước lại bên cửa sổ, dăm dăm nhìn sang nhà ông lão hàng xóm.

Gió lạnh ùa vào cái khuôn mặt đang nóng hầm hập của Đoàn. Những đám mù mù che trước mặt tan đi. Ngôi nhà thờ họ Lê bên kia hiện ra đứng xiêu vẹo trong bóng tối. Một bên mái đổ gục xuống, lửa tủa những rui mè và mấy hàng cột đen sì chống ngược lên trời. Xung quanh cỏ rậm và cây cối mọc ngổn ngang trên các lối đi và những thềm gạch cũ.

Trong gian hậu cung còn sót lại, đối diện với cái cửa sổ Đoàn đứng, một ông cụ già đầu trọc nhẵn, đang ngồi la đà uống rượu một mình trên ổ rơm. Ông lão mặc cái áo bông dài cũ vá chằng vá đụp, đắp lên không biết bao nhiêu là mụn xanh, trắng, nâu, đỏ... Một con mèo mướp nằm to sù gọn trên một bên đùi.

Ông lão vừa uống rượu vừa đánh nhịp hát, vừa gấp cá bôn cho mèo ăn. Đó là ông lão hàng xóm của Đoàn, ông lão vốn là một tay kép tuồng đã về già, không có vợ, không có con, sống một thân một mình trong cái nhà thờ họ đổ nát bỏ hoang từ hồi đầu kháng chiến. Ông lão ấy bây giờ làm nghề đánh cá, suốt ngày bỏ nhà vác lưới đi, tối đêm mới thấy lần về. Đêm nào ông lão cũng uống rượu đến khuya với con mèo của mình, và hát những tích tuồng cũ. Có đêm một mình ông lão hát hết một vở. Những Lê Tử Trình, Đào Linh Công, Bao Công, Thủy Định Minh... Những thân tuồng đã quá nửa đời người hàng đêm sống cùng ông lão trên sân khấu, bây giờ lại cùng ông lão hàng đêm ngất ngưỡng say trên bữa rượu. Ông lão sống như người sống với những thời nào thời nào ngày trước, lẫn lộn giữa cái sống với cái chết, giữa cái mất với cái còn, hiu hắt, tiếc thương... Từ ngày cải cách ruộng đất bắt bớ, giam cầm những người hoạt động cũ ở đây, ông lão càng hay hát. Hình như ông lão hát cho đỡ quạnh hiu. Hát để thấy rằng mình còn sống ở cuộc đời này và, cuộc đời cũng còn nhiều ý vị đáng sống.

Trong những ngày bị nghi oan phần chí nằm đây, tự mình ngăn cách với xóm giềng, làng nước bên ngoài, bao nhiêu ngày liên tiếp không được gặp một người thân quen, không được chào hỏi, cười nói với ai một lời, Đoàn day dứt thêm, nhớ cuộc sống bên ngoài, nhớ từng con đường, từng gốc cây, mặt ruộng. Đêm nào Đoàn cũng phải ra đứng bên cái cửa sổ này nhìn sang, xem ông lão uống rượu, và nghe ông lão nói, ông lão hát. Những lúc ấy Đoàn cũng khuây khỏa trong

## Vợ nhặt

lòng và cũng biết được đôi phần những biến diễn của cuộc cải cách ruộng đất bên ngoài.

Đêm nay ông lão hát, Đoàn nghe như ông lão khóc. Không biết ông lão có tâm sự gì? Cái đầu cứ thấy la đà trên mâm rượu mà rung lên. Ngọn đèn vàng ệch leo lét trên bệ thờ soi lên người ông lão, soi lên cái khám thờ ông tổ phùng tuồng sơn đỏ và mấy bộ râu đuôi ngựa một vùng sáng ử dột, lạnh lẽo. Tất cả mọi thứ ở đây đều mốc mác, cũ kỹ như có phủ một lớp bụi và sắp lẫn vào bóng tối.

- Mèo ơi i i...!

Ông lão bỗng đặt chén rượu xuống mâm, lừ đừ ôm con mèo lên lòng, nhìn vào mặt nó mà rên rĩ:

- Mèo ơi! Ở đây chỉ còn có một mình tao với li mày thôi. Chúng nó bỏ mày, bỏ tao, bỏ làng, bỏ nước rồi... Còn mày nữa đấy, mày cũng liệu cái thân mày đấy! Mày mà lại cũng bỏ tao nữa, thì tao còn biết ở với ai i i hi hi...

Ông lão ngửa mặt nhìn ra bốn phía xung quanh, rủ rủ nói một mình như nói cùng đêm tối.

- Đến cơn rì mà như tôi có được cái sừng Kiệu, cùng cái gương Tần còn phải nói làm chi nữa... *Sừng Kiệu đốt cho ư hử... thấu lòng Linh Tá! Cõi thử chàng có dạ trung lương hay là không?...*

Ông lão móp ngực cong cổ hát. Ông lão hát như con vật bị thương rống lên. Xóm làng nghe càng lạnh lẽo. Ông lão đặt con mèo xuống chiếu, chống tay lão đảo đứng dậy, bước từng bước chững chạc ra giữa nhà, đảo mắt nhìn xung quanh, đưa một ngón tay lên, lại hát:

- *Gương Tần soi i i cho thấu dạ Kim Lân ư hư... coi i thử gã á về hề Tề ề... hay về Tạ?...*

Dứt câu, ông lão gục đầu xuống, lão đảo đi ra ngoài vườn tối. Một trận gió cuốn lên ù ù. Bóng những lùm cây trước mặt lắc lư như bóng những cái đầu say rượu. Đoàn bỗng nghe có tiếng ai gọi mèo buồn bã. Tiếng gọi len lỏi trong các bụi cây, qua những đồng gạch đỏ, vòng quanh ngôi nhà thờ ra mãi ngoài đầu ngõ.

"Ma... ao...! Mao! Mao! Mao!"

"Mao... a a o o!... Mao! Mao! Mao! Ao"

Tiếng ông lão hàng xóm! Quái lạ? Con mèo của ông lão vẫn nằm ngoan ngoan bên mâm rượu bỏ không kia, ông lão đi gọi mèo làm gì?...

"Ma... ao! Mao, mao, mao!"

Đoàn giật mình lùi lại một bước, một cái đầu đen sì thình lình nhô ra trước khung cửa sổ.

- Anh Đoàn ơi! Anh Đoàn!...

Tiếng ông lão hàng xóm thào thào gọi bên ngoài, hơi rượu xông vào nồng nặc.

- Cháu đây! Gì thế cụ?

Đoàn xích lại gần khe khẽ trả lời.

- Anh vẫn đứng đấy à?

- Vâng.

- Chết thật!... Này, anh đã biết gì chưa?

Bóng cái đầu khê dục dục.

- Anh Mùi bị bắt rồi đấy!...

- Mùi bị bắt rồi à? - Đoàn hỏi dồn trong hơi thở, hai tai nghe ù ù. Bóng những mảng tối xoay xoay trước mặt, có những mảng xanh, mảng đỏ...

## Vợ nhật

- Bắt rồi. Bắt khi chiều. Anh Đoàn này! Anh cũng liệu mà giữ gìn đấy!... Có thể nào bên tôi còn cái hầm bảo đảm được anh ạ.

Đoàn chưa kịp trả lời, bóng ông lão đã lão đảo bước ra, lủi vào những lùm cây tối. Tiếng gọi mèo lại thấy cất lên thê thiết.

Đoàn nằm vật xuống giường, quần quai như người bị đánh. Thôi thế là Mùi bị bắt rồi. Đồng chí bí thư chi bộ, sáu bảy năm giới lặn lội, chiến đấu trong lòng địch bị bắt rồi. Đầu óc Đoàn rối loạn, dồn dồn những ý nghĩ. Làm sao cải cách ruộng đất lại cứ nhằm đảng viên mà bắt như thế này? Làm sao? Làm sao vậy?...

Bao nhiêu năm, đồn bốt giặc ken dày như nệm cối, càn đi, quét lại, cơ sở Đảng, cơ sở du kích chiến tranh cả vùng này mỗi ngày mỗi mạnh. Cải cách ruộng đất chưa đầy ba tháng, chi bộ Đảng toi bời, tan tác như cánh đồng lúa qua một cơn bão lụt! Chao ôi! Chưa xót biết bao nhiêu. Tình cảnh này không biết Trung ương có rõ cho không? Bao nhiêu đảng viên của Đảng đang bị oan khuất đây, đang mắc tiếng là những đứa phản dân, hại Đảng mình đây.

Một ý nghĩ vụt hiện ra như một vệt đen loang ra trong ý nghĩ Đoàn: “Khi đã bị coi là địch rồi thì đâu rằng Trung ương có biết đến cũng chẳng thương gì những thằng địch đâu”. Nước mắt Đoàn trào ra, Đoàn gục mặt xuống cánh tay khóc nức lên. Đoàn thoáng nghĩ đến đường chết.

Bên kia, ông lão hàng xóm vẫn ngồi nói và hát một mình trong gian nhà thờ họ bỏ vắng. Ông lão hát như khóc như than, hát như kể lể tâm sự mình. Đoàn biết ông lão đau khổ lắm. Ông lão thương Mùi, thương

những người bị oan khuất như Mùi. Suốt mấy năm trời giặc chiếm đóng ở đây, nhà ông lão là chỗ đi về của cán bộ. Ông lão là người nuôi Mùi, đảm bảo hầm cho Mùi hoạt động.

- ... Thà rằng ngày ấy, tao cứ để cho thằng Tây nó giết mẹ mày đi, lại hóa hay! Mày còn được cái tiếng thơm để đời. Ai ngờ, mày sống đến bây giờ, người ta nói ra tao mới biết, mày là thằng Quốc dân đảng! Mày phản động!... Mày ơi! Vào sinh ra tử không chết, mày chết vũng trâu đầm! Mày phụ công tao! Mày phụ công tao rồi Mùi ơi là thằng Mùi ơi! Hi hi hi...

*Thấy nói, châu ư hư hư... rơi i bèo áo! Nghe ư hư rằng, lụy nhỏ ó ó chéo khăn. Cảm thương thay i, đuôi phụng goóc lông ư. Mà à mắc chốn lồng ưng ư lưới i thỏ ó hà à...*

Đoàn nằm vùi đầu vào đồng chiếu, như trốn tránh. Tiếng hát của ông lão vẫn nỉ non, day dứt trong tâm trí.

\*

\* \*

Đoàn bỗng ngồi nhòm dậy. Ông lão hàng xóm bên kia đã thôi hát tự lúc nào. Làng xóm im lìm trong sương trắng, tự đằng xa tiếng chó sủa nhúc nhắc. Mấy đứa con Đoàn cũng ngủ say rồi, ông bố Đoàn không còn thấy húng hắng ho nữa. Nhìn mấy ngôi sao nhấp nháy ngoài cửa sổ, Đoàn biết rằng ngoài đình cuộc họp đang lúc sôi nổi.

Đoàn yên trí, nhón chân nhảy xuống đất, nghe ngóng bốn xung quanh rồi đánh diêm, đốt đèn. Đêm tối rừng mình lụi trở ra. Bóng những bồ bị, chum vại...

## Vợ nhất

cái đứng cái ngồi lổn nhổn như những bóng người. Đoàn đưa mắt liếc nhanh về phía cái ghế đầu vẫn để sẵn ở một góc buồng, lại đưa mắt liếc nhanh lên cái sà nằm ngang trên đầu.

Đoàn định tự tử. Đã mấy hôm nay, Đoàn vẫn luẩn quẩn với cái ý nghĩ đen tối ấy. Mấy hôm nay, bao nhiêu sự không hay dồn dập đến với gia đình Đoàn. Ông bố Đoàn, người ta đương tìm tài liệu để đưa lên thành phần địa chủ. Đoàn thì sáng nay ban chỉ ủy Đội gọi lên xã tuyên bố khai trừ rồi. Các đồng chí đội trưởng, đội phó, các đồng chí đội viên trong Đội đều có mặt ở đấy. Đồng chí cụm trưởng thay mặt Đoàn ủy cũng có mặt ở đấy, không phải chỉ riêng có Đoàn và đồng chí cán bộ đội Đoàn vẫn thành kiến nữa. Đoàn còn biết kêu vào đâu, trông cậy vào đâu?

Từ trước, Đoàn vẫn nuôi trong mình một niềm tin tưởng, như ánh sáng rọi rọi trong đêm tối, ấy là Đảng. Đoàn vẫn tự nhủ mình: cho dầu hoàn cảnh có khó khăn, đen tối đến chừng mực nào Đoàn vẫn là một đảng viên, Đoàn còn có Đảng, Đoàn còn có thể chịu đựng được, và nhất định vượt qua được. Mười năm giờ kháng chiến bao nhiêu chông gai, gian khổ, Đoàn và gia đình Đoàn đã vượt qua thì bây giờ cũng sẽ vượt qua được bước khó khăn này.

Nhưng đến sáng nay, Đoàn không còn đủ sức chống chọi lại với những thực tế cay nghiệt ấy nữa. Những người mà Đoàn cho rằng có thể tin cậy được, những người Đảng giao phó trách nhiệm cho về đây công tác, những người ấy cũng đã công nhận Đoàn là kẻ địch rồi, đã quyết định đuổi Đoàn ra khỏi hàng ngũ Đảng

rồi. Bốn bề tối đen, mù mịt, Đoàn biết đi đường nào, lối nào? ... Đoàn đã bị quản chế.

Mắt Đoàn dài ngoẵng ra và lối lồm bóng tối.

Trong một lúc, bao nhiêu kỷ niệm, bao nhiêu chuyện vui buồn, oan trái bỗng vụt hiện lên dồn dập trong ý nghĩ Đoàn. Những đồng chí trong đơn vị, những đồng chí chỉ huy, đêm kết nạp vào Đảng, anh cán bộ cải cách ruộng đất, anh du kích có răng vàng và những ngày, những đêm chiến dịch, hành quân gian khổ từng bừng...

Mắt Đoàn bỗng long lên, Đoàn chạy vụt ra phía cái ghế đầu, bưng cái ghế đặt lên giường...

Tất cả những việc ấy Đoàn làm rất nhanh, rất gọn. Đoàn làm như một cái máy, không kịp nghỉ, không dám nghĩ thêm gì nữa. Đoàn làm như bị sai khiến bởi một sức huyền bí gì. Và sợ hãi lén lút như kẻ gian.

Bóng Đoàn in dài trên vách đất thành một vệt đen còng queo. Đoàn vừa kiễng chân quăng được sợi dây thừng vắt qua cái sà ngang nhà thì tự dưng Đoàn bủn rủn cả chân tay. Đoàn vội tụt xuống ghế, tắt đèn lên giường nằm. Chân tay Đoàn giá lạnh mà mồ hôi thì vã ra ướt đầm cả chân tóc. Đoàn sợ quá, sợ một cách hồi hộp, kỳ lạ. Đoàn vừa thoáng nghe tiếng chân người đi từ ngõ vào sân, bước lên thêm. Trống ngực Đoàn đập thình thịch, Đoàn nín thở lắng nghe ra phía ngoài.

Cánh cửa buồng bỗng kêu kệt lên một tiếng nhỏ, một ngọn đèn chai xanh lét như con đom đóm hiện ra, im lìm trong bóng tối. Đoàn vội nhòe dây quăng sợi dây thừng vào một góc nhà, và đặt cái ghế đầu xuống đất.

## Vợ nhặt

Vợ Đoàn đã đi họp về. Ít lâu nay, vợ chồng nhà này không hẹn mà tự dưng có lệ: Đêm đêm đi họp về thế nào chị vợ cũng phải khê đẩy cửa buồng cho kêu kệt lên một tiếng thì anh chồng bên trong biết ý đang háng trả lời. Đêm nào cũng như đêm nào, bên ngoài kệt cửa thì bên trong đang háng, bấy giờ vợ chồng mới yên tâm đi ngủ.

Đêm nay không hiểu sao vợ Đoàn về sớm vậy? Ngoài đình đã thấy tan họp đâu? Hay là đã có việc gì? Đoàn bỗng thấy bối rối lo sợ.

- Mình ơi!... Mình!...

Tiếng người vợ ở ngoài run run khê gọi vào. Cổ Đoàn nghẹn lại, nức nở như muốn khóc.

- Mình ơi!... Mình còn thức hay ngủ đấy?

- Tôi vẫn thức đây. - Đoàn buồn bã cất tiếng gọi ra.

- Mình vào trong này cho tôi hỏi.

Bóng người vợ bên ngoài khê đụng dẩy, chị xách cái đèn chai len lén bước nhanh vào buồng chồng. Đoàn nắm tay vợ kéo xuống ngồi bên cạnh.

- Mình ngồi xuống đây. Hôm nay họp thế nào?

Chị vợ không trả lời, lẳng lặng đặt cái đèn chai xuống chân giường, thân mặt ra nghĩ ngợi. Một chốc chị khê thở dài, hỏi chồng:

- Ở nhà em nó có khóc không?

- Không.

Cả hai cùng nín lặng. Nỗi đau xót, ê chề đè trĩu lên tâm trí họ. Đoàn ngồi đăm đăm nhìn vợ. Đã lâu lắm, hôm nay Đoàn mới nhìn vợ như vậy. Hai mắt anh cau lại, long lanh. Vợ Đoàn gầy quá. Đoàn biết rằng trong những ngày gần đây vợ mình vất vả lo nghĩ nhiều.

Trong nhà bây giờ chỉ còn mình vợ Đoàn lo chạy vạy nuôi cả gia đình. Đoàn thấy hết cả mọi nỗi khó khăn của vợ. Giá như trước kia túng thiếu chạy sang hàng xóm còn giật tạm được vài bữa gạo. Bây giờ thì biết vay ai? Ai người ta dám cho nhà này vay?

Nước mắt Đoàn trào ra, Đoàn cầm tay vợ ngậm ngùi.

- Minh ơi! Tôi thương mình quá. Mình đắng cay vất vả vì tôi... Hôm nay sao mình về họp sớm thế?

Vợ Đoàn không trả lời. Chị cúi gằm mặt xuống, và cả người chị bỗng rung lên. Đoàn giương tròn hai mắt nhìn vợ, mặt cau lại một cách đau đớn, Đoàn cúi xuống hỏi vợ dồn dập:

- Sao? Minh?... Ô kìa, sao tôi hỏi mình lại khóc.

Chị vợ nức nở:

- Đang họp dở chừng... Người ta đuổi không cho họp nữa...

- Người ta đuổi không cho họp à? Người ta đuổi không cho mình họp nữa à? Làm sao mà người ta đuổi?... Giời ơi! Thế này thì tôi sống làm sao được!... Minh ơi! Minh ơi!...

Đoàn bấu chặt lấy hai vai vợ, vừa nói, vừa rít. Cái ý nghĩ định chết khi nãy vừa dịu xuống lại đau xé trong người Đoàn, Đoàn bỗng ôm chầm lấy vợ vào lòng. Vừa đau đớn, khổ sở, vừa căm tức, điên cuồng, Đoàn cắn vào cổ, vào vai, vào ngực vợ...

Chị vợ sợ hãi cuống cuồng đẩy chồng ra.

- Ô kìa, mình! Du kích người ta gác ở ngoài kia kìa.

- Gác à? Mặc gác!

## Vợ nhất

Đoàn nghiêng hai hàm răng lại, dần ngửa vợ xuống như một con thú dữ. Ngọn đèn để dưới chân giường bị đập lặn xuống đất tắt ngấm. Trong bóng tối kín như bụng của gian buồng, chỉ còn nghe tiếng nan giường quăn lên xào xạc, và tiếng người vợ lao thảo cưỡng lại một cách yếu đuối...

Xóm làng yên tĩnh. Bốn bề chỉ còn nghe tiếng giun để kêu ran rỉ, và tiếng gió chạy lồng lộn ngoài vườn cây sau nhà.

... Một lúc sau chị vợ chống tay ngồi dậy, lẳng lặng vắn lại khăn đầu. Anh chồng vẫn nằm im ở giường, nghĩ ngợi lan man.

Sau một cơn nóng nảy, điên cuồng, bây giờ người Đoàn chùng hẫ xuống. Đoàn không còn đủ can đảm nghĩ đến đường chết nữa. Nghĩ lại Đoàn thấy tự xấu hổ với mình và thấy những ý định ấy hết sức vô lý, dại dột, và hèn nhát nữa. Đoàn chết đi thì định bỏ những khó khăn này lại cho ai? Vợ con Đoàn sẽ ra sao? Ông bố già suốt một đời vun đắp, trông mong ở Đoàn sẽ ra sao? Lại còn bao nhiêu người sẽ liên lụy vì cái chết của Đoàn nữa. Không, Đoàn phải sống!

Và Đoàn chết đi, liệu đã thoát chưa? Hay là rồi đây người ta sẽ cho rằng Đoàn trốn đấu tranh? Bị đồng bọn cắt đứt đầu mối? Không, Đoàn phải sống! Cho dầu hoàn cảnh có đáng cay, tủi nhục đến chừng mực nào đi nữa, Đoàn cũng phải sống. Tình thương yêu và bốn phận làm cha, làm chồng day dứt trong lòng, Đoàn không thể trốn mà đi được.

Đoàn xoay người trở ra, nắm lấy bàn tay vợ, cái bàn tay khô khảnh và giá lạnh. Đoàn dịu dàng nói:

- Minh ạ, từ ngày mai tôi không nằm trong này nữa. Nhà còn miếng đất đằng sau vườn, tôi định cuốc lên giống một ít cải.

- Thôi giống làm gì. Chắc đâu nhà mình đã được ăn mà giống. Đôi gà mái nhà ta tôi cũng định thịt đi cho cả nhà ăn một bữa...

Chị cắn chặt môi lại, nín bật. Đoàn cũng chẳng biết nên khuyên thế nào, đứng dậy, đánh diêm đốt đèn.

- Khuya rồi đấy... Minh đi ngủ thôi, mai còn làm.

Đêm đã về sáng. Mấy ngôi sao vẫn nhấp nháy bên ngoài cửa sổ lặn từ lúc nào. Trong xóm gà gáy dội lên một lúc rồi im hẳn. Đoàn lấy giấy bút ngồi viết đơn khiếu oan. Đoàn sẽ viết làm ba bản. Một bản gửi Trung ương, một bản gửi Đoàn ủy và một bản gửi ban chỉ ủy Đội. Đoàn sẽ kể hết những điều Đoàn thấy, những điều Đoàn nghĩ, những điều oan ức của Đoàn và các đồng chí như Đoàn trong đợt cải cách ruộng đất này.

Đoàn ngồi viết cho đến sáng bạch.

## CON CHÓ XẤU XÍ

Nó là một con chó xấu xí! Xấu đến nỗi trong nhà chẳng ai buồn đặt cho nó một cái tên. Nó không được là Tôtô, Kiki, cũng chẳng là Quýt, là Cún, là gì gì cả. Gọi nó, người ta chỉ việc “êu, êu...” như gọi bất cứ một con chó nào là nó đến. Mãi đến lúc nó chết, đôi khi nhắc đến, vợ tôi mới gọi nó bằng cái tên nghe rất đổi thương yêu: “Con Mực nhà ta... Ngày Tây nhảy dù Việt Bắc, con Mực nhà ta... Ngày con Hiền mới chập chững biết đi, con Mực nhà ta...”.

Khốn nạn, cái “con Mực nhà ta” ấy, thực ra từ lúc mua đến lúc chết, nó phải chịu sự ghét bỏ, hắt hủi của mọi người trong nhà tôi y như đứa trẻ, con một người làm lễ thứ năm, thứ bảy trong một gia đình giàu có, đông con mà bố mẹ chết rồi, phải ở với anh chị con bà cả vậy.

Ngày ấy con bé đầu lòng của tôi chưa đầy tuổi tôi, vợ tôi cần có một con chó nhép để cho nó “dọn”. Cái trò đàn bà hay tham rẻ, chỉ tính đến chuyện được việc. Nhà tôi mua nó đầu có ba hào chỉ.

Tôi bực mình lắm. Cứ thoáng trông thấy nó, tôi đã lộn ruột lên rồi. “Chó gây khổ mắt người nuôi!” Ừ thì trong lúc kháng chiến này cũng chẳng nên kén chọn, câu kỳ đến những giống chó đồ, chó kiêu làm gì, nhưng đã nuôi cái của giống má trong nhà, ít ra cũng

phải sạch mắt thì mới coi được. Đằng này, con chó nhà tôi mua, nom nó thảm hại quá. Nó không còn thể gọi là con chó được nữa. Nó bằng cái nắm đấm thế này, vừa bé, vừa lường, còm róm như con chuột trù ốm ấy. Nhất là những hôm đang lạnh bỗng dưng trở nắng, con chó nhà tôi ra sân ngồi sưởi thì, giò đất cha mẹ ơi, không còn thể sao khươm được. Bẩn mắt quá!

Nó ngồi gù gù ngoài bóng nắng như anh nghiện thiếu thuốc. Cái mặt gục xuống, dốt dãi chảy ra, hai con mắt ướt nhòen hai cục nhử trắng nhũ. Cái lưng khòm khòm nổi lên từng đốt, từng đốt xương sống.

Cái con chó khốn khổ ấy nó không còn đủ cả lông để che kín thân thể nữa. Lông nó lường ăn rụng từng đám lơ phơ, nham nhở và đỏ bẻm như đám cỏ ấy. Da lưng, da bụng, da cổ trật ra sần sùi, cóc cáy, đến cả cái đuôi cũng không đủ lông. Đuôi nó thun lủn một mẩu xám xịt như đuôi con chuột cống già.

Dưới ánh nắng mùa hanh rất ràn rạt, lớp da răn rúm bọc ngoài cái thân hình gầy gù, lưng cũng những xương của nó, lúc lúc lại thấy rùng lên. Nó khẽ rên ư ử một cách sung sướng và thê thảm...

Tôi bảo nhà tôi đem mà vứt mẹ nó đi, không có cho ai thì cho. Nhà tôi chỉ cười:

- Cho là thế nào? Để tặng gia đấy.

Nhà tôi cũng biết trót mua phải con chó xấu quá, nên mỗi bận tôi kỳ kèo chỉ cười, nói quấy quá cho xong lần. Còn con chó thì hình như nó cũng biết thân phận nó, biết tôi ghét nó, mỗi lần thấy bóng tôi từ xa, cu cậu đã lui lủi lĩnh đi chỗ khác. Nó cúi gầm mặt xuống, mắt lấm lét nhìn trộm, cái đuôi thun lủn một mẩu thịt cháy thì khẽ ngoáy ngoáy mừng nịnh. Tôi càng ghét.

## Vợ nhặt

Cho mãi đến hôm có Đặng ở đoàn kịch của tỉnh đi qua tạt vào thăm, con chó ấy mới được yên thân với số phận Đặng quyết định cho nó và, từ đấy tôi cũng thôi không kỳ kèo nhà tôi nữa.

Đặng là một tay bợm rượu. Anh em bạn chơi vẫn gọi anh ta là Đặng cồn. Người anh ta lúc nào nom cũng ủ dột. Mặt trắng bự, mắt ướt nhoèn, lưng gù, cặp kính trắng thông xuống đến cánh mũi. Cái miệng chảy thều ra lúc nào cũng thấy đánh tốp ta, tốp tép như cóc thêm muối. Thường khi cả ngày chẳng thấy anh ta nói một câu, ấy hể mà ngồi vào mâm rượu là cả người anh ta bỗng tỉnh táo, linh hoạt và cái khuôn mặt bệch bạc, rụng hết lông mày của anh phút chốc rạng rỡ hẳn lên. Lúc ấy sao mà anh ta nói chuyện có duyên đến thế! Anh gọi chó là “hươu thêm”, là “nàng thơ của cụ Lỗ Trí Thâm”. Chó vàng anh gọi là “ka ki”, chó đen anh gọi là “nhung Thượng Hải”. Những con chó thui nhoáng mỡ treo lủng lẳng trước quán hàng anh gọi là “leo cóc”, v.v...

Hôm Đặng vào chơi tôi, con chó ấy đang ngồi phơi nắng ở giữa sân. Cũng như mọi bận, vừa thấy động bóng người, cu cậu đã lủ khủ đứng dậy, cúi đầu lặng lẽ lui lủ xuống bếp. Nhưng mà Đặng đã nhìn thấy nó rồi. Anh ta tiếng rằng hấp him, cặp bà lờn nhưng lăm cái lại tỉnh ra phết.

Vừa thoáng thấy con nhãi nhép ấy, anh ta bỗng reo lên:

- A ha, nhà này vừa sắm được của quý!

Nhà tôi ngồi trong bếp nhìn ra chưa hiểu nhà mình sắm được cái của quý gì, Đặng đã ngồi sà xuống đất, neho mắt khê gọi:

- Êu, chắc, chắc chắc!...

Tiếng gọi nghe thật dịu dàng, âu yếm. Con chó đứng lại lưỡng lự, nghi ngờ. Từ ngày về nhà này, có bao giờ nó được nghe cái tiếng gọi thương yêu đến như thế.

- Êu, chắc chắc chắc!...

Con chó sững quá, ngoáy tít cái đuôi trụi, dặt dẹo trên bốn cái khoeo gầy quay trở lại. Đến gần Đặng, nó nằm rạp xuống, thè lưỡi ra liếm liếm, và khẽ rít lên ư ử.

Đặng cúi xuống nghiêng nghe cặp kính nhìn con chó hồi lâu, anh gật gù, tấm tắc khen:

- Hay! Hay lắm! Sáng kiến của bà Hiền phải không?

Nhà tôi thấy Đặng chú ý đến con chó mình mua một cách đặc biệt như vậy cũng hồi lòng hồi dạ. Nhà tôi cười bảo anh ta:

- Vâng tôi mua đấy anh ạ. Thế mà nhà tôi cứ bảo đem cho...

- Cho là thế nào! - Đặng trợn mắt lên cướp lời. - Chị cứ để đấy cho tôi. Ba tháng nữa tôi gỡ lại, được vô khối là việc.

Đặng nháy tôi một cái, làm dáng điệu đang thủ một cái chầy sau lưng, miệng ngọt ngào gọi "êu, chắc..." rồi thỉnh thoảng anh trợn mắt, mím môi bỏ xuống không khí một cái thật mạnh:

- A lê hấp! Cho một chầy, chị biết chưa?

Đặng cười ré lên một hồi giòn khanh khách. Con chó dưới chân Đặng cồn giật thót người, cúp đuôi chạy vút đi. Đặng càng cười đắc ý.

## Vợ nhật

Đi với Đặng còn còn có Nhược Dự. Bạn nào Đặng đến nhà tôi, Nhược Dự cũng đi theo. Anh ta là người khó hiểu, khôn ngoan và kín đáo. Ngồi nói chuyện với anh ta khó mà biết được ý thật của anh ta như thế nào. Bao giờ anh ta cũng nói theo ý của người khác và nếu gặp một ý nào đối chọi lại, lập tức anh ta rút lại ngay. Lúc nào anh ta cũng khoác bên ngoài cái vẻ lơ mờ, rụt rè như một người lạc lõng, hiểu rất ít về thời cục.

Hồi mới chạy lên trên này, Nhược Dự còn để cái đầu trọc. Cái đầu sinh ra từ ngày còn Nhật, chưa có dịp chuyển sang đầu thường, nhưng chỉ mấy tháng sau tóc anh đã mọc rất dài, không những thế anh còn để cả bộ râu dài lượt mượt như một ông cụ nữa. Bộ râu lạc lõng trên cái mặt non choẹt, trắng nhầy nom như râu đóng kịch. Có bộ râu ấy, anh có thể rên rỉ, than thở với mấy ông xã đội trưởng rằng mình già yếu không thể đi canh gác, hay đi phá đường được; hoặc từ chối một vài việc gì đấy mà ủy ban muốn nhờ anh ta giúp đỡ. Trước ngày, Nhược Dự cũng có viết văn. Anh ta viết những truyện “ái tình” lâm ly, suốt mướt với một thứ văn chương uốn éo, quen thuộc, rẻ tiền. Anh ta làm văn chẳng khác gì người thợ kim hoàn quen tay làm đồ mỹ ký. Vì thế, từ ngày khởi nghĩa anh không viết gì được nữa, mà anh ta cũng chẳng nghĩ gì đến chuyện tiếp tục viết văn.

Tuy vậy, cả nhà anh ta, từ bà cả già mỗ bán bún riêu ngoài quán đình Bùi, đến cô vợ hai còn trẻ măng chuyên việc bếp núc, hầu hạ chồng và con chồng ở nhà đều như còn luẩn quẩn, mê luyến với cái không khí của một thời “oanh liệt” của ông chồng trước kia...

Trước mặt người lạ, họ đối đãi, nói năng với nhau hoa mỹ, kiểu cách như người trong truyện cả. Nghĩa là nghe nó ngổ ngẩn, giả dối rất chuồng tai!

Người như vậy, kháng chiến cũng không bỏ. Biết Nhược Dự trước kia có viết văn, cơ quan tôi mấy bạn cử người về đón anh đi công tác. Bạn nào Nhược Dự cũng có bộ mặt rầu rĩ, bần khoản vì nỗi hoàn cảnh anh ta bó buộc, vì anh ta nặng gánh gia đình, vì anh ta bệnh tật, đau yếu luôn. Phải loanh quanh ở nhà như vậy anh ta lấy làm xấu hổ và khổ tâm lắm lắm.

Người địa phương vì thế ghét vợ chồng anh ta thậm tệ. Giữa cuộc kháng chiến bùng nổ, không ai có thể ưa một anh đàn ông sức dài vai rộng mà chỉ thấy cạ kè với hai bà vợ và nhớn nhoe với một ngôi hàng. Người ta làm vợ chồng anh khó chịu, tức tối ngấm ngấm, có khi phải tủi hổ.

Mỗi lần Đặng có việc đi qua tạt vào chơi, vợ chồng Nhược Dự rất mừng. Trong số bè bạn ngày trước chỉ có Đặng là chịu chuyện được vợ chồng nhà này. Nhược Dự vợ được Đặng như người chết đuối vớ được cọc. Mỗi lần gặp nhau lại rượu. Trên mâm rượu “tha hương ngộ cố...”, ít ra anh ta cũng nói được đôi ba câu cảm khái vụn, ngâm ngợi một vài bài thơ than thở cho thân, cho thì. Có lần rượu vào, anh ta rữ xuống mà khóc.

Hôm Nhược Dự theo Đặng đến nhà tôi chơi, thấy Đặng có ý kiến về con chó ghẻ như vậy, anh ta liền “bốc” ngay. Anh ta ca tụng các món thịt cây, ca tụng cái đạo của những ai biết thưởng thức thịt cây, cuối cùng anh ta hẹn ba tháng nữa, Đặng trở lại sẽ hội ẩm

## Vợ nhặt

một châu thịt cây có thể gọi là “phanh dương, tể ngưu...”.

- Cô hai nhà *moa* sẽ đội sang một cái quả son đầy bún với hai cây rượu đặt thật trứ danh. Các *toa* sẽ thưởng thức của bà cả nhà *moa* món giò chó, món thịt chó hầm cách thủy, món thịt chó hấp... À, các *toa* đã được nghe bà cả nhà *moa* ngâm “Hồ trường” chưa? Đây “en” mà ngà ngà mấy chén vào, ngâm “Hồ trường” thì lạ lùng hết sức... Buồn mà thấm vô cùng...

Thực tình trong lúc này, tôi chẳng thấy hay ho gì những cái trò ấy. Nhưng thôi, con chó như thế, nó cũng yên với cái phận của nó rồi. Tôi cũng thôi không còn phải băn khoăn, kỳ kèo, ca thán gì về nó nữa. Trong những ngày chờ đợi nó béo, lớn lên, tôi như đã quên nó, coi như không có nó trong gia đình. Đôi lần gặp Đặng, anh ta có nhắc nhở, tôi mới nhớ ra và trả lời một cách mù mờ rằng: con chó ấy có dễ nó cũng đã kha khá lên rồi. Thật ra tôi có biết bây giờ con chó nó gầy, béo ra sao đâu. Một phần vì độ ấy cơ quan tôi đã chuyển sâu vào rừng, tôi ít khi về nhà; một phần vì con chó ấy cứ thoáng thấy bóng tôi, nó đã lui lủi lĩnh đi, nằm bẹp ở xó xỉnh nào rồi.

Một buổi chiều, tôi vừa ở cơ quan ra thì gặp Đặng khoác ba lô, chống cái gậy hèo khật khưỡng đi tới. Thấy tôi, anh ta mừng quá, phì cả hơi rượu vào mũi tôi, nói choang choang giữa rừng:

- À, mày... Thăng Hiền! Thế nào, to chưa? To rồi chứ còn gì?

Tôi đứng ngây ra không hiểu Đặng hỏi tôi cái gì to chưa. Anh ta phì cười, phát đen đét vào vai tôi:

- Bố khỉ, bố đàn!... Con chó ốm nhà mày ấy, to chưa? Khử được rồi chứ còn gì?

Tôi gật đầu cười "à à...". Ra cái tay bợm rượu này không lúc nào nó quên được con chó!

- Tao đã bảo vợ chồng nhà Nhược Dự rồi. Hai chai bố trong suốt như nước suối...

Anh nháy tôi một cái, ngấp ngó cặp kính thông xuống tận mũi, nhìn tôi:

- Kể ra vợ chồng chúng nó cũng có khí... nhạt đấy. Mặc mẹ, được việc cho mình thì thôi, hả?

Anh ta cười phá lên một dịp giòn tan.

- Chủ nhạt hả! Chủ nhạt này mày về, ta làm một châu văn hóa cao!

Đặng bắt tay tôi, hỉ hỉ chống gậy lên đường.

Nhưng sự đời có mấy khi chiều những ý muốn đã định trước. Đặng vừa đi hôm trước thì hôm sau có tin giặc nhảy dù Thái Nguyên, rồi có tin giặc từ Bắc Giang đánh lên, Bắc Ninh đánh sang. Lối Kim Tràng, Cầu Xim, Cầu Đông; bên núi Hia, núi Đót; dưới chợ Lữ, bến Lũ, bến Phà, đâu đâu cũng có giặc cả rồi. Người các mạn dưới đánh trâu, bò, bông bẽ, gồng gánh chạy giặc dạt lên đen kín cả ngoài cánh đồng.

Cơ quan tôi đã chuẩn bị từ trước, vừa có tin giặc nhảy dù Thái Nguyên, lập tức chuyển sâu thêm nữa vào rừng, sang một địa điểm tỉnh khác. Tôi được anh em đồng ý cho về thu xếp gia đình rồi sẽ theo cơ quan sau. Anh em ai cũng biết cảnh nhà tôi neo bần, chỉ có một mình vợ tôi với đứa con gái nhỏ, lại ở vào giữa vùng giặc đang đánh lên, một mình vợ tôi sẽ không biết xoay xỏa như thế nào trong cái tình thế khó

## Vợ nhặt

khăn, bối rối ấy được. Tôi về chuyến ấy, có ý định sẽ đưa gia đình theo cơ quan, ở một trại áp hẻo lánh nào đấy cách cơ quan tôi chừng độ dặm bảy cây số cho tiện sự đi về thăm nom.

Con chó của tôi như thế không thể “làm một châu văn hóa cao” như Đặng hện nữa, và cái số phận của nó cũng vì cuộc chạy giặc ấy mà thay đổi.

Đêm ấy tôi từ cơ quan về đến nhà thì vợ con tôi đã chạy cả rồi. Hàng áp cũng không còn nhà nào ở lại. Xóm ngõ vắng tanh, súng giặc nghe rền từng chập. Nghe rõ tiếng liên thanh ùng ục và từng phát súng trường lẻ tẻ rít vào không khí.

Tôi biết vợ con tôi đã chạy vào đồng Kinh. Từ mấy tháng nay, mỗi bận tôi về nhà, hay viết thư về cho nhà, tôi đều căn dặn vợ tôi lúc nào cũng phải hết sức gọn gàng, phòng giặc đánh lên, hoặc nhảy dù là có thể bế con chạy ngay được. Trường hợp tôi chưa về kịp, mẹ con hãy chạy vào cụ bếp Móm trong đồng Kinh làm chỗ liên lạc, tôi sẽ về đón. Ở trong ấy gần rừng, hẻo lánh dễ chạy, mà cụ bếp Móm lại là chỗ đi lại quen biết từ trước, nhờ xảy gặp khó khăn có thể nhờ cậy được.

Tôi đảo về qua nhà, đi vắn vợ ngoài cái sân bỏ vắng mấy lượt, rồi cầm đầu đi thẳng vào đồng Kinh. Bấy giờ đã khuya lắm. Đêm tối vắn rùng rùng bóng người, bóng trâu bò chạy giặc. Người ở vùng dưới chạy lên đây, người ở đây lại chạy mãi vào những mạn ven rừng. Trong các bụi cây, bờ ruộng, khe suối, rệ đồi, trong các lều quán ven đường, chỗ nào cũng thấy nhan nhản những người. Chỗ nào cũng nghe tiếng trẻ

khóc, tiếng gọi thưa, tiếng than thở, chửi rủa. Ruột gan tôi càng rối lên.

Vào đến nhà cụ bếp Móm, tôi giục nhà tôi thổi cơm ăn, chuẩn bị đi ngay đêm nay. Bấy giờ tôi mới chợt nghĩ đến con chó. Tôi thấy nó vương vương. Dem nó theo gia đình lúc này thật chẳng được tích sự gì, rất phiền, mà rất có thể nguy hiểm. Mà bỏ nó lại thì... thật ra trong lòng tôi cũng áy náy. Trong cái lúc chạy giặc này, trong cái lúc con người ta đang phấn đấu giành lấy sự sống, sự đoàn tụ, yên vui, phải bỏ lại bất cứ một vật gì đã có trong gia đình mình cũng đều thấy xót xa như phải bỏ lại một con người và có cảm giác như đây là một cuộc chia ly phũ phàng giữa cái sống và cái chết.

Con chó ấy, từ trước vẫn sợ tôi, thoáng thấy bóng tôi là tránh cho thật xa, đêm nay hình như nó cũng thấy có những cái gì khác lắm, cái gì như là tan nát, thấy tôi về, nó mừng quá, nó quên cả cái thói quen sợ tôi của nó, nó chạy bổ ra với tôi, mừng rối rít. Nó quấn lấy tôi, dều dều theo tôi, nằm phục dưới chân tôi mà hít hít, ngửi ngửi rên lên những tiếng ư ử sung sướng, thân thiết. Thì ra những lúc gian nguy, chẳng những con người, đến con vật cũng quên hết những ghét bỏ, hiềm khích cũ mà gần gũi, thương yêu nhau, thấy cần phải nương tựa vào nhau mà sống. Tôi bỗng đâm ra lưỡng lự không biết đối xử với con chó này như thế nào, bỏ nó lại, hay là mang nó đi?...

Người chạy giặc vẫn kéo lên mỗi lúc một đông. Có tốp tiếp tục đi mãi vào trong mạn rừng, có tốp nghỉ lại ở đây. Cái túp nhà ông cụ bếp Móm chật lén những người. Trong số những người mới đến, tôi thấy có cả

## Vợ nhặt

ba vợ chồng Nhược Dự, tôi mừng quá, chạy ra hỏi tin giặc. Nhược Dự với cô vợ hai không nói gì. Đêm nay anh ta thay đổi hẳn, gặp tôi anh ta cũng chẳng thấy nhích lên được một nét vui nào. Anh ta chỉ lăm lăm cái mặt và thở dài. Sự lo lắng, chán nản, oán trách hiện lên đầy mặt. Anh ta đối với tôi lúc này lại như có vẻ hồ hững, khó chịu. Trái lại chị vợ cả lại nói rất nhiều, cặp môi ăn trầu thuốc thâm đen của chị cuộn lên. Chị nói bằng mắt, bằng tay, bằng nét mặt, bằng tất cả cái sắc sảo của một tay buôn lọc lõi. Có lúc chị nói liên liên một hồi như cái máy khâu đập cố rồi đột nhiên ngừng lại, đưa mắt dò la đánh giá người nghe; có lúc chị nói khoan thai thẽ thọt như thẽ giọng mẹ chồng ngồi kể xấu nàng dâu. Có lúc chị giả giọng ba bốn người trò chuyện đối đáp với nhau. Chị vừa nói vừa cười giòn khanh khách. Kể chuyện giặc đánh lên, giặc đốt làng mà giọng chị nghe văn hoa, hồ hởi như chuyện vừa kiếm được món hời.

- Tại anh Nhược Dự đấy, kêu là chiều tôi rồi, nó không lên nữa, để sáng sớm mai hẵng chạy còn kịp chán. Thế mà ai ngờ nó đi đêm anh ạ. Nó đốt cái quán ở đình Bùi của tôi rồi. Tiếc quá.

- Nó lên đình Bùi rồi hả chị?

Chị bỏ cái mặt chị vào mặt tôi:

- Chả có hai lần đình Bùi! Nó đến Nhã Nam rồi anh ạ. Thật cả là một sự điều linh. Cũng chỉ tại mấy bố du kích nhà ta thôi anh ạ. Súng ống chẳng có, có mấy khẩu súng kíp còm cũng đâm đập bắn nó. Nó mấy cái, nó mấy đốt cho. Nó đốt đình Bùi, đốt Cao Thượng, bây giờ nó đang đốt Nhã Nam đấy. Vợ chồng tôi vừa chạy giặc, vừa ngoảnh lại nhìn ngọn lửa quân

xâm lăng tàn bạo nó đốt nhà, đốt cửa của đồng bào mà trái tim của vợ chồng tôi tưởng chừng như sắp sửa tan vỡ ra từng mảnh... Hé, hé, hé...

Chị ngựa cổ, bụng miệng cười khé lên. Mặt anh chồng cứ nhăn như bị. Nhược Dự vốn là người kín đáo, giữ gìn, có điều gì hậm hực, không được như ý, anh ta chỉ hậm hực riêng với mình, hoặc quá lắm thì anh hậm hực với hai bà vợ của anh. Cái lối văn hoa giả khôn, giả dại của bà vợ anh, thường ngày làm cho cái cửa hàng bún riêu của vợ chồng anh đông khách, người ta ngồi ăn hàng và xem một người ăn nói lạ tai như vậy cũng thấy hay hay, nhưng hôm nay, nghe vợ nói năng như vậy Nhược Dự ta khổ tâm quá, khổ tâm lắm. Anh khổ tâm không phải vì cái lối nói ba hoa, giả dối của vợ mà có lẽ anh khổ tâm vì bà vợ của anh không biết giữ mồm giữ miệng, nói những điều mà anh chỉ dám nói trong cổ họng. Anh ta vội hỏi tôi một câu, có ý lái khéo câu chuyện sang hướng khác:

- Lâu nay *toa* có sáng tác được cái gì mới không?

Hình như thấy câu nói của mình lạc lõng không hợp với tình thế lúc này, anh ta hỏi thêm:

- Lâu nay *toa* có gặp Đặng không? *Toa* có biết *lúy* chạy đâu không?

Tôi chưa kịp trả lời, Nhược Dự đã quay ra nói gì nhỏ nhỏ với bà cả. Hình như anh không cần thiết câu trả lời của tôi cho lắm. Tình hình lúc ấy đột nhiên lại thấy lộn xộn. Người ở ngoài chạy dồn vào, người ở đây lại nhốn nháo kéo nhau đi. Tin người tản cư nghe mỗi lúc một khác, những tin không biết từ đâu truyền đi rất nhanh. Lúc có tin giặc đã đến Nhã Nam, lúc có tin giặc ở Thái Nguyên đánh sâu vào rừng lòng các cơ

## Vợ nhặt

quan, lúc lại có tin giặc ở Thái Nguyên đốt phá Thác Huống, Đá Gân. Mạn Vĩnh Yên, Phúc Yên cũng có tin giặc vào đến chân Tam Đảo. Con đường tôi và vợ con tôi phải đi qua đêm nay cũng có tin giặc đánh đến nơi rồi. Đàng nào cũng phải vượt thôi!

- Này mình ạ... - Tôi nhìn nhà tôi đắn đo một lúc.  
- Cái con chó nhà ta ấy, tôi thấy, tôi nghĩ không thể đem nó đi được đâu.

- Sao, mình bảo gì cơ?

Nhà tôi ngồi nắm nắm cơm bằng chiếc khăn tay trên mặt cái sàng, ngẩng lên nhìn tôi sững sốt. Tôi ngập ngừng nói thêm:

- Cái con chó nhà ta ấy, tôi thấy không thể đem nó đi theo mình đêm nay được đâu.

- Sao lại không đem nó đi được? Mình nói tôi chẳng hiểu ra sao cả.

Nhà tôi cau mặt lại một cách khó chịu:

- Nuôi nó ngần ấy ngày giờ, gặp lúc như thế này lại định bỏ nó! Mình nghĩ thế nào, lại tính thế? Chả thà là thịt nó đi như anh Đặng nói lại đi một nhẽ.

Tôi nín lặng chẳng biết nói với nhà tôi như thế nào, trong lòng thật cũng thấy hổ thẹn với những ý nghĩ của mình. Ngoài kia, ba bốn đám lửa đốt làng, đốt phố rừng rực trong đêm tối. Những đám lửa nom gần lắm rồi.

Tôi càng nôn nao, bối rối; tôi nói với nhà tôi như đồ dành, như phân trần:

- Có phải rằng tôi muốn để lại nó đâu, nhưng mà giặc thì nó đánh đến nơi rồi, xung quanh mình chỗ nào cũng có tin giặc, mình đem nó đi làm sao được...

Thôi, đành nhẽ là phải gửi nó lại... Sau này giấc yên, về ta lại đem nó về...

Nhà tôi cầm cúi nắm nắm cơm không trả lời. Nắm xong, nhà tôi lẳng lặng thu xếp, bỏ vào quang gánh, rồi đi vào trong nhà. Nét mặt nhà tôi lúc ấy nom lằm lì và buồn bã vô cùng. Lát sau nhà tôi và cụ bếp Móm từ trong nhà đi ra. Ông lão bước nhanh về phía tôi, xăm xăm:

- Thôi được, hai bác không đem được nó đi thì để lại, tôi trông nom cho, anh em mình, lo gì. À hà, con chó này đang ngon thịt đây...

“Quái thật, làm sao ai nhìn đến con chó cũng nghĩ đến chuyện thịt?” Tôi thấy hơi khó chịu.

Ông lão chấp hai tay sau đít, cười gật gật ngấm nghĩa con chó. Chừng như con chó ấy nó cũng thấy có điều gì khác ý, nó vội rúc vào chân tôi liềm liềm, ngửi ngửi, hai chân nó đập đập vào chân tôi, ngoáy đuôi mừng mừng.

Nhà tôi chẳng nói chẳng rằng, một tay cầm cái xích, một tay nắm gáy lôi tuột nó ra, xích nghiêng lại. Con chó giật mình, hoảng quá, nó chồm lên và càng cố lẩn vào chân tôi, trốn tránh, giãy giụa, kêu ăng ăng.

Ông cụ bếp vui tính thấy thế cứ nhe bộ lợi ra cười kha kha, còn nhà tôi thì hai mắt cầu cạo, môi mím chặt, lôi xềnh xệch con chó ra một cách phũ phàng. Nhà tôi buộc nó vào gốc mít gần đấy. Con chó lẩn lộn trong cái xích căng thẳng, cái xích vít cổ nó lại, nó cố nhaoi về phía tôi mà không được, nó tru lên từng hồi. Trong ánh lửa cháy bập bùng ở bếp hắt ra, tôi thấy mắt nó có hai đốm lửa nhỏ tí. Hai đốm lửa ấy nhìn vào tôi oán trách, cầu khẩn, lúc lại thấy như thù hằn, giận

## Vợ nhặt

dữ. Tôi cúi mặt xuống, không dám nhìn vào con chó ấy nữa. Khốn nạn thân nó, bây giờ chắc nó biết chủ nó bỏ nó. “Thôi, để chuyện này chạy giặc về, tao sẽ nuôi mày, tao không dám phụ mày, tao không thịt mày nữa đâu”...

Nhà tôi đã thu xếp quang gánh, đồ đạc xong. Đứa con gái nhỏ của chúng tôi ngồi gọn bên một thúng, xung quanh nó vây chần, tã cho ấm, phía trên che một cái chiếu cuộn khum khum như cái mái lều. Một bên là nồi niêu bát đĩa, tương muối và các thức cần dùng khác. Bấy giờ nhà tôi mới cầm một bọc gạo vừa mới san ở trong bị ra, đi đến trước mặt cụ bếp Móm:

- Thôi, chúng cháu đi đây...

Nước mắt nhà tôi bỗng giàn ra, nhà tôi đứng im trước mặt cụ bếp, nghẹn ngào không nói được. Tiếng con chó vẫn kêu ăng ẳng và, tiếng cái xích cằng ra xoắn vào thân cây mít lục cục.

- Cháu... gửi lại cụ một ít gạo đây, nhờ cụ trông nom nó giúp cháu... Sau này thiếu đủ như thế nào, về cháu sẽ xin thừa lại với cụ...

- Được! Được! Chỗ tôi với hai bác ấy mà.

Ông cụ bếp cười, xoa xoa tay, gạt đi.

Nhà tôi khẽ chào ông cụ, bước vội về phía quang gánh. Tôi cũng đứng dậy khoác ba lô, ôm bọc chần màn chào cụ bếp, bước theo nhà tôi. Từng chập sừng máy nổ rền ngoài đêm tối. Và, đám lửa đốt làng, đốt phố ở mé Cao Thượng càng khuya nom càng rừng rực ngất trời. Bao giờ cho giặc rút? Bao giờ cho vợ con tôi được sống yên ổn dưới một mái nhà? Tôi thêm một cái mái nhà...

“Ắng!... Ắng! Ắng!...” - tiếng con chó lông lộn, cuống quýt đằng sau bước chân tôi. Nó như gọi tôi, nó như kêu cứu, như than khóc, oán trách. Tôi lảng lảng bước qua chỗ vợ chồng Nhược Dự đang đứng. Rõ ràng anh ta biết tôi đi nhưng lại lơ đi như không nhìn thấy.

Ra khỏi ngõ, tôi thoảng nghe tiếng chị vợ cả nói với chồng:

- Vợ chồng nhà ấy họ đi đấy à? Đây, họ bỏ lại con chó cậu ạ.

Và tiếng anh chồng dấm dản:

- Đến người cũng chả chắc giữ được nữa là con chó!...

Tôi xóc lại cái quai ba lô, bước theo hút cái bóng nhà tôi đang đi xăm xăm xuống đồi.

Đêm “thu đông” lạnh buốt. Rải rác trong những bụi sim, mua rậm, bóng những người chạy giặc nằm ngả ngốn, chụm đầu vào nhau nói chuyện rì rầm. Trâu bò hàng đàn sồn sột gặm cỏ thẫm trong tối. Tiếng con chó tịt trong nhà cụp bếp Móm đưa ra vẫn nghe rõ mồn một: “ Ắng!... Ắng! Ắng!...”. Tiếng con chó da diết, nhọn hoắt xói vào ruột gan tôi. “Thôi để chuyện này về tao nuôi. Tao sẽ nuôi mày, tao không bỏ mày đâu...”.

Tôi nhủ thầm với tôi một lần nữa như vậy.

\*

\* \*

Hai tháng sau tôi về. Giặc rút lâu rồi. Cuộc tấn công rầm rộ của chúng nó ngày ấy ai ngờ lại là cuộc đánh tháo cho đám quân mắc nghẽn ở giữa rừng già

## Vợ nhặt

trong thị xã Bắc Cạn. Chúng nó tràn lên đầu trong vòng chỉ có nửa tháng thì rút hết. Vợ con tôi cũng đã dọn về nhà cả rồi.

Đọc đường từ cơ quan về thăm gia đình hôm ấy tôi rất vui. Bao nhiêu nỗi vui dồn đến, chen chúc ròn rảng trong ý nghĩ. Mấy tháng ở cơ quan, ngày lại ngày trông ra chỉ thấy cây già và núi thẳm bùng bít xung quanh, bây giờ về xuôi, tôi lại được thấy trời rộng, sông dài và những cánh đồng bát ngát. Tôi lại thấy những bến sông, quán chợ, mái đình, những bóng dáng thân thuộc của miền xuôi. Tôi lại sắp được gặp vợ, gặp con tôi.

Mỗi bước chân, bao nhiêu vui sướng. Nhưng mà tôi đã quên mất con chó khốn khổ ấy. Nhà tôi thấy tôi về mừng quá cũng không kịp nhắc đến nó. Sau một trận giặc đánh lên, cái sống cái chết kề bên, bây giờ mới được đoàn tụ, ai mà còn kịp nghĩ đến một con chó xấu xí!

Một hôm tôi chợt thấy cặp kính trắng lấp loáng của Đặng cùn từ đầu ngõ đi vào, bấy giờ tôi mới giật mình, sực nhớ đến con chó. Tôi quay lại hỏi nhà tôi:

- À, mình này! Con chó nhà ta đâu nhỉ? Mình chưa vào trong cộ bếp bắt nó về à?

Nhà tôi đứng ngẩn ra một lúc. Có lẽ nhà tôi cũng không ngờ rằng tôi đã về bằng ấy ngày giờ rồi vẫn không nói chuyện con chó ấy với tôi.

- Nó chết rồi!... - Nhà tôi nói khe khẽ.

- Chết rồi? Làm sao mà chết được?...

Tôi trở mặt lên hỏi lại. Nhà tôi cúi mặt xuống, thở dài:

- Nó chết thương lắm cơ mình ạ. Không phải nó chết trong cụ bếp Móm đâu. Nó về nhà ta nó chết đấy.

Nhà tôi ngừng lại, cắn môi, chớp chớp hai mắt nhìn ra ngoài sân. Lát sau, nhà tôi đứng dậy mời Đặng vào trong nhà, rót nước mời anh rồi mới tiếp tục câu chuyện.

Chao ôi! Con chó xấu xí ấy của tôi! Con chó từ lúc mua, đến lúc chết không được một lần vuốt ve! Nó đã chết một cách thảm thương và trung hậu quá. Từ hôm vợ chồng tôi gửi lại nó cho ông cụ bếp Móm, con chó không chịu ăn uống gì. Nó chỉ kêu. Nó kêu suốt ngày, suốt đêm. Một đêm, ông cụ bếp không thấy con chó kêu nữa, thì ra nó đã sống xích đi đâu mất rồi.

Hôm nghe tin giặc rút, ở trong khe đồn Khau Vất dọn về, nhà tôi tạt vào nhà cụ bếp Móm định đem con chó về nhân thể, nhưng vào đến nơi thì nó không còn đấy nữa. Lúc ấy nhà tôi cũng yên trí là con chó mất rồi. Chắc chắn nó sẽ lạc vào một trại áp nào đấy và người ta làm thịt nó.

Nhưng khi nhà tôi về đến nhà, bà con xóm giềng vừa chạy sang lão quáo thăm hỏi thì ở ngoài vườn sau, có mấy tiếng chó hú lên thảm thương và ghê rợn.

Từ sau bụi dừa rậm rạp, con chó khốn khổ ấy lão đảo đi ra. Người nó run lên bần bật. Nó gầy quá, chỉ còn một dúm xương da xộc xệch, rụng hết lông. Nó đói quá, đi không vững nữa. Nó đi ngã rụi bên này, rụi bên kia. Rồi nó không còn đủ sức mà đi nữa. Nó nằm bệt trên đất, rúm người lại, lết lết lê dần về phía nhà tôi.

Lúc ấy cả người nó chỉ còn có cái đuôi là còn ngó ngoáy được để mừng chủ và cái lưỡi liếm liếm vào tay

## Vợ nhặt

chủ. Khốn nạn con chó! Được gặp chủ nó mừng quá. Từ trong hai con mắt đờ đẫn của nó có mấy giọt nước chảy ra. Lát sau thì nó không liếm được nữa, cái đuôi ngoáy yếu dần, yếu dần rồi im hẳn. Nó chết.

Tôi tối sầm mặt lại, vừa thương xót con chó, vừa thấy xấu hổ. Quả thật tôi chỉ là một thằng tồi. Một thằng ích kỷ. Tôi chỉ nghĩ đến mình và vợ con mình. Đến như con chó mình nuôi, mình đối xử với nó có được như cái tình nghĩa của nó đối xử với mình đâu?

Đặng vẫn ngồi im. Từ lúc đến đến lúc nghe xong câu chuyện, Đặng vẫn ngồi im. Hình như câu chuyện con chó ấy của nhà tôi kể làm anh có điều gì áy náy, nghĩ ngợi.

- Này, lâu nay cậu có được tin gì về vợ chồng Nhược Dự không?

Lúc lâu sau, Đặng chợt ngẩng lên nhìn tôi hỏi. Cặp môi mỏng dính của anh kéo xệch một bên lên thành một nụ cười. Anh tự trả lời câu anh vừa hỏi:

- Nó dính tê rồi! Nghe nói vào trong ấy nó viết báo, viết truyện chửi kháng chiến, chửi bọn mình đều lắm.

Cả hai chúng tôi cùng im lặng. Cái im lặng trang nghiêm ghê lạnh, thật khó chịu.

## BỐ CON ÔNG GÁC MÁY BAY TRÊN NÚI CÔI KÊ

### I

**H**ai bố con ngồi như hai con cóc trong cái hốc đá ngoài đầu núi. Tảng đá nhô ra và toác làm đôi, đen mốc, xù xì như đầu một con trăn khổng lồ đang há miệng, nhe răng đuổi đớp một con mồi.

Bố con ông Tư Mừng ngồi ở trong cái “miệng con trăn” ấy.

Trên nền đất ẩm ướt, đỏ sậm màu gan gà, thằng con cầm một thanh củi nhỏ hí hoáy đào xới những cái hố con bằng miệng chén. Không biết thằng bé đào giếng hay đào hố tránh máy bay? Mỗi lần đào xong một cái, thằng bé lại hút mũi đánh sụt, giơ tay xóa đi, đào cái khác. Nom nó giống như con chó con đang bới đất.

Ông bố thì vẫn im lặng như khúc gỗ trên chiếc chõng tre kê sát vách đá. Ông ngồi xõm, hai tay khoanh lại ôm lấy gối, cái đầu gù xuống, tì cằm lên cánh tay. Ông ngồi như vậy rất lâu, không động cựa, không nhúc nhích. Cái thân hình to lớn của ông cố thu bé lại. Ông ngồi như một con thú rình mồi, hai con mắt trong suốt, căng ra mở trừng trừng nhìn về phía trước.

## Vợ nhặt

Độ này, mỗi chiều, cứ vào khoảng bằng giờ cho đến khi tắt nắng ông Tư Mừng lại có cái dáng ngồi kỳ dị như vậy. Đây là ông Tư đang ngồi gác máy bay. Tất cả tâm trí ông lúc ấy dồn lên mảnh trời xanh thăm thẳm trước mặt mà lục lạo, nghe ngóng. Mảnh trời màu xanh lơ, thăm thẳm, im lìm, căng ra trên cái thị xã đổ nát, hoang vắng dưới kia một mối đe dọa ghê gớm. Và tưởng chừng lúc nào cũng nghe có thoảng gọn lên những tiếng gầm ghì quái gở.

- Bố!...

Thằng con khe khẽ gọi. Nó gọi như thể muốn dò la ý tứ. Ông bố vẫn ngồi im trong bóng tối. Mặt ông ướt đầm mồ hôi.

Mùa thu, về chiều nắng càng chói rực mãi lên, và nóng hầm hập như châm lửa.

- Bố ơi!

Thằng bé cau mặt lại, khẽ gất lên. Nó đưa bàn tay bám đầy đất xóa phăng cái hố mới đào xong, đứng dậy. Ông bố vẫn không chú ý gì đến thằng bé. Cả người ông hình như còn đang chìm ngập trong những ý nghĩ gì không rõ.

- Con về đây. Con chả ở đây nữa. Bố cứ nhìn đi đâu ấy!

Ông bố giật mình quay lại.

- Về thế nào được bây giờ con? Thôi, con lấy các thứ ra mà chơi.

- Con vứt cả đi rồi! Máy con chim bằng đất ấy con chả thích.

Thằng con vùng vằng ngoảnh mặt đi. Ông bố nắm lấy tay con kéo lại, giọng ông càng ngọt ngào:

- Sao lại vứt đi hả con? Thôi để bố nặn mấy con khác. Bố nặn cho con con gà mái rõ thật đẹp nhá, cả đàn gà con bé tí tẹo nữa.

Thằng bé không bắt nhời. Hai mắt nó vẫn đắm đắm nhìn xuống phố.

- Bố đừng nặn nữa. Con chả thích gà đất đâu. Con chỉ thích xuống phố thôi. Ở dưới ấy mới có nhiều đứa chơi chứ.

Ông bố nín lặng. Cổ ông đau nghẹn lại, ông cũng chẳng biết trả lời thằng con như thế nào. Lát sau, ông khẽ đằng hắng một tiếng, nói với con bằng một giọng nho nhỏ, vừa dịu dàng vừa như là năn nỉ:

- Xuống làm sao được con! Tý này, bố bảo... xuống bây giờ nhỡ máy bay nó ập đến thì làm thế nào?...

Thằng bé phụng phịu đứng im. Cánh mũi đỏ lên, phập phồng. Ông bố vội ôm lấy thằng con, áp má mình vào má nó. Ông đưa cái bàn tay to sù, nức nẻ của ông lên vuốt tóc, vuốt lưng nó.

- Con ạ, mấy li bố con mình phải gác máy bay chứ. Xuống phố bây giờ người ta cũng chả nghe, người ta lại bắt lên như độ trước ấy.

Từng trận gió rộ lên, ào ào chạy quanh núi rồi mất hút vào mấy cái thung lũng trước mặt.

Dưới kia, cái thị xã như thu nhỏ lại và đang nép mình chìm ngạt trong sự vắng lặng, ghê rợn. Không một bóng người trên lối đi, không một vệt khói trên những mái nhà xám ngắt. Bốn bề chỉ có dây leo và cỏ rậm tràn ngập, trùm lớp lên những đồng gạch ngói nát vụn, lên những thân cây mục đổ.

## Vợ nhặt

Mãi xa, bên cạnh mấy cái xác ô tô han gỉ nằm rúm ró trong cỏ gần bãi chợ, còn sót lại mấy mảnh tường quét vôi trắng xóa, nắng chiều xói vào soi rõ từng chữ khẩu hiệu, và những bức tranh cổ động tòng quân, tăng gia sản xuất, v.v... vẽ những hình người bằng thuốc màu xanh đỏ.

Trên mảnh đất hoang tàn, ảm đạm như chết ấy, không chỗ nào không thấy hố bom. Những hố bom khoét sâu xuống đến tận đất đen, lóc đất ra từng vũng, đốt cháy lụi hàng dãy dòi. Những hố bom như những vết thương đâm trên da thịt con người!

Ngồi gác máy bay với đứa con trong hốc đá ngoài đầu núi này, ông Tư Mừng là người chứng kiến từng trận ném bom. Ông nhớ từng ngày, từng tháng, từng quả bom rơi xuống.

Những cảnh chết chóc, tan hoang bỗng lại như bày ra trước mắt ông. Những cảnh máy bay giặc gầm rít bắn phá, bỏ bom. Những đám nhà cháy, lửa khói rần rạt. Những tiếng tre nứa nổ loạn xạ. Những tiếng đàn bà, trẻ con kêu khóc, chửi bới thất thanh. Ông Tư Mừng tối sầm cả tâm trí, ông không muốn nghĩ, không dám nghĩ nữa. Nhưng tiếng đàn bà trẻ con kêu khóc vẫn nghe xao xáo bên tai.

- Bố ơi! - Thằng bé lại rụt rè nói. - Thế tí nữa bố nặn cho con con gà mái vậy nhớ.

- Ừ.

Nét mặt ông bố càng dờ dãi ngây dại như người mất hồn. Thằng bé suyt mũi ngồi xuống, lại cầm lấy thanh củi gầy hí hoáy đào đào, khoét khoét.

... Nắng nhạt dần. Bóng những thân cây vạch xuống mặt cỏ sáng những vệt đen dài chênh chếch. Trời xanh biếc. Một đàn cò soải cánh bay miết về những cánh rừng xa tít. Đã thấy có những vệt sương mỏng thoáng như những vệt khói nhạt lững lờ trên mấy cái chòm xóm trước mặt.

- Chưa kẻo ư, ông Tư ơi!

Có tiếng người nào đó dưới núi thoảng gọi lên. Ông Tư Mừng vẫn ngồi im, nhưng gân cốt trong người ông bỗng dãn ra, nhẹ nhõm, thoải mái. "Hà... yên rồi!". Ông Tư Mừng reo thầm lên như vậy. Bấy giờ ông mới thấy nhạt mồm nhạt miệng, thềm hút một điếu thuốc lão rõ thật say. Ông nhón người với cái điếu cày vẫn dựa vào vách đá, nhồi thuốc, bật lửa, móp ngực rít một hơi giòn tanh tách. Hơi thuốc ngấm vào phủ tạng, tê rần rật, ông ngửa cổ thở một hơi dài. Khói từ mồm, từ mũi tuôn ra mù mịt. Ông thở dốc luôn mấy hơi nữa, bao nhiêu nổi nhọc mệt, lo âu trong ngày bỗng nhiên theo khói thuốc mà trút ra hết. Ông hôn hờ vớ lấy cái dùi sắt bằng chiếc đinh "bù loong" lom khom chui ra ngoài.

Ông leo lên một mô đất cao, đứng nghênh tai củ soát bốn phía chân trời thật chắc chắn một lượt nữa rồi mới quay lại vung tay nện mạnh chiếc dùi sắt vào mảnh bom vỡ vẫn treo lủng lẳng trước hốc đá.

Những tiếng kẻo thỉnh linh dội lên, lừa vào cái im vắng mênh mông như chết ấy những tiếng oai nghiêm đông dặc như những tiếng hiệu lệnh, những tiếng kêu gọi. Núi đồi, trại ấp, đường phố, sông ngòi bỗng nghe

## Vợ nhặt

rùng rùng, động cựa và dậy lên những tiếng “à à” như tiếng đàn ong vỡ tổ.

Mỗi chiều, khi tiếng keng báo yên của ông Tư Mừng trên núi Côi Kê vừa cất lên, thì mặt đất bỗng như có phép lạ, thay đổi rất mau và bồng bồng nhộn nhịp. Các ngọn núi xung quanh cũng nghe rộn rã những tiếng keng dây chuyền. Bụi đường cuốn lên từng đám đỏ lừ, và những tiếng “à à” kỳ lạ ấy cũng tràn đến mỗi lúc một gần, rồi vỡ ra ở các đầu tỉnh.

Trong bóng chiều chạng vạng, hàng chục chiếc xe đạp kính coong ào ào lao vào phố. Rồi xe ngựa, xe thô, rồi gồng gồng gánh gánh từng đoàn nối nhau, chen chúc, xô đẩy nhau âm âm kéo vào như nước chảy.

Măng, chè, nẫu vồ... từ Bắc Cạn, Tuyên Quang, Phú Thọ rầm rập đổ về. Gà lợn, ngô khoai, than củi từ Võ Nhai, Bắc Sơn kịt đũa sang. Muối, vải, cá khô, nước mắm, dầu hỏa, thuốc Lào từ Bắc Ninh, Bắc Giang, Sơn Tây, Vĩnh Phúc nườm nượp chuyển lên.

Tất cả. Tất cả chen nhau, xô đẩy nhau mà đi. Tiếng cười nói gọi thưa tru tréo vang dậy lên. Giống như mỗi buổi bình minh của con người, cái thị xã Thái Nguyên kháng chiến này trước lúc sập tối xuống, mới bắt đầu cuộc sống.

Khắp nơi, khắp ngả đâu đâu cũng nghe náo động tiếng người. Thuyền bè tới tấp qua lại trên sông, hàng họ từ trên bờ chuyển xuống, từ dưới thuyền chuyển lên rầm rập. Khói bếp bay nghi ngút trên các mái nhà. Tiếng dao thớt khua kị cốp trong các hàng quán. Cuộc sống đã tràn lên trên những cảnh hoang chết của ban ngày.

Mỗi buổi chiều tà, đánh một hồi ba tiếng keng báo yên cho dân phố xong, bao giờ ông Tư Mừng cũng thấy trong người nhẹ nhõm, dễ chịu, tựa hồ như vừa cất được tảng đá vắn đè trĩu lên ngực, và đột nhiên ông có một cái yên tâm kỳ lạ là từ giờ phút này sẽ không có máy bay nữa, không bao giờ có máy bay nữa.

Từ phút ấy ông mới thấy mình thật sống, mình thật là mình, yên ổn thoải mái. Một nỗi vui, phấn chấn tràn vào, đầy ngập trong người. Cứ thế ông đứng lặng trong bóng chiều, chìm đắm trong những tiếng xao động từ mặt đất bay lên, quán quýt bao quanh lấy ông, tận hưởng cái giờ phút êm đềm nhất của một ngày ngồi gác máy bay ấy.

Thằng cu Tý đã tốt ra khỏi cái hốc đá từ lúc ông bố đánh tiếng keng đầu tiên rồi. Nó hò hét, chạy nhảy, luồn lách trong các bụi cỏ, các bụi sim rậm rạp như con ghé hoa sống chuồng, cuồng cẳng lông tể trên cánh đồng. Nó đuổi dế, bắt chuồn chuồn, châu chấu.

Nó đương cầm đầu cầm cổ đuổi bắt một con châu chấu voi to tướng. Con châu chấu bay truyền từ bụi này sang bụi khác. Mỗi trận vồ trượt, cu cậu lại ngẩn mặt ra, quệt ngang mũi đánh xoẹt một cái, thô lỗ hai con mắt như hai cái hột nhãn lão liên sục sạo vào các bụi tìm kiếm.

- Về thôi, Tý ơi!

Thằng cu Tý vẫn hăm hở đuổi theo con châu chấu. Ông Tư nhìn con, hai mắt nheo lại nhỏ tí, lấp lánh và cái miệng dày, rộng của ông thì toét ra hồ hởi giữa hàm râu lởm chồm. Thằng cu Tý đã bắt được con châu chấu, nó chạy rất nhanh lại với bố:

## Vợ nhặt

- Bố ơi, con châu chấu voi to không này?

Mặt thằng bé đỏ bừng và tươi roi rói như bông hoa. Nó vừa chạy vừa giơ một tay lên khoe. Con châu chấu xanh như cái lá tre, đang giương cẳng đập phanh phách giữa hai ngón tay nhỏ xíu của thằng bé:

- Á nó đập! Á nó đập!

Thằng bé kêu toáng lên, cười khanh khách.

- Về thôi con ạ. Về cho u mày còn xuống chợ chẳng muộn.

Ông Tư Mừng cầm tay thằng con dắt đi. Thằng bé vẫn nói líu tíu:

- Nó đập khỏe quá bố ạ. Con bắt cho cái Hiền với thằng Chương đấy. Này ở dưới phố không có châu chấu voi đâu nhà.

Hai bố con ông Tư Mừng vừa bước chân vào đến sân thì lũ gà, lũ ngan đã từ các xó xỉnh, khe ngách ùa cả ra. Chúng nó vây lấy bố con ông Tư và cứ thế đều đều theo sau, con “coóc coóc”, con “kéc kéc” rầm rĩ cả lên y như lũ trẻ háu ăn thấy mẹ về chợ vùi quà.

Bà Tư đương sắp sửa quang gánh ngoài thêm, thấy vậy nhăn mặt lại mà kêu:

- Cứ thế!... Cứ thế rồi đến bữa nó nháy cả lên đầu cho ấy mới sướng.

Ông Tư Mừng chỉ nhăn răng ra cười. Ở trên cái chốn cheo leo giữa núi rừng này, xóm giềng chả có, gà què cũng sinh ra bạo dạn, thân quen với người, mà người thì cũng chỉ có gà què, cây cối tăng gia làm bầu bạn. Suốt ngày ngồi gác máy bay ngoài đầu núi, chiều

về, ông Tư Mừng chỉ quán quýt với lũ gà, lũ chim, với luống khoai, luống đỗ.

Ông lăm bắm chửi yêu chúng nó một câu rồi xăm xăm đi vào bếp xúc bát cơm nguội đầy vung ra giữa sân. Đàn gà xúm đầy ngay lại, chen chúc, tranh cướp nhau ăn. Con đỏ, con nâu, con vàng, con trắng nom loạn cả mắt. Có con vớ được một cục cháy to quá chưa kịp nuốt, cứ thế cấp ngang mồm chạy quanh chạy quéo dưới gốc chuối, gốc na sợ con khác cướp mất.

Mấy chú bồ câu nhút nhát thì mất trước mất sau nhặt nhanh những hột vương vãi mãi ngoài xa, thấp thỏm chỉ chực giạt mình bay lên chuồng. Vợ chồng lão ngan già lại gan liên tướng quân, cứ “khà khà” giương cái mào đỏ sảo lên lẫn vào giữa đám gà mà đánh nhau, mà tranh cướp.

Ông Tư Mừng mê mẩn cả người với lũ gà què âm sâm vui vẻ ấy. Trong một lúc hình như ông quên cả mọi sự. Quên cả bom đạn, quên cả những cảnh tàn phá, chết chóc vẫn diễn ra hàng ngày. Trước mắt ông lúc này chỉ có lũ gà, chim hay ăn chóng lớn và cái cảnh đầm ấm của gia đình.

Bà Tư đã gánh gánh chuối vườn nhà xuống chợ từ lúc nào ông cũng không biết nữa. Ông và thằng cu Tý, hai bố con vẫn ngồi xõm trên thềm mà đàn mặt ra mà ngắm gà, ngắm chim. Lúc ông mồm mím cười một mình, lúc ông lại quạu quọ mắng mỗ gì chúng nó.

Buổi chiều hôm ấy, bố con ông Tư Mừng ngồi ngắm gà ăn cho đến xăm tối mới quay vào dọn cơm.

## II

Giữa những tiếng gà xao xác lên chuồng, những tiếng gà gọi bóng đêm xuống, ông Tư Mừng ngồi ngật ngưỡng bên cút rượu trên chiếc chiếu trải ngoài đầu hè với thằng cu Tý châu hầu bên cạnh.

Mỗi bận đưa chén rượu lên môi, ông Tư Mừng lại xắn một miếng đậu, đưa qua mâm, bón cho thằng con. Cái miệng nhỏ bằng đồng hén của nó lại dẩu ra đón lấy như mỏ con chim con đón mồi. Bấy giờ ông mới gấp vào bát cho mình. Hai mắt ông gà gà, tằm tằm, ông nghiền ngấm miếng ăn trong miệng. “Mẹ bố nó, đàn gà lớn như thối ấy, hầy!”. Ông Tư đưa chén lên nhấp một hụm tiếp tục ngấm ngấm.

Tối nào bố con ông Tư Mừng cũng ngồi uống “rượu” với nhau như vậy. Sự ấy đã thành lệ. Bao giờ trước khi xuống chợ, bà Tư cũng để phần cho hai bố con mâm cơm và cút rượu thơm tất. Mùa nực cũng như mùa rét, bao giờ ông Tư Mừng cũng ngồi uống rượu ở đây. Ông thấy nó thoáng đang dễ chịu, có thể nhìn bao quát bốn phía xung quanh. “Chậc! Nó cũng là cái quen cả”.

Ông Tư khẽ đặt chén xuống mâm. Tiếng ồn ào mua bán dưới chợ vẫn đưa lên không ngớt. Một ngày đang tàn đi. Mấy vệt ánh sáng còn sót lại trên răng núi trước mặt đã tắt ngấm tự lúc nào. Bóng đêm như

người khoác cái áo choàng đen rộng lạng lẽ, êm ả đi trên các thung lũng.

“Lạ thật!” Ngồi uống rượu với thằng con bé trong bóng chiều đỏ xuống trên đỉnh ngọn núi này, ông Tư Mừng thấy ra nhiều điều mới lạ trong trời đất. Có những hôm trời tây đỏ rắng, từng ngọn cỏ trên mặt đất cũng soi óng lên cái ánh sáng cháy đỏ của rắng trời, thế mà vừa cúi đầu uống xong hớp rượu ngẩng lên, ông đã thấy trời đất bầm tối cả lại rồi. Ngắm ra trời đất đổi thay, chuyển biến cũng giống như đời một con người, có lúc vui, lúc buồn, lúc sướng, lúc khổ.

Bao giờ uống rượu ông Tư Mừng cũng hay nghĩ ngợi vẩn vơ như thế. Có lúc uống vào ông rất vui. Đã vui lại càng vui mãi lên. Nỗi vui không biết từ đâu kéo đến chen chúc, ồn ào ở trong bụng. Nhưng cũng có lúc đang vui ông lại chợt buồn, một nỗi buồn thấm thía xâm chiếm cả cõi lòng. Càng uống càng buồn, bùi ngùi, hắt hiu thương nhớ... Có lúc vừa vui vui, lại vừa buồn buồn; vui buồn pha trộn trong hơi rượu chẳng hiểu ra sao. Cái nghề uống rượu vẫn thế, người ta không kìm giữ được lòng mình, chợt vui, chợt buồn không định trước được.

Buổi chiều hôm nay thì ông Tư Mừng rất vui. Trong người ông thênh thang thoải mái. Ông có cái tự hào của một người làm trọn vẹn công việc mình trong một ngày. Và sau một ngày căng thẳng, nơm nớp, bây giờ ông ngồi tận hưởng sự khoái lạc của thanh nhàn. Hơi rượu tàng tàng ngấm vào da thịt ngấm nga mãi trong ý nghĩ không thôi, đã vui, ông lại càng thấy vui rộn mãi lên, “hay đáo để”.

- Này, bố bảo!...

## Vợ nhặt

Ông Tư lim dim nhìn thẳng con, mồm mím cười:

- Con không biết chứ, nhà ta ở trên này sướng bằng ông tiên đấy nhỡ. Một mình một quả núi. Nào, đã thấy sướng chưa? Núi đấy, đất đấy, mặc sức mà giống giọt. Lại còn gà, còn lợn, còn chim... Hà, tôi tính rằng hai dây lều hàng xáo dưới chợ kia thì có nuôi đến hàng trăm con chim bồ câu cũng không nhặt hết hạt rơi hạt vãi!

Ông Tư Mừng nghiêng chai rót đầy một chén rượu, nhấp một hợp, “khờ” một tiếng, gật gù ngẫm nghĩ:

- Thế nào cũng phải chuyển mấy cái chuồng gà, chuồng chim vào dưới bụi nửa ngõ ấy. Đấy! Chỗ có hai cái tảng đá bằng hai cái đồng rạ ấy thì cho mày bán đến cả ngày ông cũng không coi là mùi mề gì.

Ông Tư thích chí với cái mưu mẹo mới ấy của mình quá, ông tộp luôn một ngụm rượu nữa, gấp một miếng đậu, không phải để cho mình nhắm mà lại bón cho thằng cu Tý.

- Còn đôi lợn bột mới mua phiên trước nữa. Đôi lợn lang hồng chũn chĩn cứ như lợn trong tranh ấy. Lợn bồ cu, chân rện đấy, con nom có sướng mắt không? Bố phải đào cho nó một cái hầm con ạ.

- Đào hầm làm gì bố?

Thằng bé nghênh mặt lên, không hiểu.

- Ấy, cũng phải đào hầm tránh máy bay cho nó chứ. Bố đã tính kỹ rồi, nuôi cái giống súc vật này cũng phải chăm lo bảo vệ tính mạng cho nó như cho người mới được. Phải đào cho nó cái hầm! Bố sẽ đào từ chuồng thông ra ngoài núi. Cái giống súc vật thế mà khôn ra phết đấy, đừng tưởng. Cứ xem như con Mực thì biết,

keng keng báo động một cái là y như rằng đã thấy nó chạy ra ngoài hốc núi với bố con mình rồi...

Thằng cu Tý xem chừng chẳng thú vị gì cái câu chuyện gà lợn vớ vẩn ấy, nó vẫn loay hoay với con châu chấu voi của nó. Con châu chấu có hai cái cẳng đập phanh phách, phanh phách... Ông bố chợt trông thấy vậy, ông đặt vội chén rượu vừa định đưa lên miệng xuống, kêu lên:

- Ấy, để cho bố lấy chỉ buộc cho.

Ông vùng đứng dậy, vội chạy vào trong nhà đốt đèn và mang ra một sợi chỉ. Ông vặn cẳng vút đi rồi nằm phục xuống bên ngọn đèn cặm cùi thông lọng sợi chỉ vào cổ con châu chấu. Rượu vào, hai mắt nhòa nhòa nhòa nhòa chả thấy gì. "Mẹ nó, già rồi...". Ông Tư loay hoay mãi mới buộc xong con châu chấu đưa cho con. Thằng cu Tý cầm sợi chỉ trên tay, thả con châu chấu xuống vành mâm, vắt vắt, diết diết như đi cày. Con châu chấu có cái đầu to kèch ngoe nguẩy hai cái râu lừ lừ bò lên chiếc đĩa cả. Ông bố nhìn con toét miệng cười, rung đùi:

- Thích không con? Phải buộc thế mới không bay được chứ.

Ông lại tiếp tục câu chuyện bỏ dở khi nãy:

- Thế cho nên mình cần phải đào một cái hầm cho chúng nó con ạ. Nói đại nó có bắn cháy chuồng, lợn mình vẫn còn kia mà... À, con có lấy lợn không? Bố cho con tất ráo cả đấy. Bố cho con cả gà, cả chim nữa. Hai con lợn ấy nhà mình vỗ cho từ giờ đến tết thì phải đấy ạ. Tha hồ mà sấm. Bố sẽ may cho con một bộ quần áo phin gụ này. Một đôi dép cao su đỏ này. Một cái áo nịt xanh nữa này.

## Vợ nhất

- Bố phải mua khăn quàng, mua mũ, mua cả sách, cả mực cho con đi học nữa chứ!

- Ừ thì bố mua cho con cả khăn quàng, cả mũ, cả bút mực cho con đi học. Bố mua tất ráo cả!

Ông Tư Mừng bỗng sướng rơn lên. Nói xong được bấy nhiêu thứ mua sắm cho con, ông thích quá, cứ tưởng đâu như đã mua sắm “tất ráo cả” cho nó rồi. Ông thấy thằng cu Tý nhà ông bảnh quá. Nó mặc bộ quần áo phin gụ, hai ống tay lại xắn lên cẩn thận, đầu nó đội cái mũ cát ka ki xám, cổ quàng khăn len màu xanh lá cây, nó cặp cái cặp sách chạy lon ton xuống trường. “À, còn phải mua cái đèn chai cho nó đi học tối nữa chứ!”. Thế rồi, buổi trưa, hai bố con gác máy bay ngoài đầu núi, ông bố ngồi rung đùi hút thuốc lào, thằng con mở quyển sách ra, nghiêng đầu học: “A... Bê... Xê...”. Tiếng thằng bé cứ lạnh lạnh như tiếng chuông.

Ông Tư tợp một hụm rượu, mồm mỉm cười một mình. Ông nghiêng ngả sự vui thích đang ngấm ngấm dần sâu vào trong lòng. Bên ngoài, bóng đêm đã trùm lên mọi vật tự lúc nào. Con sông Cầu uốn quanh thị xã không còn nhìn thấy nữa. Bốn bề sương trắng mù mịt. Tiếng ồn ào dưới chợ đưa lên nghe lúc gần, lúc xa như tiếng suối chảy. Giữa khoảng đêm tối mịt mùng ấy có hàng trăm, hàng nghìn ngọn đèn, đuốc tụ lại, tản ra quăng mau, quăng thưa, ngồi uống rượu trên này chợt nhìn ra lắm lúc cứ tưởng như một mảng trời vừa sa xuống.

“A... Bê... Xê...”. Thằng bé rồi khá! Hai con mắt nó đen như hai cái hạt nhãn thế kia, nó học phải giỏi. Đời nó rồi hơn đời bố nó nhiều. Lớn lên rồi thế nào cu cậu

chả đi bộ đội, không thì cũng làm cán bộ đi công tác chính phủ. Khoác ba lô, túi dết, cái bút máy lúc nào cũng giắt kè kè trên túi. Mỗi bận về thăm bố lại mua cho bố vô khối là quà. “Bố không lấy đâu, anh hãy cứ lo cho anh ấy. Để dành tiền mà cưới vợ. Hà!...”.

- Thôi bố! Uống nhanh lên còn xuống phố chơi chứ!

- Ồ, thì đi đâu mà vội.

Ông bố chặc lưỡi nói:

- Xuống bây giờ dưới chợ họ thấy mặt bố con mình họ lại xua lên đấy. À thế con có lấy hai con lợn ấy không? Bố cho cả đấy. Thích nhé!

- Con không lấy!

Ông bố chưng hửng, ngay đó mặt ra không hiểu.

- Con chẳng thích lấy gì cả. Con chẳng thích ở trên này đâu! Cả ngày ở trên núi chán chán là. Sao nhà ta không xuống phố ở cho vui.

Ông bố nín lặng. Cái vui trong người ông như dòng nước đang chảy ồ ạt bị chặn đứng lại. Ông đưa mắt nhìn thằng con, ông không ngờ nó lại nói với ông những câu như thế. Đó là nỗi đau sâu kín nhất của ông, từ lâu ông không dám nói ra, cả đến nghĩ ông cũng không muốn nghĩ tới. Ai ngờ thằng bé lên bốn lên năm tuổi đầu mà cũng thêm chúng bạn, xóm giềng như người lớn!

Ông uống khà một hơi cạn chén rượu, nhả mặt, chớp chớp liến mấy cái, khẽ thở dài. Ông thủ thủ nói với con mà như thủ thủ nói với tâm sự mình:

- Ai còn muốn lên đỉnh cái núi hoang này mà sống làm gì con?... Quanh năm, suốt tháng lủi thủi một mình. Nắng đã vậy còn có lúc mưa...

## Vợ nhặt

Ông Tư đưa cặp mắt dò dục ngầu ngầu dò dẫm nhìn ra ngoài đêm tối. Giọng ông càng trở nên thâm thì, xa xôi:

- Nhưng mà con ạ, bố con ta có được miếng đất này mà sinh sống là phúc lắm rồi. Trước ngày đẻ con ra, bố mẹ lang thang, xiêu bạt bao nhiêu năm giờ không kiếm đâu ra được mảnh đất. Mình là con nhà nông, rời hòn đất ra là thấy ngay cái đói nghèo, cay cực rồi. Ở trên này kể cũng buồn thực đấy, nhưng mà... dẫu sao thì cũng còn mảnh đất mà sinh sống con ạ.

Thằng bé không hiểu bố nói những gì, nhìn mặt bố, nó biết bố buồn lắm. Nó ngồi im và cũng thấy buồn như bố. Hai con mắt đen sáng của nó tối lại, cái mặt chảy xuôi ra, buồn thiu thiu.

Hai bố con ngồi im rất lâu. Không biết là bao nhiêu lâu. Ông bố chợt như người bừng tỉnh cơn mê, hốt hoảng đứng lên. Hai con mắt dại ra, trắng dã. Một nét kinh hoàng chạy rất nhanh trên khuôn mặt rúm rỏ, tái mét của ông. Ông vừa nghe thoáng có tiếng máy bay trong hơi gió. Ông không dám tin ở hai cái tai tỉnh sáng của mình nữa. "Ban đêm nó cũng lên nữa ư?". Ông khẽ rên rỉ câu nói ấy trong ý nghĩ. "Từ trước đến giờ nó có lên đêm bao giờ đâu?...".

Thằng cu Tý nhìn bố, rụt rè hỏi:

- Bố ơi! Có máy bay đấy à?

Ông bố không trả lời. Ông đang còn giương tất cả tâm trí lên trên nền trời tối im lìm, thăm thẳm kia mà nghe ngóng. Cả người ông bỗng rón lạnh. "Thôi, đúng máy bay rồi!". Ông nói to ý nghĩ ấy lên.

- Thôi đúng máy bay rồi con ơi!...

Tiếng ông rên rĩ, đau đớn như tiếng người bị thương. “Ban đêm nó cũng lên! Sao nó lại lên ban đêm thế này nhỉ?”. Ông ôm choàng lấy thằng con, thổi tắt ngọn đèn, cầm đầu chạy ra ngoài núi. Tiếng thằng cu Tý bỗng kêu rầy lên:

- Còn con cháu cháu! Bố ơi! Còn con cháu cháu voi của con!

Ông Tư Mừng vẫn cầm đầu chạy như bay dưới những cây chè xanh tối. Dưới chợ tiếng mưa bán vẫn ào ào như tiếng thác đổ và đèn đuốc vẫn qua lại đan vào nhau sáng như sao sa.

Ông Tư ôm thằng con lom khom chui sâu vào trong hốc đá.

- Vào trong kia! Vào quá trong kia đi con!

Bóng tối bỗng giập mình, hốt hoảng, rối loạn giữa những tiếng keng, tiếng loa từ trên đỉnh núi phát ra:

- ... Đồng bào chú ý!... Đồng bào chú ý!...

Tiếng loa ồm ồm như tiếng một người khổng lồ đứng giữa nền trời tối mà gào xuống:

- Có máy bay phóng pháo! Có nhiều máy bay phóng pháo lên đấy!... Dưới phố ơi! Tắt đèn đi! Tắt đèn đi!...

Tiếng kêu khóc, chửi bới, quát tháo từ dưới chợ dội lên âm âm. Đèn đuốc chạy qua chạy lại rồi rít loạn xạ một lúc rồi tắt ngấm. Cả cái chợ đang ồn ào kẻ mua người bán ấy phút chốc chìm sâu vào đêm tối và một sự chờ đợi yên lặng kinh khủng trào lên.

Gió đêm thổi lạt sạt những ngọn cỏ sắc trong bóng tối, và có tiếng một đôi chim bồ câu gụ nhau ở trong chuồng. Bốn bề yên lặng.

## Vợ nhặt

Bấy giờ tận mãi chân trời mới nghe có tiếng âm ì thoảng gọn lên, thoảng lại mất đi.

Thằng cu Tý nói khe khẽ với bố:

- Có tiếng máy bay thật rồi bố ạ.

Ông Tư không nói gì, hai mắt mở trừng trừng nhìn lên khoảng trời xám ngấn ngắt trước mặt.

Con Mực đã chạy ra tự lúc nào. Nó quẩn lấy chân bố con ông Tư mà rít lên ư ử. Ông Tư sốt ruột, khẽ quát:

- Mực!

Con chó ngoan ngoãn nằm nép ngay xuống chân chủ.

Vừa lúc ấy có tiếng máy bay từ xa thình lình ập đến, òa ra trên đầu núi. Đất đá rung lên, cây cối chuyển động rào rào. Một chiếc, hai chiếc, rồi bốn chiếc nối nhau âm âm lao qua, lượn vòng quanh thị xã.

Từ kháng chiến, lần này là lần đầu có máy bay lên đêm. Lần đầu nghe tiếng động cơ gầm rít giữa nền trời tối, ông Tư Mừng tưởng như đây là tiếng những con quỷ dữ đang gầm rít, lồng lộn đòi gieo rắc tai họa, chết chóc xuống mọi người.

Chân tay ông bủn rủn, tê dại đi, ông ngồi lặng bên đứa con. Trong đêm mù mịt, có cái gì vừa bí mật, vừa kinh khủng của những tai biến bất thường đang vây lấy bố con ông.

Có thể chúng nó nhảy dù! Có thể chúng nó tấn công lên! Ông Tư Mừng khẽ thở hắt ra một hơi dài, rên rĩ. Ông ôm chặt lấy thằng con vào lòng, áp đầu nó vào ngực mình. Dần dần ông bình tĩnh lại. Ông bắt đầu chú ý sự hoạt động của bọn máy bay.

Trên nền trời xanh ngắt như chì, lẫn vào những ngôi sao nhỏ tí đang nhấp nháy, có những đốm sáng xanh đỏ lúc biến, lúc hiện, lúc đảo lên, lộn xuống nhanh vun vút. Ông Tư Mừng nhận ra đấy là những ngọn đèn giắt vào hai bên cánh máy bay. Những ngọn đèn ấy lồng lộn, nghiêng ghé dòm xuống những mái nhà lạng tở bên dưới như mắt những con thần nanh đỏ mỏ!

- Bố ơi! Tối thế này cũng có máy bay hở bố?

Tiếng thằng con chọt cất lên như mũi kim đâm vào tim ông bố. Tiếng nó thanh thanh, nhỏ nhỏ lẫn vào những tiếng gầm rú thống khoái của bọn máy bay. Ông bố nắm lấy tay thằng con, đứng dậy:

- Thôi, vào hầm mau lên con ơi!

Tiếng một chiếc máy bay đang từ trên tít thẳm cao rạch xé không khí đâm lao xuống.

- Cơ mà trong ấy tối, con sợ.

Ông Tư không kịp trả lời con, lom khom dắt nó lần về phía trong cùng hốc đá. Ở đây ông đã đào sẵn một cái hầm rất sâu, luôn dưới những tảng đá ngầm ăn thông mãi vào trong ruột núi.

- Khéo không vấp đấy... Thôi con ở đây nhá. Bố còn phải ra ngoài ấy xem thế nào.

Thằng bé ôm chặt lấy bố:

- Bố ơi! Con sợ lắm!...

Hai bố con ngồi im trong hầm tối, cả hai cùng yên lặng theo dõi tiếng máy bay lồng lộn bên ngoài. Thằng con bỗng cất tiếng hỏi khe khẽ:

- Bố ơi! Tối thế này u có chạy được không hở bố?

## Vợ nhất

Nước mắt ông Tư bỗng trào ra. Ông không ngờ thằng con ông lại biết hỏi ông như vậy. Ra nó cũng biết nghĩ đến mẹ. Ông đưa bàn tay xương xẩu của ông lên vuốt vuốt tóc con. Chao ôi! Thằng bé ngoan quá, bé bỏng quá... Nước mắt ông nối nhau chảy thấm trên mặt. Ông vỗ vỗ lên người nó, dỗ dành:

- Có chứ, u cũng chạy được vào hầm như bố con mình chứ. Bây giờ thì con chịu khó ngồi trong này nhá. Bố phải ra ngoài ấy chẳng nữa đêm hôm có Việt gian nó báo hiệu thì làm thế nào.

Thằng bé ngồi im. Ông biết con đã bằng lòng, ông cúi xuống sờ tìm manh chiếu vẫn trải trên mô đất, bảo con:

- Chiếu đây, con ngồi xuống đây cho đỡ mỏi nhá.

Thằng bé ngồi xuống.

- Cơ mà lúc về bố phải nhớ vào đón con đấy!

- Ừ, xong rồi bố phải vào đón chứ.

Ông bố lom khom lần trở ra. Tiếng động cơ từ ngoài âm âm dội vào trong hốc đá. Đêm tối tưởng như đang vỡ ra từng mảnh.

... Khi máy bay đã đi hẳn rồi, bầu trời trở lại yên tĩnh. Đánh một hồi ba tiếng keng báo yên xong, ông Tư quăng cái đèn sắt xuống đất quay trở vào đón con, gọi nó thì không thấy nó thưa. Ông rợn tóc gáy lên, gọi đốc thôi năm bảy tiếng nữa, run rẩy lần cái bật lửa giắt trong ngực, đánh lên, thì ra thằng bé đã lăn ra ngủ bên cạnh con chó Mực tự lúc nào. Ông không đánh thức con dậy mà lặng lẽ cúi xuống, bế nó lên tay. Thằng bé thấy động, thở ra một hơi dài âm ỉm,

nó đưa hai cánh tay bé nhỏ của nó ôm vòng lấy cổ bố, thều thào hỏi trong giấc ngủ nửa tỉnh nửa mơ:

- Nó đi rồi, bố?

- Ừ, nó đi rồi.

Ông Tư Mừng ôm thẳng con lom khom chui ra khỏi hốc đá. Con chó Mực lẻo đẻo theo sau...

### III

Đêm đã khuya. Vành trăng cuối tháng mỏng như cái lưỡi liềm buồn tênh giữa trời. Bốn bề gió núi ù ù. Những mảnh sương đục trắng xô nhau bay là là trên những núi đồi, trại ấp lặng tờ bên dưới.

Ông Tư Mừng ôm thẳng con ngủ trên tay, cúi đầu bước từng bước chậm chạp, thăm thĩ. Cái bóng ông đơn độc, thui thui trên ngọn núi vắng. Chưa bao giờ ông Tư Mừng thấy lòng mình rời rã, buồn khổ như lúc này. Thế là ban đêm chúng nó cũng lên rồi. Cái phần yên ổn sót lại trong một ngày không còn nữa. Đêm cũng như ngày, bất kỳ lúc nào bọn chúng nó cũng có thể lên bắn phá, giết chóc, tàn hại người mình.

Gia đình ông, vợ con ông, cửa nhà, cây cối, gà lợn của ông rồi đây sẽ ra sao? Không còn phút nào chắc chắn được yên ổn nữa ư?

Cái bóng ông Tư Mừng chầm chậm bước đi. Cái lưng ông còng xuống. Những nỗi buồn khổ trong lòng kéo ông còng xuống. Ông âm thầm bước qua những cửa

## Vợ nhặt

chuồng gà, chuồng lợn, chuồng chim. Ông lặng lẽ đi thăm dưới những bóng na, bóng chuối. Tất cả những thứ ấy lúc này cũng không làm ông hứng khởi lên được chút nào. Chúng nó đứng lù mù, rầu rĩ trong bóng đêm, đang nhìn theo ông và than thở với ông những điều gì. Chắc là cũng không thể đứng mãi với nhau trên ngọn núi chênh vênh, hiểm nghèo này mãi đâu. Bây giờ còn cả đây, ngày mai liệu có còn nữa không?

Ông Tư Mừng khẽ rên lên một tiếng nho nhỏ, lặng lẽ ngồi xuống một góc thềm. Ông cũng không buồn đốt đèn, không buồn thu dọn mâm cơm ăn dở còn bỏ lại trên thềm nhà. Ông khư khư ôm thằng con trên tay, thăm thĩ nhìn ra ngoài núi. Bốn bề ắng lặng. Cỏ cây, đồi núi ắng lặng quá chừng. Tất cả đều thiêm thiếp trong ánh trăng và trong bóng sương mờ đục. Có tiếng một con dế kêu ri rĩ ngoài vườn tối. Một trận gió chợt thoảng qua, bóng mấy tàu chuối khẽ đu đưa, run rẩy. Sự khủng khiếp của trận mây bay lên đêm vẫn còn trù lên cảnh vật, và đè nặng trên tâm tư ông Tư Mừng.

Ông nghĩ đến chuyện phải bỏ đất này mà đi. Cái mảnh đất ngày cũng như đêm không còn yên ổn nữa. Ông lại khẽ rên lên một tiếng nhỏ. Nhưng bỏ đây thì đi đâu. Mà biết đến đời kiếp nào đã gây dựng được cái cơ nghiệp như thế này. Nhà cửa, sân vườn, cây cối, hoa màu. Bao nhiêu tâm cơ, bao nhiêu mồ hôi nước mắt đổ vào đấy. Một lúc dứt bỏ ra đi, chao ôi! Xót thương ai oán vô cùng. Đi làm sao cho được!

Ông Tư cúi xuống nhìn thằng con trên tay, nhìn rất lâu, im lìm, câm lặng. Ông nhìn như thể chưa bao giờ nhìn con như vậy.

Dưới ánh trăng bàng bạc, giấc ngủ thẳng bé thật ngon lành. Cái đầu nó ngả ra phía sau, hai má tròn căng và nhẵn bóng. Từ cái miệng nhỏ mở hé hé, hơi thở của nó phả lên ấm sục. Giấc ngủ của trẻ con bao giờ cũng êm ả, hồn hậu. Tất cả tâm tư ông Tư Mừng dường như dừng lại trên khuôn mặt măng sữa ấy.

Ông Tư Mừng nhìn con đêm nay, không phải chỉ nhìn bằng đôi mắt xót thương mà ông còn nhìn bằng tấm lòng của người cha, bằng cả cái tâm sự rối bời lẫn lộn bao nhiêu xót thương, bao nhiêu mong ước, ông nhìn con bằng cả cuộc đời của mình. Chao ôi! Khi người cha nhìn vào mặt đứa con mình thì thật lạ lùng. Từ cái khuôn mặt trẻ thơ ấy sáng rực lên một niềm tin, một nguồn an ủi làm dịu đi những đau khổ, những tủi nhục, cay đắng hàng ngày. Nhìn vào mặt đứa con, người cha như hiểu cả mà thực ra chẳng hiểu được gì cả. Người cha chỉ thấy lòng mình dâng lên một tình thương yêu cao cả, mệnh mông không gì so sánh nổi chiếm đoạt lấy hồn mình. Và sau cùng thì bỗng thấy mình bé nhỏ, bất lực trước bốn phận làm cha của mình với đứa con. Bao nhiêu hiểm nghèo, gian khổ, đổi cái chết lấy cái sống vì đứa con. Suốt đời vì đứa con vẫn chưa vừa đủ.

Từ hai con mắt quàu quạu, u tối của ông Tư Mừng tỏa xuống mặt đứa con một vẻ gì vừa êm dịu, vừa đau khổ không cùng.

Ông Tư Mừng giật mình nhìn ra. Trong bóng sương và bóng trăng tĩnh mịch, ông thấy một bóng người đang từ dưới núi uể oải đi lên. Cái bóng lù mù, lặng lẽ, đôi quang sảo quay ngang, đưa đi đưa lại thông

## Vợ nhất

thạo. Biết vợ đã về chợ, ông Tư Mừng cũng không buồn đánh tiếng.

Người đàn bà bước thềm trong bóng tối, đi ngang qua mặt chồng, miệng lẩm bẩm ca cẩm những gì không rõ. Lát sau trong nhà thấy có đèn sáng và tiếng bà Tư rên rĩ hát ra. Những tiếng rên rĩ như tự đáy cùng của sự bối rối, náo nức:

- Buôn bán thế này có chết không!...

Ông Tư vẫn ngồi im, lòng nặng như chì.

- Hàng mấy chả họ. Nát ruột nát gan!... Có mà đem đổ đi! Đổ ráo cả đi!...

Tiếng bà Tư rít lên một mình. Ông Tư quay lại, hình như ông định nói một câu gì mà không thể sao cất nhời nói lên được. Trước mắt ông, bà Tư đang ngồi bệt xuống giữa nhà đếm chuối. Ngọn đèn dầu soi lên người bà một vùng sáng tù mù, xung quanh bà bày la liệt những nải chuối chín bẹp nát rúm rỏ. Ông thấy bà già sọp hẩn đi, hai mắt sâu trũng, cái mặt dài thườn ra, hằn khía những nếp nhăn. Nom bà gầy gò, sạm sạm như một bà lão nào ngồi đây chứ không phải vợ mình nữa.

Ông Tư ngồi lặng đi một lúc lâu, rồi mới nhẹ nhàng cất tiếng:

- Chợ búa dưới ấy hôm nay thế nào?

Bà Tư ngẩng lên nhìn ra, hình như bà không ngờ ông vẫn ngồi đấy. Bà thở dài cảm cái nói:

- Sống dở, chết dở chứ còn thế nào nữa. Ai lại kặng lên một cái, thôi thế là cứ giẫm lên nhau mà chạy. Nó có lên đêm bao giờ đâu!

Vừa nói bà vừa nhấc một nải chuối trong sảo ra. Nải chuối vừa đưa lên khỏi tay đã theo nhau lỏ tỏ rụng xuống. Nỗi khổ không biết từ đâu lại dồn đến, bà ném nốt nải chuối vào trong sảo, nói gần như mếu:

- Đã nhục chưa. Hàng với họ!... Ở nhà cứ nghĩ tưởng sướng lắm đấy!

- Ô hay!

Ông Tư nhăn mặt lại kêu.

- Cơm nước ăn xong cũng chẳng chịu cất dọn. Còn chờ cái đứa ở dưới chợ nó về nó hầu cơ mà lại.

Ông Tư không nói nữa. Ông biết bà sinh quẫn rồi, nói ra bây giờ chỉ tổ cãi nhau. Ông nhin. Ông cúi xuống thì thăm với thằng con đang ngủ:

- Bố bế con vào nhà!

Ông lặng lẽ ôm con đi vào trong nhà.

Bà vẫn cãi rả nói. Bà chì chiết ông chỉ nghĩ đến gà què không nghĩ đến vợ con. Bà đòi bán tất cả gà, lợn, giống má đi. Bà đòi dọn nhà đi nơi khác ở. Càng nói, nỗi khổ trong lòng bà càng đẩy lên, cay đắng, khổ cực vô cùng.

Ông Tư vẫn nhin. “Quái thật! Con mẹ này sao hôm nay lắm điều, lắm nhời thế không biết!” Nhiều lúc ông đã tức sôi lên, ông lại vội dần xuống. Nhưng mà ông, chính ông cũng đang chết một bên ruột đây, còn sung sướng nổi gì nữa mà phải chì chiết, day nghiến mãi!

-... Tôi nói thật đấy. Chuyến này thế nào cũng phải dọn đi nơi khác thôi. Không thể ở đây mãi được đâu. Ở mà hững hờ cái chết à?... Kia ông, sao tôi nói ông không thèm bắt nhời thế?

Ông Tư góc đầu dậy, cố lấy giọng dần hòa:

## Vợ nhặt

- Đi đâu?... Mấy lại tôi còn có nhiệm vụ gác máy bay cho hàng phố nữa cơ mà. Mình đi thì lấy ai là người thay.

Bà Tư vênh mặt lên cười nhạt thếch:

- Úi dào, gồm! Tưởng gì!... Có cái gác máy bay thì ai mà không thay được.

Mặt ông Tư tối lại, nóng bừng lên rồi lại lạnh toát đi. Thế này thì ra vợ ông nó bỉ mặt ông thật. Cả phố này ai người ta cũng nói: “Ông Tư Mừng gác máy bay tốt. Khó mà tìm được một người gác máy bay như ông Tư”. Ấy thế mà vợ ông nó nói vào mặt ông như vậy đấy. Ông thở dồn lên vì tức giận.

Bà Tư lại kéo dài giọng ra, mát mẻ. Rõ ràng là bà cố ý khiêu khích ông:

- Đấy sao chả bảo mãi rằng đêm tối nó không lên được. Bấy giờ nó lên rồi đấy, sao chả ra ngăn.

- Câm đi! Nó lên thì mặc mẹ nó!

Ông Tư hét lên. Ông không nhin được nữa.

- Mặc mẹ nó!... Nói dễ nghe nhỉ? - Bà Tư lại cười nhạt - Khốn nhưng mình mặc mẹ nó, nó có mặc mẹ mình đâu.

Thế là cả mặt, cả người, cả chân ông Tư đều run lên bần bật. Ông nhảy bổ từ trên giường xuống co chân đạp vào cái sảo chuối ở dưới đất.

- Láo!... Láo này!... Mẹ tiên sư mày! Ăn mấy nói!...

Cái sảo chuối lăn lông lốc trên nền nhà rồi lảo đảo úp sấp xuống. Ông Tư nghiêng rằng đạp bồi luôn mấy cái nữa. Những quả chuối từ trong sảo theo nhau trôi ra nằm be bét, ngổn ngang trên mặt đất. Ông Tư bỗng thấy xót ruột vô cùng, và càng xót ruột ông càng tức

diên lên, càng hét, càng đập. Bà Tư lẫn vào ôm chặt lấy ông kéo ra. Đang cơn nóng, ông quay lại đẩy bà một cái ngã ngồi xuống. Bà tru tréo lên:

- Ôi giờ ơi! Ông Tư Mừng ông ấy giết tôi đây này! Ông cứ phá đi! Phá hết đi!...

Thằng cu Tý đang ngủ bồng ngồi nhòm dậy, thấy bố mẹ giằng co, nó chẳng hiểu ra làm sao cũng khóc thét lên. Ông Tư Mừng như đang trong cơn mê sáng chột tỉnh. Ông chạy lại bên giường ôm choàng lấy thằng bé, nựng nịu:

- Khổ quá con ơi! Làm sao mà khóc?... Thôi, bố xin. Bố xin con.

Một giọt nước mắt ông rỉ ra, lăn nhanh trên má. Bà Tư thì quờ quạng, nhặt nhanh những quả chuối vung vãi trên đất kẻ lể:

- Khổ thân tôi thế này. Buôn bán đổ máu mất ra mới kiếm được hột gạo. Hơi một tí thì quăng, thì quật!

- Thôi, còn nói mãi! Để con nó ngủ, khổ lắm!

Ông nhăn mặt lại nói với vợ như van, như khóc.

Ngoài chuồng, con gà vỗ cánh phành phạch, cất tiếng gáy. Một con rồi năm bảy con ầm ô gáy theo. Đêm lạnh buốt, nhìn ra sương trắng ngập đầy núi. Ở dưới phố, dưới những trại ấp xa cũng nghe lác đác tiếng gà vọng lên.

Thằng cu Tý hai tay ôm vòng lấy cổ bố. Trong giấc ngủ của thằng bé, chốc chốc lại thấy nức lên mấy tiếng thổn thức. Bà Tư đã thu dọn xong tắt đèn lên giường nằm.

## Vợ nhất

Ở trên cao, đêm tối nghe càng mênh mông, thăm thẳm. Từng trận gió chọt gào lên giữa vòm trời, chọt lại mất hút đi.

Ông Tư Mừng nằm rũ ra bên thangka con, cổ và miệng đắng sít như người đang lên cơn sốt. Sau một trận xô xát, nóng nảy, bây giờ tất cả gân xương ông đều rời rã, bải hoải, mệt mỏi vô cùng. Ông vừa xấu hổ, vừa uất, vừa thương vợ, thương con.

Không phải chỉ có bận này, mà mỗi bận máy bay giặc lên bắn phá dữ dội, gia đình ông lại lục đục như vậy. Bà lại khóc lóc đòi đi, ông lại hét lại đập phá. Ngày tháng lần lữa trôi qua rút lại cũng chẳng ai tính đến chuyện bỏ đi thực sự.

Biết vậy nhưng sao đêm nay ông Tư Mừng buồn khổ đến thế. Tiếng khóc lóc, kể lể của bà đã im bật từ lâu nhưng sao ông vẫn nghe lạnh lạnh bên tai, tiếng khóc như từng lưỡi dao mỏng lách vào tim gan ông khía từng nhát. Trong đêm tối, ông nhìn thấy rõ mặt bà, nhìn rõ từng quả chuối lăn lóc trên đất. Nhắm mắt lại, ông càng nhìn thấy rõ hơn.

Hay là đi! Có lẽ đến dọn đi thật. Nghĩ vậy ruột gan ông đã đau thắt lại. Mảnh đất này gắn bó với ông tựa như xương thịt rồi.

Tùng hốc đá, từng búi cỏ trên mảnh đất ông đang sống đây, không chỗ nào không mang dấu tích, bóng dáng vợ con ông. Gia đình ông đã sửa sang, chăm bẵm cho nó từng ngày, từng ngày. Cái sân phẳng phiu trước nhà bây giờ, khi vợ chồng ông mới lên là một bãi mây gai chằng chịt với sim mua, cỏ rậm. Chỗ kê cái chuồng gà ấy có một ổ rần mẹ con nằm cuộn tròn trong hốc đá. Ngày ấy tứ bề gai góc, đêm đêm cây cào

vấn về bắt gà bắt vịt, vợ chồng ông có hôm phải nhịn cơm vỡ rậm. Bao nhiêu năm giờ mới thành thân được miếng đất như thế này. Bao nhiêu mồ hôi, bao nhiêu nước mắt đổ xuống! Chính lúc ông này ra cái ý muốn bỏ đi lại là lúc ông muốn bám chằng lấy nó. Ông lại muốn được cuộc, xới, được sống mãi mãi trên mảnh đất cheo leo này.

Ông Tư Mừng vốn là người làm ruộng không có đất, thêm ruộng đất xưa nay. Từ đời người ông nội, đến đời ông, mấy đời người ao ước có được mảnh đất mà sinh sống. Mấy đời người bỏ làng quê, mồ mả ông cha, xiêu bạt khắp đó đây đi tìm đất.

Mỗi lần nghĩ đến chuyện bỏ ngọn núi này đi, ông Tư Mừng lại nhớ đến những ngày xiêu bạt, đói khát ấy. Những ngày mà mười một con người trong gia đình ông lang thang đi tìm đất.

Ông còn nhớ, ngày ấy trên dọc đường lên ngược những lúc cay cực nhất, những lúc tưởng như cùng đường tận lối rồi, ông lại nghe tiếng người ông nội run rẩy khuyến khích con cháu trong nhà một câu: "...Cố lên! Cố lên các con ơi! Bắc Giang, Thái Nguyên đất rộng người thưa... Lên được đến trên ấy là có cái sống rồi...".

Mười một con người đói khát, vừa lớn vừa bé trong gia đình mỗi lần nghe người ông nội nhắc đến Thái Nguyên, Bắc Giang lại tỉnh ra, vui lên, hy vọng, tin tưởng, lại lếch thếch, bông bế, dắt díu nhau đi.

Ngày ấy trên con đường lên ngược đều thì thăm trong mỗi con người những háo hức về cái vùng đất xa xôi để nuôi sống người ấy. Nhưng con đường lên ngược cũng là con đường mịt mù, vô định. Trên đường đi đã

## Vợ nhặt

có người chết, có người đi ở, có người bán làm lẽ thứ tư, thứ năm cho nhà người. Ốm đau, đói rét rơi rụng dần suốt dọc đường. Người ông nội chỉ còn cái da bọc xương, gục đầu trên cây gậy lết theo con cháu. Người ông vẫn chỉ rên rĩ mấy câu như mấy câu tụng niệm, khấn khứa: "...Cố lên! Các con ơi! Thái Nguyên, Bắc Giang đất rộng người thưa..."

Mấy người còn sót lại trong gia đình vẫn thui thủi dắt díu nhau đi. Con đường tìm đất nắng, mưa kiên kiệt. Cho đến một buổi chiều, người ông chết cồng trong túp lều nát, chơ vơ giữa đồng.

Gia đình lúc ấy chỉ còn có ba người. Chiều hai mươi tám tết, đông không đông quạnh, mưa gió mù mịt bốn bề. Ba bố con ngồi thăm bên xác người ông suốt đêm hôm ấy.

... "Thái Nguyên, Bắc Giang đất rộng người thưa. Đồi bãi rộng, khoai sắn nhiều...". Chao ôi! Người ông nội khốn khổ ấy đã vùi xác ở trên đất Bắc Giang rồi. Người anh hai, sau mấy ngày ông chết, bỏ trốn đi đâu biệt tích. Còn lại hai bố con xin được một chân trông nom đàn hươu cho đồn điền ở Hiệp Hòa. Bố con ở với nhau được bốn năm yên ổn thì bỗng một đêm lính đồn mang súng về vây bắt giải người bố đi. Ngày ấy người ta đồn bố ông là tay dắt dất cho cướp, cũng có người lại bảo rằng bố ông chứa hội kín trong nhà. Không thể ở cái đồn điền ấy được nữa, ông Tư Mừng lại bỏ ra đi...

Cái hôm đầu tiên vợ chồng ông lên khai phá trên quả núi này, ông đã khóc như mưa, như gió. Mười một người trong gia đình bỏ làng ra đi tìm đất, bây giờ có đất rồi thì chẳng còn ai...

Ông Tư khê thở dài, trở mình. Thằng cu Tý thấy động vội ôm choàng lấy cổ bố, rúc rúc đầu vào ngực bố. Nó vội đưa một bàn tay lên lần lần sờ mặt, sờ tai bố, lát sau cái bàn tay ấy rơi nhẹ xuống chiếu. Ông Tư Mừng càng bối rối ruột gan, ông cũng chưa dứt khoát bề nào. Đi cũng dở, mà ở thì tình thế này, cứ mỗi ngày nó một bản phá nhiều, ở mãi không biết có toàn vẹn được không?

Bấy giờ đã khuya lắm rồi. Một ngôi sao lẻ loi sáng lóng lánh sau khuôn cửa sổ để ngỏ. Trong thanh vắng, ông Tư bỗng chợt nghe có những tiếng rì rào, xao động từ bốn phía dưới chân núi bốc lên. Có những tiếng xa, rất xa thăm thẳm trong hơi gió. Có những tiếng ồn ào chen chúc chảy quanh dưới núi, dưới các đường phố. Tất cả những thứ tiếng hỗn độn ấy quán quýt lấy nhau tràn ra bốn phía, mơ hồ lúc rõ lúc lại lẫn vào tiếng gió thổi. Đó là những tiếng đêm đêm ông Tư Mừng vẫn thường nghe thấy. Tiếng của cuộc sống kháng chiến ban đêm.

Nằm ở đây, tuy không nhìn thấy tận mắt, ông Tư Mừng cũng biết đó là tiếng của những chuyến xe thô lặc lặc; những gồng gánh kiu kịt chen nhau từ xuôi lên, từ ngược xuống; những anh chị cán bộ, những đoàn dân công, những đơn vị bộ đội hành quân, chuyển quân... Trên tất cả các ngã đường đêm kháng chiến, đâu đâu cũng nghe rầm rập tiếng bước chân đi.

Ông Tư Mừng ngủ thiếp đi lúc nào không rõ. Nửa đêm về sáng, chợt thức giấc, ông vẫn nghe những tiếng chuyển động, rì rào ấy từ bốn phía quanh núi đưa lên...

IV

Sáng hôm sau ông Tư Mừng dậy rất sớm. Trời đất, núi đồi còn chìm ngập trong bóng sương đã thấy ông xách cái cuốc chim kệt cửa đi ra ngoài rồi.

Ông Tư Mừng đi đào hầm. Không thể bỏ đất này mà đi được thì ông phải tìm ra cách bảo đảm sống được ở trên mảnh đất này.

Hồi đầu kháng chiến, trước sân nhà ông có mỗi một cái hầm chữ chi nông choèn choèn đến gối, thường khi máy bay giặc bay ngang qua đầu cũng chẳng ai buồn xuống. Cái hầm đào lấy lệ ấy về sau đổ mùn rác đầy mãi lên, ông Tư đem giồng vào đấy mấy gốc tiêu lùn xanh tốt rườm rà. Nhưng càng về sau, máy bay giặc càng bắn phá dữ dội thì ông càng ra công đào hầm, nhiều kiểu hầm hố khác nhau. Ông đào đến nát cả quả núi ra, vẫn đào.

Hai cái tai ông cũng vậy. Hai cái tai ông mỗi ngày nghe máy bay một tỉnh sáng ra. Máy bay giặc càng hoạt động oái oăm bao nhiêu thì tai ông lại càng tỉnh sáng ra bấy nhiêu để đối phó lại.

Thật ra lúc đầu cũng chỉ vì đứa con mà ông Tư Mừng chú ý đến máy bay. Ngày ấy bà Tư mới ở cũ thằng cu Tý nên cứ thoáng nghe thấy tiếng máy bay là ông Tư đã hoảng lên rồi. Cái hầm ngoài hốc đá đầu núi ông cũng đào từ dạo ấy. Ông bắt mẹ con bà Tư

phải ra đấy ở suốt ngày như mẹ con con vườn. Mỗi lần nghe tiếng trẻ ồm ồm khóc và tiếng mẹ ru con ời ời trong cái hốc đá ngoài đầu núi, ông Tư Mừng lại ngây ngất cả người. Cứ nghĩ một điều: mười một con người bỏ làng bỏ xóm ra đi, chết dần chết mòn, ly tán khắp dọc đường còn sót lại mình ông, bây giờ được mụn con đấy, thật ông quý nó hơn hòn vàng.

Lúc nào ông cũng thấp thỏm lo máy bay, thấp thỏm lo bảo vệ cho đứa con. Cuộc xối trong vườn, hay đan lát dọn dẹp gì trong sân, thoáng nghe thấy tiếng máy bay ì ầm từ xa ông đã gọi với ra ngoài hốc đá báo cho mẹ con nó biết mà trông chừng. Thế rồi dần dà ông phân biệt được các loại máy bay, phân biệt được nó đi ngã nào. Ông nghe được những máy bay xa, rất xa, chưa ai nghe thấy ông đã nghe thấy rồi.

Dạo ấy ở dưới phố hàng ngày người ta cứ nghe thấy tiếng ông Tư Mừng trên núi Côi Kê gọi réo lên:

- Có máy bay đấy nhá!... Bốn chiếc khu trục lên đấy!

Mới đầu chẳng có ai để ý, nhưng về sau người ta nghiệm ra mỗi lần ông Tư Mừng gọi như vậy đều có máy bay thật. Người ta yên trí là ông Tư Mừng báo cho hàng phố biết mà chạy. Về sau hễ cứ nghe tiếng ông Tư gọi có máy bay là dưới phố í ới gọi nhau kéo ra hăm. Thế rồi mọi người bảo nhau đề nghị với ủy ban chính thức cử ông Tư Mừng gác máy bay cho thị xã.

Trước cửa cái hốc đá ngoài đầu núi treo thêm một mảnh bom vỡ làm keng từ đấy. Và cũng từ đấy hai cái tai của ông Tư Mừng được rèn luyện mỗi ngày một tinh sáng kỳ lạ. Không một loại máy bay nào, không một kiểu bay quay quắt, oái oăm nào đánh lừa nổi hai

## Vợ nhặt

cái tai của ông. Như một tay thợ săn lành nghề chỉ bắt thoảng một hơi gió, ông đã nghe biết có máy bay rồi. Ông còn phân biệt được chúng nó đi hướng nào, có bao nhiêu cái, loại gì nữa.

Mỗi khi ông đánh keng báo động bao giờ cũng mười mười lăm phút sau, kịp cho đồng bào thu dọn đồ đạc, hàng họ đâu đấy rồi máy bay mới tới. Nhưng lại có khi cả thị xã nghe ầm ầm, ì ì tiếng máy bay, ông cũng không đánh keng. Ông biết chúng nó đi hướng khác, không nhằm mục tiêu bắn phá cái thị xã này. Đó là những thời kỳ có chiến dịch, chúng nó còn tối mắt về chuyện tiếp tế với tải lương, đánh keng làm gì cho đồng bào mất công ăn việc làm.

Ông nắm được tất cả những quy luật đi lại, bắn phá của chúng nó. Cả đến những máy bay tắt máy trước hàng chục cây số, gọi là máy bay bò, bay là là sát đất rồi thành linh ập đến bắn liền ông cũng nghe được hết.

Bà con cả vùng này tin vào tiếng keng của ông Tư Mừng vô cùng, có thể nói người ta sống bằng tiếng keng của ông; làm ăn, buôn bán, đi lại nhất nhất đều theo cái tiếng hiệu lệnh ấy.

Càng nghĩ, ông càng thấy không thể nào bỏ ngọn núi này được. Không phải chỉ một gia đình ông, còn bao nhiêu con người trông vào tiếng keng của ông mà sinh sống. Từ kháng chiến đến giờ, bao nhiêu trận máy bay giặc bắn phá rồi, gia đình ông có sao đâu; cái chuyện máy bay nó lên đêm, làm gì đến nỗi phải hoảng sợ quá đáng như vậy? Việc nó, nó cứ lên, việc ta, ta cứ ở. Đào thật nhiều hầm kiên cố vào là chẳng làm địch gì được nhau hết!

Dưới gốc cây ổi găng sát ngay đầu hồi nhà, ông Tư Mừng đứng dế chân chèo, vịn mình bổ những nhát cuốc chan chát xuống đất sỏi.

Bà Tư cũng dậy từ lúc ông xách cái cuốc chim kẹt cửa đi ra. Bà biết ngay ông đã đi đào hầm, đào hố. Bà khê thở dài, lăm bằm nói một câu gì trong miệng, lăm sờ dọn dẹp thẳm một mình trong bóng tối. Bà rất lạ không hiểu sao lần này lão ấy lại cuốc hầm ngay vào hồi nhà, mưa xuống một cái thì còn gì là tường vách. Mấy lần bà toan cất nhờ hỏi, lại thôi. Dẫu sao vợ chồng cũng vừa to tiếng, bỗng dừng trò chuyện với nhau ngay, bà thấy vẫn ngượng nhờ.

Bà lảng lạng bê mấy thúng, bị quần áo, nôi niêu chắn chiếu ra sân, xếp gọn ghê dưới gốc mấy cây đu đủ bên dãy chuồng gà, chuồng chim, rồi quay ra vo gạo, rửa nôi thổi cơm bình thường như không có chuyện gì xảy ra.

Thấy bà, ông cũng toan hỏi một câu gì làm lành, nhưng lại thôi. Ông mắ mồi, hăm hờ bổ những nhát cuốc chắc nịch.

Lát sau thằng cu Tý mới dậy. Vừa trên giường lăn xuống đất đã chạy thót ngay ra sân, mắt nhắm, mắt mở gào tướng lên:

- Bố ơi! U ơi!... Đi đâu cả rồi?

Nó chợt thấy mẹ đang ngồi cắm củi nhặt rau ngoài cửa bếp liền chạy ủa tới, lú lú hỏi một thôi một hồi:

- A, u đây rồi, làm con tìm mãi. Quà con đâu? Hôm qua u không mua quà cho con à? U thổi cơm chưa? Con đói lắm rồi, đói ghê lắm rồi.

## Vợ nhặt

Bà Tư chỉ cười. Bà ôm thằng con vào lòng, sờ nắn chân tay nó. Hai mẹ con ngồi thì thầm nhỏ to chuyện gì với nhau, chốc chốc lại thấy thằng bé rúc vào ngực mẹ cười khúc kha khúc khích. Ra cu cậu chẳng nhớ gì chuyện đêm trước cả.

Ông Tư Mừng làm như không chú ý gì, chỉ ra sức cuộc khỏe. Nhưng thật ra tiếng cười, nói của mẹ con thằng cu Tý vẫn rộn ràng, khúc khích trong bụng ông. Mẹ con nhà này kể cũng buồn cười, cứ như sao hôm, sao mai, đánh đuối nhau suốt ngày mà không mấy lúc được gặp mặt. Ngày thì con ra đầu núi gác máy bay với bố, mẹ đi bán chuối các làng. Chiều con về thì mẹ xuống chợ, đến lúc tan chợ mẹ về, con đã ngủ say. Mẹ con mỗi bận gặp nhau cứ riu ra riu rít như thể xa cách nhau hàng tháng.

Ông Tư bật cười lầm bầm một câu gì thú vị. Ông cúi xuống bốc những vụn đất, sỏi vút lên hai bên miệng hố.

- Bố đâu? Bố đã ra ngoài núi rồi à?

Tiếng thằng cu Tý hỏi mẹ lạnh lạnh. Bà Tư giờ tay trở ra phía gốc ổi, chẳng ra gắt mà cũng chẳng ra không:

- Kia chứ đâu. Bố mày đang đào hầm đấy!

Thằng cu Tý reo lên, chạy phóng ra với bố:

- Sao bố lại đào ở đây? Hôm qua bố bảo đào chuồng lợn cơ mà?

Ông bố ngẩng lên toét miệng cười. Con mắt nhìn con ve vuốt, lấp lánh ánh vui:

- Ấy phải đào cho người trước đã chứ. Xong người rồi mới đến lợn con ạ.

Ông bố phủi tay, đứng lên nhìn khắp bao quát ra bốn phía sốt sắng nói với thằng con:

- Lốp này bố phải đào thêm bốn cái hầm nữa con ạ.
- Eo ơi, nhiều thế. - Thằng bé nhàn nhàn ra kêu.
- Những bốn cái cơ à? Bố một cái này, u một cái này, con một cái này. Còn một cái nữa để cho ai?... À để cho bác phó cạo. Phải đấy, để cho bác phó cạo bố ạ. Để bao giờ bác ấy lên cạo đầu cho nhà mình, bác ấy trốn vào đấy, bố nhỉ.

Ông bố lườm con, chửi yêu:

- Bố anh lắm nữa, chỉ được cái tán... Đào thế còn là ít đấy. Này nhé...

Ông bố leo lên miệng cái hầm đang đào dở, giơ tay trở ra phía trước:

- Trong vườn sấn kia bố phải đào hai cái. Đầu vườn một cái, cuối vườn một cái. Coi vậy mà địa thế rộng đấy, không hẹp đâu. Phải hai cái! Lối ra ngoài núi, giữa quăng chạy ra rặng chè ấy, phải một cái nữa. Còn cái này bố sẽ đào thông suốt từ đây, xuyên ngầm qua vách vào trong nhà.

Ông bố nuốt vội một miếng nước bọt, tiếp luôn:

- Bố đã tính đầu vào đấy rồi. Này nhá, dạo này đêm nó cũng lên nhá. Mình đào từ trong nhà xuyên ra, nói đại đêm đến có ngủ quên, trên giường lăn xuống đất đã có hầm chạy rồi. Còn như ở ngoài vườn, ta có đủ hầm tốt thì mỗi hầm treo vào đấy một cái kẻo nữa. Nói khí vô phép chứ, cho anh lên đây, tôi cứ vững như bàn thạch! Tôi vẫn cuốc đất, tôi vẫn xới vườn, tôi vẫn ở nhà trông được con gà, con quế... Anh

## Vợ nhặt

lên chỗ nào tôi cũng có hăm đảm bảo, có kẻo báo cho đồng bào chạy. Nào...

Ông Tư Mừng nói với thằng con mà sừng sộ như thể nói với máy bay. Mỗi câu ông lại giơ bàn tay chém bổ xuống một nhát, trợn trừng trợn trạc làm đáng điệu. Thằng cu Tý cứ há mồm ra mà xem bố nói. Nó xem bố nó nói tựa như người ta xem diễn trò vậy. Hay quá!

Ông Tư nói với thằng con nhưng thực ra để cho bà Tư nghe thấy. Bao nhiêu điều nghĩ ngẫm, nghĩ nghĩa đem trước, ông đem nói ra hết.

Vợ chồng nhà này từ trước đến giờ vẫn có tật như thế. Mỗi lần có điều gì xích mích, muốn nói chuyện với nhau, họ lại nói với thằng con. Ông Tư nói, mà bà Tư không bỏ sót qua một nhời nào. Trong thâm tâm bà rất phục ông khéo tính toán, thu xếp, nhưng bà vẫn dẫu môi, dẫu mỏ, đánh chíp cái miệng:

- Chíp chíp!... Nhà đã bằng cái lỗ mũi ấy lại còn đào lù lù một đồng đất!...

Ông Tư tơi tả, làm lành:

- Ấy đã làm thì phải làm cho gọn gàng sạch mắt chứ.

Ông gật gù nói thêm với thằng con:

- Làm xong rồi con xem, lại không thích mê đi ấy.

Bà Tư bĩu môi, chíp chíp luôn mấy cái nữa:

- Thích!... Quăng quật như hôm qua rồi còn khối cái thích ra nữa ấy!

Ông Tư cười xí xóa:

- Thôi, thôi! Người ta đã “thôi” rồi lại còn...

Bà Tư không bắt nhời, bà quay vào bếp. “Sao lại có người dơ thế không biết! Vừa mới hôm qua hùng hùng hổ hổ, hôm nay đã lại nhả nhỏ được rồi”. Tuy vậy khi cất tiếng gọi con, giọng bà cũng dịu hẳn xuống:

- Tý ơi! Bảo bố mày vào ăn cơm cho xong bữa đi. U còn phải xuống làng bây giờ đây.

Không cần đợi thằng cu Tý phải gọi, ông Tư sốt sáng giục nó luôn:

- Ừ, phải đấy, vào ăn cho xong bữa đi. Ăn xong rồi con ra ngoài núi chơi để bố ở nhà đào hầm.

Thằng cu Tý “vâng” dài một tiếng, hai bố con lủi rủi dắt nhau xuống bếp.

## V

Ông Tư Mừng đào rờng rã bảy ngày liền mới xong cái hầm thứ nhất.

Cái hầm sâu như cái hang và rộng bằng một gian nhà. Bốn bề tường vách gọt xén vuông vức, thẳng thớm như tường xây, có đánh bụi lên xuống, lại có những ngách nhỏ quanh co luồn tít mãi vào bên trong. Lối cửa ra vườn, ông treo lên cành ổi một mảnh bom vỡ vừa nhả dưới phố gửi lên làm kẻng. Lối thông vào trong nhà, ông lấy gạch cay xây thành cái bụi nhỏ, bên trên làm bàn thờ, bên dưới để các thứ bồ bị, chai lọ, chum vại lật vặt. Ông lại đắp thêm cái lò rấm chuối cho bà Tư ở trong ấy nữa.

## Vợ nhật

Bằng ấy công việc, mới đầu đang đà hăng hái, ông cứ nghĩ tưởng làm bay đi. Thế mà phải mất bảy ngày cật lực.

Bảy ngày, một mình ông vừa đào, vừa xúc, vừa đổ... Việc gì cũng đến tay. Đã thế thằng cu Tý lại nheo nhéo gọi bố luôn. Nó không chịu chơi một mình trong cái hốc đá ngoài đầu núi ấy. Mà nó đã gọi thì ông phải ra, không ra nhờ nó bỏ đi đâu xa, máy bay ập đến thì làm thế nào.

- Bố ơi! Con ngứa! Con gì nó đốt con!

- Bố ơi! Con chán lắm rồi, bố ra ngoài này với con!

- Bố ơi! Bố! Cho con hộp nước!...

Thằng bé tìm đủ mọi cớ gọi bố ra. Ông Tư sốt ruột sốt gan lên. Ông đã bày cho nó đủ kiểu chơi; ông khuân ra cho nó nào chuối, nào đu đủ, khoai lang; ông lại xích con Mực ra ngoài ấy cho nó có bạn. Thằng bé vẫn gọi bố nheo nhéo. Rút lại chơi gì cũng không thích bằng chơi với người. Nó nằng nặc đòi về. Cuối cùng, ông Tư đành phải bằng lòng vậy. Dẫu sao thì cũng đỡ phấp phỏng và cũng đỡ mất công việc hơn. Bảy ngày đào hầm, có máy bay, bố công con chạy ra ngoài núi. Máy bay đi rồi, bố lại cung cúc công con về.

Bây giờ thì ông Tư Mừng ngồi xếp chân vòng tròn giữa nhà, rung đùi ngắm nghía cái “công trình mới” ấy của mình. Ông có vẻ tự bằng lòng lắm và cảm thấy trong người khoan khoái, nhẹ nhõm vô cùng.

“Hà, thế là xong một cái!”.

Ông vợ lấy điều thuốc, rít một hơi dài, gật gù, mồm mím. Hơi thuốc và sự thỏa mãn ngấm ngấm dần sâu vào trong các góc ngách của cơ thể. Bỗng dưng ông

thấy muốn được nghỉ ngơi. Sau bảy tám hôm giờ cầm đầu cầm cổ cuốc đất cật lực, ông tự cho mình cái quyền được nghỉ ngơi, thanh nhàn một bữa. Ông muốn được rảnh rang nhìn ngắm con gà, con lợn, đi lại ung dung trên mảnh đất của mình. Ông thêm uống một bữa rượu thật say, thêm một người bạn, thêm được chuyện trò thỏa thích lúc này.

Thằng cu Tý được cái hăm mới sướng như thế người ta được cái nhà mới. Nó reo hò, nhảy nhót, chui vào, chui ra, luồn hết ngách này sang ngách khác như con chuột nhắt.

- Tý ơi! Ra ngoài này chơi một lúc đi con!

Thằng cu Tý reo lên một tiếng, chạy lại với bố.

Hai bố con thông dong bước ra sân ra vườn. Đàn gà quen lệ từ các xó xỉnh xô lại, đều đều theo sau vòi ăn. Ông Tư chửi yêu chúng nó một câu, vào bếp xúc bát cơm nguội vung ra sân, xong lại chấp hai tay sau đít lưng thững đi. Ông đi quanh quần bên những luống rau, bên những chuồng chim, chuồng lợn. Có lúc ông dừng lại nhìn rất lâu một cái mầm cây mới nhú. Ông nhìn tựa hồ như từ tấm bé chưa biết cái mầm cây như thế nào. Có lúc ông ngồi tỉ mẩn vạch từng cái lá cải tìm sâu. Nom ông lúc ấy ung dung thư thái như một ông cụ đồ nho già có những cái móng tay nhỏ dài vút như cái lá lan quanh quần bên chậu cảnh.

Bấy giờ đang giữa trưa nắng, xung quanh ông tiếng con gà trống gáy ô ô. Tiếng con gà mái gọi con cùng cục. Lợn ủn ỉn trong chuồng, bồ câu con từ chợ bay về, con từ nhà bay xuống chợ, bay lên bay xuống vì vút như thoi đưa.

## Vợ nhặt

Đã lâu lắm, ông Tư Mừng mới lại được đi lại ung dung trên mảnh đất của mình, giữa buổi trưa nắng như thế này. Cuối cùng không ai bảo ai, hai bố con cùng dừng lại trên một sườn dốc đâm đâm nhìn xuống phố. Cả hai cùng đứng im, rất lâu... Cái phố đổ nát hoang vắng nằm như chết dưới kia vẫn có một sức gì hấp dẫn bố con nhà này vô cùng.

Ông Tư Mừng bỗng sức nhớ ra điều gì, ông đưa hai tay vuốt ngược từ gáy lên đỉnh đầu, reo lên một cách hết sức hứng khởi:

- A, hôm nay bố con ta phải húi cái tóc mới được. Húi xong rồi, tối nay bố con ta xuống phố!

Thằng con nghe nói xuống phố tức thì nhảy cẫng lên như con ghé hoa:

- A ha, xuống phố, thích quá! Chốc nữa con phải bắt cho chúng nó con châu chấu voi mới được.

Ông Tư Mừng đã vòng hai bàn tay lên trước miệng làm loa, hít vào một hơi dài lấy sức gọi:

- Dưới ấy ơi!... Ông phó cạo ơi!...

Ông Tư Mừng ngừng lại, lắng nghe một lúc, lại gọi:

- Dưới ấy ơi!... Lên húi cho trên này cái tóc nhá!...

Ông gọi luôn ba bốn lần như thế nữa thì dưới phố có tiếng người vọng lên:

- Đơ ơi... Tôi lên ngay đơ... ơi! Dưới này nghe thấy rồi!...

Từ ngày nhận công việc gác máy bay, ông Tư Mừng không được xuống phố ban ngày. Có việc gì cần ông chỉ việc đứng trên núi mà gọi. Hết thuốc Lào, ông gọi mua thuốc Lào. Cần bánh xà phòng, hay kim chỉ, ông gọi mua xà phòng, kim chỉ. Ông gọi là ở dưới có người

mang lên ngay. Có bạn ba bốn người học tóc lên một lúc. Sự sốt sắng quý hóa ấy làm ông Tư Mừng thấy tần phiến; ông không dám gọi mua nữa.

Hơn năm năm giờ nay người lên đây với ông chỉ có đồng chí thông tin tuyên truyền thị xã đôi khi có công việc cần trao đổi, hoặc thăm hỏi gia đình. Và một tháng hai kỳ có bác phó cạo lên húi tóc cho bố con ông. Lâu lắm, năm thì mười họa mới có vài ba anh bộ đội đeo súng lên làm nhiệm vụ phòng không vào những dịp có đơn vị về đóng quanh tỉnh, hay làm lễ chiến thắng sau những chiến dịch lớn.

Hôm nay ông Tư Mừng gọi bác phó cạo lên, một phần vì bố con ông cần húi tóc, nhưng một phần nữa, ông Tư đang muốn có người nói chuyện. Ở trên chòm núi cheo leo này bác phó cạo là người bạn thân tình độc nhất của gia đình ông trong mấy năm trời nay.

Dưới những lùm cây xanh rì, bác phó cạo đã xách cái hòm gỗ lom khom leo dốc. Chưa đến nơi đã nghe thấy tiếng bác cười rõ, xuýt xoa khen lấy khen để cái vườn sắn của ông Tư:

- Ái chà chà, vườn sắn nhà này nom sướng mắt quá. Mới bạn trước lên, bạn này đã khác hẳn rồi. Mơn mớn như gái mười tám ấy!

Bác ta cười khề khề lên một dịp y như tiếng cái máy khâu cũ chạy quá đà. Và một bên khóe miệng thấy sáng lóe lên hai chiếc răng đồng, có cái đã han xanh.

Đó là một người thấp bé lách chách, không ra già, không ra trẻ. Nom người thì đã ra lối cần cần, heo héo nhưng lại được cái lau chau, nhanh miệng và có hơi tơ tuốt làm dáng kéo lại. Áo quần không có gì nhưng gọn

## Vợ nhặt

gàng, sạch sẽ. Bác ta lại mặc chiếc áo sơ mi nâu bằng thứ lụa rẻ tiền, trên túi cài một cái nút máy có hai bông gù so le bằng len đỏ. Cổ quần phủ la sợi nhiều màu sắc sô đan chéo vào nhau như lốt rần. Đầu chải mượt, mặt trắng bệch có rất nhiều nếp nhăn, và hai mắt chảy quíp xuống âu sầu, nhưng cái miệng rộng lại tươi như hoa. Bác nói chuyện rất vui, rất có duyên, và tất cả những nếp nhăn chảy những nhéo hai bên má đều hoạt động, chuyển biến rất lạ.

Thường thường mỗi lần lên trên này húi tóc cho bố con ông Tư, không bao giờ bác ta húi ngay. Bác còn đi dạo khắp vườn xem cây cối một tua, rồi sục vào các chuồng xem gà, xem chim... Bác mê mẩn cả người về những thứ ông Tư tặng gia. Bác chặc lưỡi, bác xuyết xoa, bác “ôi già già”, “ái chà chà” luôn miệng. Sau đấy bác còn quay ra nói hàng tràng những kinh nghiệm chữa gà toi, chọn lợn giống, kinh nghiệm làm chuồng, giống cây chán rồi có húi bác mới húi.

Nhưng lần này lên, bác không kịp ra vườn xem cây, cũng không kịp sục sạo vào các chuồng xem gà, xem lợn. Vừa bước chân vào đến sân, thấy cái keng treo lủng lẳng trên cành ổi và cái miệng hầm mới, đất còn đỏ roi rói, hai con mắt đã quíp của bác lại quíp hẳn xuống, bác tăng tốc đánh lưỡi một hồi như tiếng con thạch sùng bắt muỗi:

- Chặc, chặc, chặc! Úi chà chà! Đã lại hầm rồi! Lại keng gác máy bay nữa này. Gớm chữa, chịu ông anh thật. Nhà em xin chịu ông anh đấy!

Bác quăng cái hòm đồ nghề xuống đất, xăm xăm chạy vào hầm. Bố con ông Tư Mừng cũng vào theo.

Bác sờ vách, sờ trần, lần mò vào trong các khe ngách, đánh lưởi tăng tặc:

- Kiên cố thật. Kiên cố quá. Lại đào từ ngoài vào giữa nhà nữa. Hầy, dọn xuống dưới này cho nó một mâm chén ông Tư nhĩ? Vững bằng bàn thạch!

Ông Tư cười, gật gù:

- Ấy, tôi còn định đào thêm ba cái ở ngoài vườn nữa cơ đấy.

- Ba cái nữa?!

Bác phó cạo trợn mắt, nhành miệng ra đến mang tai, dồn tất cả những nếp nhăn sang hai bên má, nhìn ông Tư kêu lên:

- Ba cái nữa? Ồi cha mẹ ơi, khiếp chữa! Ông Tư này, nói bảo nói dỡ. Thời buổi bây giờ đào được cái hầm, cái hố tốt sao nó lại sướng thế nhĩ? Bằng ông Lưu Bị vợ được cụ Gia Cát Lượng đấy nhá!

Bác gật gù cái đầu mượt bóng, khề khề cười thưởng thức câu nhận xét hóm hỉnh ấy của mình.

Lát sau tiếng kéo cửa bác phó cạo đã rung lên tanh tách dưới bụi chuối tiêu lùn rậm rạp ở góc sân. Trái với lệ thường, câu chuyện chỉ quanh quẩn về mặt chăn nuôi, trồng trọt, hôm nay bác xoay ra nói toàn chuyện hầm hố. Thôi thì hầm chữ chi, hầm hầm ếch, hố cá nhân, v.v... đủ các kiểu. Dưới phố nhà ai có hầm tốt hầm xấu thế nào bác ta nói ra vanh vách như thổ công.

Ông Tư Mừng ngồi lặng trên tảng đá gần đấy mà nghe chuyện hầm hố cho đến lúc húi xong cái đầu thẳng cu Tý.

- Hầy, ngoan đáo để. Dưới phố không mấy đứa được ngoan như thế này đâu. Hai con mắt ấy rồi học sáng phải biết nhá! Đen đen là...

Bác phó cạo vừa rũ cái khăn quàng vải dù loang lổ phành phạch, vừa tấm tắc khen thằng cu Tý với ông Tư.

Cái kéo nhỏ trên tay bác ta lại tiếp tục rung lên những tiếng sắc nhọn, giòn giã. Câu chuyện của bác ta đến đây bắt đầu chuyển sang phần tướng số. Húi cho bố bao giờ bác cũng xem tướng cho con. Bận bác khen thằng bé hiền lành, ngoan ngoãn, phép tắc bảo sao nghe vậy. Bận bác khen nó tợn tào buống bỉnh, con trai thời này phải thế mới đánh được Tây. Bác khen cái tai nó dày, cái mắt nó sáng, cái trán nó dô... Ông Tư nghe bác khen con mình như thế không biết bao nhiêu bận rồi, nhưng bận nào ông cũng thấy mới lạ như thể chưa từng được nghe bao giờ.

- Nay, nói lại bảo là duy tâm. Nhà em xem tướng thế mà khá ra phết đấy nhó. Phàm chưng cái đứa trẻ mắt sáng, mũi thẳng, cằm vuông, hai tai dày như hai tai Phật thế này, trăm đứa học sáng cả một trăm, mà rồi sau đều làm nên cả. Xem ông Lưu Bị đời Tam quốc đấy, hai tai dài chấm vai, hai tay dài quá gối, có phải người ta danh tiếng lẫy lừng không? Hai cái tai thằng cu Tý nhà ta, ông xem có kém gì hai tai ông Lưu Bị?

Bác ta nói, bác ta cười, cái miệng mọng tang cuốn lên dẹo quẹo. Hai con mắt quíp xuống chớp chớp, nháy nháy. Hết chuyện tướng số trẻ con bác chuyển sang các chuyện dưới phố, dưới làng, chuyện chợ búa, giá cả; chuyện bộ đội giết giặc, du kích diệt tề, cả

những chuyện con buôn cảm tử vượt đường, dân công chuyển thóc, v.v... Thôi thì đủ không thiếu một thứ chuyện gì bác không biết.

Ông Tư Mừng vốn là người đang khát chuyện. Ông thêm chuyện như người khát thêm nước uống. Chuyện gì ông cũng muốn nghe, chuyện gì ông cũng thấy mới lạ, làm ông hiểu biết được đời sống xung quanh và ông cũng thấy đỡ trơ trọi, cách biệt mọi người. Thật ra chỉ được nghe tiếng người lạ nói lên ở đây ông đã thấy vui và khỏe khoắn ra rồi.

Nhưng câu chuyện mà ông Tư Mừng chú ý nhất vẫn là câu chuyện của chính gia đình bác phó cạo. Có lẽ khi nói đến những câu chuyện tâm sự ấy, bác ta bớt huênh hoang hơn. Bác nói chậm chậm rủ rủ, lúc lúc lại nghe có tiếng khê thở dài. Câu chuyện có phần chân thật và làm cho ông Tư cảm động. Thường cũng chỉ là những chuyện lo làm, lo ăn, lo cho con cái trong nhà na ná như cảnh của ông Tư vậy. Lúc này câu chuyện của bác nghiêng về mặt than thở.

Ông Tư Mừng chưa xuống nhà bác ta bao giờ, cũng chả gặp một ai trong cái gia đình ấy, nhưng nghe bác kể đi kể lại nhiều lần, lâu dần ông biết tất cả chuyện gia đình bác. Ông thuộc tính nết, hình dạng từng người. Thuộc từ cái cây ngoài đầu ngõ đến các lối đi trong vườn. Lắm lúc ông cứ tưởng mình là người đã từng đi lại chơi bời với gia đình bác phó cạo từ lâu lắm rồi vậy.

Đó là một gia đình nheo nhóc, đông con. Mười ba miệng người ăn mà chỉ có một người làm. Cái bác phó cạo nom hình thức bề ngoài là tay lém lỉnh ăn

## Vợ nhặt

chơi ấy thực ra lúc nào cũng nấu nà ruột gan về chuyện gia đình.

Bác có một ông bố già đã hơn bảy mươi tuổi, đen đui, to lớn như con gấu. Cái trận máy bay bắn cháy nhà lần thứ ba, ông lão phải đạn què liệt một chân, cả bên người cũng liệt bại theo. Suốt ngày ông lão nằm rên rảm trên cái ổ trái rơm ở một góc nhà. Những hôm hứng háo, ông lão chống gậy tập tễnh ra sân ngồi phơi cái lưng mốc, nứt nẻ hàng tiếng đồng hồ ngoài nắng.

Bà mẹ già thì khéo khu như cành củi khô. Trong gia đình, bà lão là người lép vế nhất, đi đứng lảo lủ như cái bóng. Con giai con dâu đứa nào cũng mắng được. Tuy vậy bà lão cũng vẫn phải làm sà sã suốt ngày. Những lúc vắng vẻ, bà lão chỉ ra đầu ngõ ngồi, đôi mắt ngờ ngạc, ngong ngóng nhìn ra ngoài đường cái. Hình như lúc nào bà lão cũng có ý chờ đợi thằng con thứ hai đi bộ đội về.

Bác phó cạo gái là người lăm điều lăm nhời. Bác ta chỉ biết có ăn và đẻ, người lúc nào cũng phồm phốp như con lợn cạo. Ỗ vào đàn con mọn, cả ngày bác ta ngồi xem xếp giữa nhà sai mẹ chồng với sai chồng, chẳng chịu mó tay làm việc gì.

Hồi con gái bác ta là người có nhan sắc. Bác là con một ông phó may ở phố phủ, trai phố khối anh phải lòng, đánh tiếng hỏi, nhưng bác không lấy ai. Bác mê anh phó cạo trước cửa đàn ngọt, hát hay, nói chuyện có duyên, rồi bỏ nhà trốn theo anh ta. Từ ngày lấy chồng bác chỉ đẻ. Mười một bận đẻ, còn chín đứa con, mà người vẫn cứ phây phây ra. Người ấy thì còn đẻ nữa. Càng đẻ tính nết bác càng sinh ra gắt gỏng, tai

quái. Cả nhà từ bố chồng, mẹ chồng, đến chồng, đều phải nhịn nhục dưới sự tai quái của người đàn bà ấy. Trong ý nghĩ của chị ta hình như lúc nào cũng nghĩ rằng mình trót lấy phải anh chồng hèn. Và gia đình chồng không xứng với gia đình mình. Đáng ra chị ta phải lấy được người như thế nào kia. Đáng ra cũng phải chân giày chân dép, đầu chịu cái nước khổ nhục như thế này. Nghĩ vậy chị ta càng a hành ác nghiệt với chồng, cứ thấy mặt chồng là chị ta kiếm cớ giày vò, đay nghiến.

Cái nhà bác phó cạo tội nghiệp ấy, đi làm thì thiên hô bát sát, một tác đến giờ. Về đến nhà trước mặt vợ cứ len lét như rắn mồng năm. Bộ quần áo mỗi vội tụt ra, đánh cái áo nâu tàng, cái quần đùi vá vào, thế là đâm đầu, đổ đuôi đi gánh nước, thổi cơm, giặt giũ quần áo, tã lót cho vợ, cho con rồi lo chạy gạo. Quanh năm suốt tháng, cứ thấy bác ta ở ngoài phố về là thấy cấp cái rá kê kê bên nách chạy khắp xóm vay gạo.

Câu chuyện gia đình bác phó cạo, ông Tư Mừng chỉ thấy bác thật vui lên mỗi khi nhắc đến người em đi bộ đội. Không bận nào lên đây bác không kể đến người em quý mến ấy. Bác kể bằng một giọng say sưa và mến phục vô cùng:

- Chú cháu lại vừa đánh một trận ở đường số 4, to lắm ông ạ. Thắng tiểu đội phó rồi!

- Chú cháu thì lành. Cù mà cù mì cả ngày chả nói một câu mà gan liên tướng quân. Ấy nhiệm vụ phải đi đánh giặc mà vẫn lo anh chị ở nhà túng đấy. Để rồi chuyện này em đưa chú cháu lên chơi với ông anh...

## Vợ nhất

Cuộc đời bác phó cạo đông con, nghèo túng ấy, người em đi bộ đội là nguồn vui, là niềm tự hào, là hi vọng. Người em đã làm vinh dự cho cả gia đình bác. Hôm nay húi tóc cho ông Tư, bác phó cạo lại kể chuyện người em bộ đội của mình:

- Nói giấu gì ông anh, việc này em đã để tâm, để ý lâu lắm rồi. Những đám hàng xén, hàng vải dưới chợ nói ông anh bỏ lỗi, béo lẻo như em, gấp đâu không được cho chú cháu một món. Nhưng mà... - Bác ta cười khè khè lên một dịp, lắc đầu - Nhà em xin kiểu ạ. Bộ đội là họ không thích cái tang phát phơ ấy đâu. Thời buổi bây giờ cứ gọi là nông dân thuần túy. Ăn khỏe, làm khỏe là “ưu tiên” nhất rồi.

Câu chuyện đang đà hào hứng. Con dao cạo trên tay bác ngoắt đi, ngoắt lại soàn soạt lượn trên cằm, trên trán ông Tư Mừng.

Gió núi rì rào. Những bông hoa mua, hoa sim nghiêng ngả, sáng rực trong nắng. Trời xanh và cao vợi vợi. Tiếng một đôi chim bồ câu gù nhau trên nóc chuồng. Mỗi lần tiếng con trống rống lên rộn rã, tiếng con mái lại gù ghì thông thả nối theo. Không khí buổi chiều dịu dịu.

- Lớp này thì em tìm cho chú cháu được một món rồi. Tận trong Bình Thuận cơ. Rất “xuya”! Khỏe, đẹp. Thành phần bản cố, lại có chân đại biểu phụ nữ xã nữa cơ chứ, khó khó khó!...

Tiếng cười của bác phó cạo bỗng nghẹn tắc lại. Ông Tư Mừng vừa chột đứng lên, giơ tay ra hiệu bảo im.

- Máy bay rồi!

Ông Tư khẽ kêu lên một tiếng, đưa tay rút cái khăn quàng trước ngực ném trả bác phó cạo, băng về phía gốc ổi vợ lấy cái dùi sắt đập liên hồi. Bác phó cạo cũng thu xếp đồ nghề, lật đật chạy theo, tụt vội xuống hầm.

Những tiếng keng thét lên inh ỏi như những tiếng kêu gọi vội vã, thống thiết. Mặt đất sầm tối lại, cảm lạnh, chờ đợi...

Lát sau, tiếng máy bay bỗng từ đầu núi Voi xỏ ra, ập tới, bắn liên. Một tràng liên thanh tăng tăng xả xuống lòng cái thị xã vắng ngắt. Cái giống máy bay, bay thấp như bò trên mặt đất bao giờ cũng đến nhanh và bắn ngay như vậy.

Ông Tư Mừng vẫn đứng lom khom trong hầm nhìn ra. Một loạt liên thanh nữa bắn xuống theo. Cây cối trên núi cuốn lên rào rào và đạn bay đỏ lừ ngoài cửa hầm. “Thôi chết, nó bắn nhà mình rồi!”. Câu nói run lên trong ý nghĩ ông Tư. Xung quanh ông, trên đầu ông đâu đâu cũng nghe tiếng đạn réo. Cái chuồng gà vẫn đứng im lìm trong bụi chuối trước mặt ông đạn bắn bung ra một mảng, đổ sập xuống. Tiếng con gà mái bên trong “e e” kêu lên những tiếng quái gở. Tiếng gà kêu mà nghe như tiếng lợn bị chọc tiết.

Con gà từ trong cái chuồng đổ bẹp bay vọt ra. Một ổ trứng cũng lật ra theo. Con gà mái mẹ cùng cục, cuống quýt chạy quanh cái ổ trứng đã giập nát.

Nhưng liền đó ông bỗng thấy tóc gáy mình dựng ngược lên. Một cái gì lạnh buốt chạy suốt từ gáy qua sống lưng. Ông thoáng nghe như có tiếng người gọi mình. Ông quay đầu lại đảo mắt nhìn xung quanh cái hầm một lượt. Cái hầm trống rỗng, tối mờ mờ. Mãi

## Vợ nhặt

phía trong cùng ông chỉ thấy có bác phó cạo ngồi rúm ró một mình trên cái hòm gỗ.

“Thôi chết tôi rồi!”. Ông Tư Mủng rên lên một tiếng nho nhỏ trong cuống họng. Thằng con ông không có đây rồi... Nó ra đầu núi bắt châu chấu rồi. Ông Tư Mủng cuống người lên. Ông chạy xô ra cửa hầm. Một băng đạn vừa bắn xả xuống đồ lều. Ông nghe rất rõ tiếng thằng con đang gọi mình:

- Bố ơi!... Bố! Con sợ lắm!...

Ông Tư nhủn cả người. Tiếng thằng con như những mũi kim đâm suốt tim ông. Người ông giá lạnh đi, lại nóng bừng lên. Ông phải ra với nó. Thế nào ông cũng phải ra với nó. Trước mặt ông là một khoảng đất rộng, chết lặng dưới những tiếng đạn réo và tiếng gầm rú điên cuồng của tụi máy bay. Ông phải băng qua khoảng đất ấy. Đầu óc nóng bừng bừng như lửa cháy.

- Bố ơi!... Bố ở đâu thì ra với con! Con sợ lắm rồi!

Một chiếc máy bay vừa sạt xuống, bắn một băng dài. Nhà cửa, cây cối rung lên bắn bật.

- Ôi... Bố nghe tiếng con gọi rồi! Bố ra với con đây!...

Ông bố nghiêng chặt răng, lao ra khỏi hầm cắm đầu chạy. Ông chạy như điên như cuồng trên mảnh đất máy bay giặc đang bắn xuống như mưa. Trước mặt ông, ông chỉ thấy tiếng con gọi xé ruột, xé gan, nghe như tiếng con chim non gọi mẹ giữa cơn dông bão.

- Đây! Bố đang ra với con đây! Bố đang chạy đây! Bố nghe tiếng con gọi rồi!...

Ông Tư Mủng vừa chạy, vừa gào. Mặt ông căng ra, đầm đìa mồ hôi.

Trên trời bốn chiếc khu trục quần quã lao lên, lao xuống nối nhau xả đạn. Ông Tư Mừng như không còn biết gì. Ông mê man chạy về phía tiếng con gọi. Ông thấy nó đang cuống cuống, sợ hãi trước mặt mình. Nó đang vẫy gọi ông. Mặt nó méo mó, nhếch nhác những nước mắt. Nó đang muốn chạy ra khỏi cái hố đá ngoài đầu núi... Ông phải ra. Phải có ông bên cạnh nó. Thằng bé sợ quá rồi, cuống quá rồi...

Ông Tư Mừng bỗng trao người, ngã dúi xuống. Một băng đạn vừa rít lên, đất sỏi bắn tung tóe lên ngoài, lên mặt ông. Một băng nữa xả xuống tiếp theo luôn. Hình như chúng nó trông thấy có bóng người chạy dưới này. Ông Tư lăn luôn mấy vòng vào giữa bụi dứa dại.

Ầm! Ầm! Ầm... Một loạt bom vừa nổ xuống. Mặt đất rung lên, tối sầm lại. Khói từ dưới phồng lên khét lẹt.

- Bố ơi!...

Tiếng thằng con bật đi trong tiếng lửa cháy và tiếng gió cuốn.

- Bố ơi! Nó nổ bom rồi! Con sợ lắm! Bố có nghe tiếng con gọi không?!...

- Tý ơi! Bố nghe tiếng con gọi rồi!... Bố đang ra với con đây!... Con đừng ra ngoài nhá!...

Ông bố lại vục lên, lao đầu chạy. Tiếng máy bay gầm rít, tiếng bom đạn, tiếng lửa cháy, tiếng hai bố con ông Tư Mừng gọi nhau thất thanh trên đỉnh núi. Tiếng gọi gào lên, tìm nhau, mỗi lúc một xích lại gần nhau.

- Bố ra đến nơi rồi!... Bố gần ra đến nơi rồi đây! Tý ơi! Con đừng ra ngoài nhá!...

## Vợ nhặt

Ông Tư Mừng rút ruột, rút gan lại mà chạy, mà gào. Bỗng ông như vấp phải một cái gì, lão đảo chú người về đằng trước. Ô hay! Sao lại thế này nhỉ?... Ông nghiêng chặt hai hàm răng lại, lấy hết sức chạy vượt lên. Không được rồi, hai chân ông bỗng lỏng lẻo ra, ông lão đảo lùi lại mấy bước, cố sức đứng lại, lại lão đảo lùi lại mấy bước nữa, rồi ông đổ xuống bụi gai tầm xọng bên lối đi như cây chuối bị phạt ngang gốc.

Bấy giờ ông Tư Mừng mới nghe tiếng đạn rêu quanh mình. Đạn bắn sần sật vào các bờ bụi xung quanh. “Chết rồi! Mình phải đạn rồi!”. Ông thoáng nghĩ như vậy và rút cái bàn tay vẫn ôm chặt lấy bả vai tự lúc nào, đưa lên ngang mặt. Cái bàn tay ông đỏ lôm nhừng máu. Trời đất, cây cỏ tức thì tối sầm lại, úp chụp xuống mặt ông. Trong cái khoảng tối đen thăm thẳm ấy, ông thấy tóe ra vô vàn những đốm xanh, đốm đỏ bay múa loạn xạ. Và tiếng thằng con gọi bố vẫn nghe xao xáo bên tai.

Ông Tư khẽ rít lên một tiếng nho nhỏ, bậm môi, oằn oại trên bụi gai tầm xọng. Ông muốn vùng dậy, muốn gào lên nhưng không thể sao cất nhời lên được nữa. Bên kẽ mắt ông từ từ rỉ ra một giọt nước mắt, lăn xuống.

Trên đỉnh núi Côi Kê lúc ấy chỉ còn nghe một mình tiếng thằng cu Tý sa sả gọi bố như xé vải:

- Bố ơi! Bố ra ngoài này với con!... Bố có nghe tiếng con gọi không?... Sao bố không giả nhời con thế?...

Vẫn chỉ có một mình tiếng thằng cu Tý gọi bố...

## VI

Đã hơn một tháng nay cái thị xã Thái Nguyên sống trong tình trạng không ổn định. Hình như lúc nào người ta cũng hốt hoảng, lo sợ. Lúc nào người ta cũng thấp thỏm bồn chồn trước những tai họa ghê gớm có thể thành linh ập tới. Không ai làm chủ được mình trước giờ phút mình đang sống. Khoảng trời xanh lồng lộng trên đầu trở thành một mối đe dọa thường xuyên và căm lạng một cách đáng sợ.

Đã hơn một tháng nay người ta không còn nghe tiếng loa và tiếng kêng của ông Tư Mừng trên núi Côi Kê, cái tiếng kêng thường ngày vẫn canh phòng đời sống cho họ. Máy bay, bom đạn và sự tàn phá, chết chóc ám ảnh trong tâm trí mọi người, treo lơ lửng trên những bữa ăn, trên những giấc ngủ và trên những buổi chợ đêm tít tít kẻ bán người mua... Trong đời sống hàng ngày người ta bỗng mất đi một chỗ che chở, nương tựa đáng tin cậy.

Kể ra thì Ủy ban hành chính kháng chiến thị xã cũng điều một người gác máy bay ở dưới Lưu Xá lên. Nhưng để có mấy ai có được hai cái tai dày kinh nghiệm như hai cái tai ông Tư Mừng? Người lên thay ông bây giờ chả qua là người đánh kêng dây chuyên. Đó là một chàng trai trẻ khá hoạt bát, nghe đâu trước

## Vợ nhặt

kia anh ta cũng là du kích vùng tề, bị địch càn quét mấy lần rồi mất tinh thần, giả ốm tản cư lên trên này với vợ. Bà con Lưu Xá thấy anh thanh niên sức dài vai rộng, giữa thời kháng chiến này mà suốt ngày chỉ quanh ra, quanh vào ăn bám vợ, bèn phân công cho anh ta việc đánh keng gác máy bay.

Từ ngày anh ta về thị xã thay ông Tư Mừng thì sinh ra lắm sự rối loạn. Nghĩa là anh ta đánh keng lung tung, hốt hoảng chẳng ra làm sao. Nhiều khi có máy bay thì không đánh. Không có máy bay lại keng keng rồi rít lên. Máy bay ở xa, đi hướng khác thì đánh. Loại máy bay tắt máy, bò sát đất ập đến bắn rồi, keng vẫn im thin thít. Mỗi bận anh ta đánh keng hay không đánh keng như vậy, cả cái thị xã lại nháo lên. Còn làm ăn buôn bán gì được nữa! Mỗi người bàn mỗi cách và ai ai cũng phải nhắc đến keng ông Tư Mừng, nhớ ông Tư Mừng, mong ông Tư Mừng chóng khỏi mà về.

Giữa cái tình thế bối rối ấy, bác phó cạo bỗng được mọi người chú ý một cách đặc biệt. Bác ta vẫn có cái tài như vậy, từ trước đến giờ bất kỳ có việc gì xảy ra, bác cũng làm cho mọi người phải chú ý đến mình và cái cửa hàng của mình đông khách lên.

Người ta đến nghe bác kể chuyện ông Tư Mừng, gửi quà và húi tóc nữa.

Cái kéo trên tay bác cứ vung tit lên. Bác ta cười khề khề, cười khé khé. Mắt tròn, mắt dẹt tỏ vẻ ta đây biết nhiều điều quan trọng lắm.

- ... À, độ này thì khá rồi! Khá lắm rồi! Bác sĩ bảo rằng cũng chỉ độ dăm bữa nửa tháng nữa thì về được.

Ồ, những như mấy hôm đầu thì tưởng nguy đấy. Mê man suốt ngày, chỉ toàn gọi con thôi. Được cái bệnh viện người ta cũng tận tâm săn sóc. Thuốc như đắp vào người ấy. Coi vậy ông ấy cũng là tay quan trọng chứ có phải thường đâu. Từ Ủy ban tỉnh, Ủy ban thị xã cho đến các ngành, các giới đều cử người vào thăm cả đấy.

- ... Nó chết một cái ông ấy lại tín nhiệm mình. Mọi việc là cứ ở như mình cả, khổ thế! Thôi thì đi lại, quà cáp, trông nom săn sóc gia đình. Đủ! Còn có ai nữa, vợ thì đàn bà, cả đời chả đi đến đâu. Con thì đại, thành ra việc gì cũng mình thôi. Việc gì cũng “trăm sự nhờ ông phó”. Ấy chẳng anh em mà bằng quá anh em đấy. Buồn cười, cái hôm mấy ông Ủy ban tỉnh vào thăm lại cứ tưởng người nhà cơ chứ. Đến lúc biết rồi, các ông ấy cứ nói đi nói lại rằng: “Được người có tinh thần giai cấp thế này chúng tôi cảm động lắm...”. Mình chỉ cười thôi.

- Chậc, ấy thế!... Thế mới bảo là mỗi người một tính một nết. Đảng thì chưa nghe nó bắn đã đá ra quần rồi. Đảng người ta lại đòi về. Sự đời lắm nỗi éo le thật! Ấy, ông Tư thì ông ấy vẫn cứ đòi về đấy. Nhất là những hôm máy bay bắn ngoài này, thôi thế là cứ lồng lên đòi về. Cơ mà bác sĩ ai người ta nghe. Còn xanh rớt ra... Cái gì thế này? Sữa à? Gửi sữa vào làm gì, trong ấy còn bốn năm hộp con chim. Thôi được cứ để cả vào đấy rồi tôi khắc mang vào cho.

Bác vừa nói, vừa nhận quà, vừa húi tóc rồi rít tít mù lên. Những nếp răn trên cái khuôn mặt khô xác, bệnh bệch của bác hoạt động một cách kỳ lạ. Chúng

## Vợ nhặt

nó co vào, dãn ra, ngọ nguậy đuổi nhau y như đàn cá muông đoi vó được mỗi. Những lúc ấy nếu có một người nào lại tỏ ra rằng mình cũng biết chuyện ông Tư Mủng nói chen vào thì lập tức tất cả những nếp răn ấy đứng dừng ngay lại, khinh khỉnh, khó chịu. Bác không thèm bắt nhời. Bác làm như thể chỉ riêng mình được chiếm độc quyền về cái món chuyện ông Tư Mủng.

Buổi chiều hôm ấy cửa hàng bác phó cạo lại rộn lên những người đến thăm hỏi bệnh tình ông Tư Mủng. Bác phó cạo hôm nay có một vẻ quan trọng đặc biệt. Trước sự bồn chồn, sốt ruột của mọi người, bác lại trở nên ung dung, bình tĩnh. Với ai bác cũng dễ dàng nói một câu:

- Bệnh của ông Tư ít ra cũng phải một tháng nữa mới về được. Thôi cứ yên trí, không chết là may rồi. Bệnh ấy một tháng nữa cũng còn là về gượng đấy.

Rồi bác vẫn vừa húi tóc, vừa kể chuyện Tư Mủng bình thường như mọi khi. Hôm nay bác đang say sưa kể lại cái đoạn ông Tư và bác, hai người cầm tay nhau mà khóc ở bệnh viện, thì có một người cao lớn, đội nón sừng sững từ ngoài bước vào.

Bác phó cũng không để ý. Người ra vào cửa hàng bác nghe chuyện bây giờ có thiếu gì. Bác nhẹ nhàng véo một bên môi ông khách vêu lên, chăm chú lia ngược lưỡi con dao cạo vào đám râu sồn sột:

- Lúc mình vào, ông ấy vẫn nằm mê man không biết gì. Mình bước rón rén, rón rén... ngồi ghé xuống bên giường, thì ông ấy mở choàng mắt ra nhìn mình. Nhìn lâu lắm, thế rồi không hiểu sao nước mắt ông

ấy cứ tràn ra. Thấy ông ấy khóc, mình cũng khóc. Hai anh em cứ nhìn nhau mà sụt sịt. Sau ông ấy cầm lấy tay mình hỏi: “Phó đấy à?... Bác tốt quá. Hàng họ đạo này có đông khách không? ...”. Mình bảo: “Ông cứ yên trí tỉnh dưỡng cho chóng khỏi đi. Em thì bao giờ cũng được dân phố tín nhiệm...”. Ông ấy cười cầm hộp sữa ấn vào lòng mình bắt lấy, bảo là đem về cho các cháu. Mình không nghe, ông ấy lại đâm mặt giận có chết không.

Ông khách sốt ruột, hỏi liên:

- Thế sau bác có nhận không?

Bác phó cạo cười lên một dịp khè khè:

- Ấy thế mới chết. Thế mới là cái bỏ mẹ. Không lấy cũng dễ, mà lấy thì...

Bác phó cạo ngay đơ mặt ra, bác vừa chợt nhìn thấy người khách đội nón vừa mới đến. Hình như bác có hơi tên một thoáng, nhưng rồi liền đó bác reo lên những tiếng vốn vấp, vui sướng chưa từng thấy:

- Ôi giờ ơi, kìa ông Tư. Ông Tư Mừng! Làm thế nào đã về được? Sao bảo còn phải lâu lắm kia mà?

Người lạ ấy là ông Tư Mừng. Ông bỏ nón, đi lại bên bác phó cạo ghé vào tai nói nhỏ nhỏ:

- Tôi trốn. Nằm ở trong ấy ngày ngày cũng nghe máy bay nó lên bắn phá, sốt ruột quá, tôi bỏ trốn về...

- Nghe máy bay nó bắn ngoài này mà sốt ruột, trốn về? Gớm chửa!...

Bác phó cạo trợn mắt nói choang choác lên. Hình như ông Tư chỉ muốn nói nhỏ nhỏ đủ nghe thì bác ta lại cố ý nói tướng mãi lên như thể chiêng bầy cho cả bàn dân thiên hạ cùng biết.

## Vợ nhặt

- Kể ra thì bác sĩ người ta cũng còn giữ lại một tuần lễ để bồi dưỡng thêm nữa cơ đấy. Nhưng mà thôi, về sớm được ngày nào hay ngày ấy bác ạ.

- Ông vậy là sai nguyên tắc rồi nhá! Ông còn phải bồi dưỡng nhiều!

Bác phó cạo lên giọng chính ngay. Ông Tư Mừng chỉ cười, ông rủ rủ:

- Tôi tạt vào đây định nhờ bác một việc. Chiều nay hay ngày mai, lúc nào tiện bác vào trong bệnh viện lấy giùm cho gói quần áo và mấy thứ lặt vặt...

- Được được, ông cứ yên trí.

Bác phó cạo gật đầu lia lịa, bác lại nói to tướng lên:

- Chỗ tôi với ông còn kỳ quẩn gì. Chiều nay nhà em xin vào lấy ngay cho ông anh.

Dứt lời bác chạy ra cửa đồng dặc gọi sang bác hàng phở gánh vẫn đỗ dưới cây bàng rườm rà bên kia đường:

- Này làm cho một bát nhé! Làm thật ngon vào. Có ông Tư Mừng vừa ở bệnh viện ra đấy.

- Ông Tư Mừng về đấy à? Có ngay!

Bác hàng phở reo lên vui sướng. Tiếng dao thớt tức thì rền phăm phấp.

Những người quanh đấy nghe nói ông Tư Mừng về đổ xô cả lại tíu tít, thăm hỏi. Bà hàng bánh đưa bánh. Ông hàng kẹo đưa kẹo. Bà cụ hàng nước già lọng khọng cũng rót một cốc nước chè tươi đầy và gói "Hoa Lư" còn nguyên chưa bóc đem vào mời ông Tư. Bác hàng phở làm xong bát phở không len chân vào được, gất gổng, quát tháo âm ỉ lên.

Ông Tư Mừng đỏ vầng cả mặt, cuống quýt, chối đây đây không dám nhận. Ông cảm động quá, nước mắt chỉ muốn trào ra. Ông vừa ngượng ngập, vừa vụng về, ấp úng nói chẳng nên lời. Bốn năm năm giờ nay, bây giờ ông mới được gặp bà con trong phố. Được nhìn mặt từng người và thấy rõ sự săn sóc ân cần của từng người trên những khuôn mặt hồ hởi ấy.

- Nào ông Tư Mừng đâu! Xem mặt ông Tư Mừng nào. Bao nhiêu năm chỉ được nghe thấy kể mà không được nom thấy người đây.

- Gớm ông Tư Mừng về đúng dịp quá. Cả thị xã đang thất diên bát đảo vì kèng đấy ông ạ.

- Xê ra! Xê ra nào! Kia ông xới đi chứ. Ngươi hết cả của người ta rồi!

Ngoài đường lại thấy ba bốn tốp người nữa đang kéo vào; cả ông già, bà già, cả mấy ông chủ hàng cơm và mấy cô hàng xén, hàng vải nữa...

Ông Tư hoảng quá vội vã đứng dậy vợ lấy cái nón:

- Thôi thôi, tôi không lấy đâu. Tôi không ăn đâu. Tôi vẫn còn no mà. - Ông nhăn nhó nói với mọi người.  
- Các cụ, các bà, các bác cũng nghe tôi, tản ra, tản hết ra đừng kéo đông đến thế này, máy bay nó ập đến thì chết. Thôi tôi cũng phải về đây.

Miệng nói chân bước, chẳng kịp chào ai, ông Tư Mừng cầm đầu cung cúc đi thẳng. Ông cũng đang nóng lòng sốt ruột muốn về thăm vợ thăm con đây.

Nắng xiên khoai chênh chếch. Ông Tư Mừng cầm đầu đi được một lúc khá lâu rồi, không hiểu chột nghĩ ra việc gì, ông lại lật đật quay trở lại. Ông đứng mãi ngoài đường cái khê gọi bác phó cạo ra:

## Vợ nhặt

- Bác phó! Bác ra tôi nhờ một tí!

Bác phó cạo ngoảnh ra thấy ông Tư trở lại, bác đã toan reo lên, nói một câu ba hoa gì đấy, nhưng thấy vẻ mặt đăm đăm của ông Tư, bác lại thôi.

- Có việc gì thế ông?

Bác phó chạy ra đón đả.

- Tôi có việc này muốn nói với bác...

- Việc gì thế? Ta hãy vào trong này đã nào.

- Thôi đứng ngoài này cũng được. Vào trong ấy rồi bà con người ta lại kéo đến như lúc nãy, phiền ra.

- Không, họ không dám đến nữa đâu. Tôi vừa “giải thích” cho họ nghe cả rồi.

Ông Tư Mừng vẫn đứng nguyên chỗ cũ. Ông khẽ dang hắng một tiếng, nói:

- Việc này tôi định nói với bác từ lâu rồi. Khi nằm ở bệnh viện tôi cũng đã định nói... Bác phó ạ, thằng cháu nhà tôi thì nó đã lớn rồi, mà nhà mình ở cheo leo mãi trên đỉnh núi, xóm giềng chả có, lắm lúc nghĩ về cái đường ăn học của cháu, dở dang quá bác ạ.

Ông Tư Mừng khẽ thở dài, dậm đà trình bày tiếp:

- Những như người khác tôi cũng chẳng dám nhờ đâu. Có bác là chỗ đi lại thân tình, chẳng anh em thì cũng như là anh em. Tôi định nhờ bác mỗi ngày bỏ ra độ vài tiếng buổi trưa lên trên ấy vỗ lòng cho cháu. Thôi thì đời mình đã chịu cái phận ngu si, dốt nát rồi. Đến đời nó cũng phải cho nó được học hành đến nơi, đến chốn có phải không bác?

Nghe ông Tư Mừng nói như vậy, bác phó cạo liền quýp hai mắt xuống, gật gù, suy nghĩ, nói một câu rõ ra là nhà giáo:

- Vâng... Ông nghĩ được như vậy là rút phải, rút phải đấy ạ. Không gì hệ trọng bằng sự học hành của các em bây giờ. Cho nên cái việc máy bay giặc nay nó bắn, mai nó bỏ bom cản trở sự học hành của các em là một tội rút đáng căm phẫn đấy ạ.

- Vâng! - Ông Tư Mừng tiếp lời. - Cho nên tôi đề cháu hãy học ở trên ấy vài năm. Khi cháu thật cứng cáp rồi mới dám cho cháu xuống phố. Tôi đã nghĩ kỹ rồi, bác lên bảo cháu, chúng tôi cũng không dám để bác thiệt đâu. Chỗ anh em ta cứ nói thực tình với nhau như thế.

Bác phó cạo bật lên cười khè khè. Máy chiếc răng đồng gỉ xanh bên khóe miệng, nằng xói vào sáng lóe lên. Bác vỗ vào vai ông Tư đầm đệp mấy cái:

- Ô, cái ông này! Chỗ tôi với ông, cốt sao cho cháu nó được ăn học đến nơi đến chốn là tốt rồi. Vâng, tôi xin nhận với ông anh. Trưa mai tôi xin lên bảo cháu. Độ này trưa đến có khách khứa gì đâu. Vâng ông cứ về bảo bà ấy xuống chợ mua giấy bút cho cháu đi.

Ông Tư Mừng sướng quá vỗ lấy tay bác phó cạo rung rung, lắc lắc:

- Thật nhá! Thật thế nhá. Trưa mai bác lên nhà! Thôi thế là tôi yên trí rồi! Yên trí lắm rồi!...

Ông còn khẩn thiết nói đi nói lại như thế ba bốn lần nữa rồi mới chào bác phó cạo, hể hả quay đi. Lần này thì ông đi miết một hơi không ngoái cổ lại nữa. Bác

## Vợ nhất

phó cạo nhìn theo tùm tùm cười, một lúc rồi bác quay vào trong hàng.

Ông Tư Mừng đã lên đến đỉnh dốc Kép Le. Ngọn núi Côi Kê chợt hiện ra sừng sững trước mặt. Nắng chiều vàng sộm một vùng. Trên đỉnh ngọn núi cheo leo ấy, ông Tư thấy một mảnh mái rạ xam xám lẫn vào trong đám cỏ cây, lau sậy như cái tổ chim.

Đấy là nhà ông. Vợ ông, con ông ở cả trong ấy.

Ông Tư Mừng thấy lòng mình vui rộn lên, bồi hồi, xúc động. Chiều nay ông sẽ lại đánh keng, gác máy bay cho đồng bào họp chợ. Và, ngày mai, thằng con ông sẽ cất tiếng học đầu tiên trên quả núi ấy.

“A... Bê... Xê...”. Ông Tư Mừng đi như lao về phía núi. Tiếng thằng con ông học nghe mỗi lúc một rõ, mỗi lúc một vang lên trong tâm trí ông, cuốn theo bước chân ông.

“A... Bê... Xê...” - Tiếng thằng bé nghe ngoan quá...

## NGƯỜI CHỦ DƯỠNG

Tôi đứng lại trước một vùng đồi cỏ cao đến ngực không tìm ra lối. Tôi vẫn còn nhớ ngày trước đi từ ngoài bến Mảng vào, qua mấy cụm tre xơ xác kia, đến cây đa cụt và ngôi miếu đổ này thì rẽ vào sườn đồi bên trái. Nhưng bây giờ cỏ rậm, sim, mua và những cây chè đồng, chổi xuể, giàng giàng đã mọc kín rồi, tôi không tìm ra nữa.

Mới có mấy năm hòa bình, cảnh ở đây đã thay đổi nhiều. Nhìn vào chỗ nào cũng thấy cỏ cây rậm rịt. Người ta về xuôi cả rồi! Dấu tích kháng chiến chỉ còn sót lại mấy khuôn tường trình, tường cay vàng suộm, ngập trong cỏ.

Ngay cả cái bến Mảng ngoài kia, trước ngày đông vui là thế, bây giờ cũng chẳng còn gì. Cái bến Mảng mà chúng tôi đã gọi là thủ đô của Suối Lửa ấy, đêm đêm sáng đèn đến một hai giờ khuya. Đêm đêm chúng tôi rủ nhau lặn lội hàng chục cây số đường rừng từ cơ quan ra, uống nước, ăn kẹo và nhìn khách đi đường qua lại rồi lại rủ nhau ra về.

Cái bến Mảng ngày ấy tôi còn nhớ có cô hàng xén Thủy Nguyên có cái cổ trắng ngần và hai bàn tay muôn muốt như bàn tay cô tổ nữ trong tranh vẽ. Có ông Thủy sút mắc bệnh động kinh bán cà phê. Có hiệu

## Vợ nhặt

cắt tóc của anh Thường, người gầy xanh, nói năng nhỏ nhẻ như con gái. Có hàng thịt chó của ông Phác rõ, rằng vàng. Có quán “Thủ đô” của chị em cô Thư, cô Hương bán xôi chè và bún chả. Hai chị em cứ thoáng thấy bóng anh em bộ đội, cơ quan đi qua là đã “Lóc cóc vó ngựa bên nhịp cầu cong bên su...ôi.i...” từ trong quán vấm véo hát ra gọi khách. Lại có cửa hàng cụ phó may già và vợ chồng chú khách bán thuốc bắc, có cô con gái tên là Hiền Thấy cao nhông, vừa đen, vừa gầy mà cày cuốc, bổ củi khỏe như đàn ông.

Tất cả những người ấy đi hết rồi! Cái bến Mảng ấy bây giờ nằm vắng lặng giữa một vùng đồi rậm rạp, liên tiếp.

Dưới gốc đa thấy còn cái bảng thông tin cũ sót lại, có một bà già lưng còng không biết từ trại áp nào ra ngồi bán mẹt sắn luộc, mấy cái bánh đa khoai và mấy xôi quả nóng thơm sì. Bà cụ ngồi ở đấy như một bà cụ nào trong truyện cổ tích và tưởng chừng cụ vẫn ngồi như thế từ thời nào thời nào đến bây giờ.

Tôi lẳng lặng đi ngược lên một quãng, rồi lại lộn trở lại. Tôi vẫn chưa tìm thấy đường.

Buổi trưa cánh đồng vừa gặt hái đoạn lặng ngắt, không một bóng người. Mùa lạnh, tiết trời vừa nắng rát lại vừa gờn gợn lạnh. Gió từng cơn từ các thung lũng thổi ra ào ào.

Tôi biết tôi còn phải đi qua cả vùng đồi rộng liên tiếp trước mặt đây, qua một cái cầu tre nhỏ bắc ngang con suối, qua một cánh đồng bậc thang nằm kẹp trong thung lũng rồi mới đến cái trại nho nhỏ nằm sát dưới chân dãy núi trọc xanh mờ mờ kia. Đây là trại Han.

Kháng chiến, gia đình tôi đã ở trong ấy mấy năm và bây giờ tôi còn một người dì ruột và đứa em gái nhỏ, con dì, ở trong ấy.

- Hò... ọ! Họ, họ!...

Mấy bụi cây rậm trước mặt tôi rung lên sần sật. Tiếng một em bé từ trong cỏ quát ra:

- Chạy đâu! Hò ò... ọ!...

Một con bò vàng chạy xộc ra. Tôi vội lấy chân giẫm lên chiếc thùng đang kéo lê trên mặt đất, giữ con bò lại, chú bé chặn bò cũng vừa ở trong đống rậm nhô ra. Chú bé đứng dừng lại, tròn mắt nhìn tôi. Chắc là cậu ta không ngờ có người lạ ở đây, mà lại giữ được cả bò cho nữa.

- Em ơi! Vào trại Han đi lối nào nhỉ?

Em bé chặn bò vẫn nhìn tôi, cái nón rách tụt ra sau gáy. Em suyt mũi một cái, cười:

- Đi lối này!

Em bé mạnh dạn giơ tay trở ngược lên phía cây đa cụt:

- Bây giờ, anh cứ đi thẳng lối cây đa này, qua làng U, làng Gò, qua trại Vầu. Đi một quãng nữa đến cái cầu tre là thẳng đường vào trại Han, Suối Lửa, Xuân Lung...

“À phải rồi, còn một lối qua làng U, làng Gò nữa”. Ngày kháng chiến tôi cũng có đi qua lối này mấy bận, nhưng ban ngày thì sợ máy bay, ban đêm thì sợ chó. Máy cái làng ấy nhiều chó to lắm. Tôi vẫn thường đi lối ngoài đồi. Tôi hỏi thăm chú bé:

- Thế lối này có đi được không? Ngày xưa ngoài này cũng có lối đi mà.

## Vợ nhặt

- Đi lối này cũng được. Đi lối này thì anh phải vòng qua dãy đồi này, đi mãi mãi đến mấy cái tường đổ của những người tản cư họ bỏ về ấy, anh rẽ sang bên phải, rồi cũng đến cái cầu tre vào trại Han. Cớ mà đi lối này xa, mà khó đi lắm anh ạ. Chả chắc anh đã đi được đâu.

Tôi cười, giao trả bò chú bé. Và quyết định đi lối ngoài đồi. Tôi muốn đi lại quãng đường ngày kháng chiến mình vẫn đi qua.

Tôi hăm hở đi sâu vào giữa vùng đồi chỉ chít, rậm rạp. À, thì ra tôi đã không quên đường! Mặc dầu đã bao nhiêu năm tôi không trở lại, mặc dầu cỏ cây đã lấp kín lối rồi, tôi vẫn nhớ rất đúng phương hướng cần phải đi. Điều ấy làm tôi có cái vui sướng, tự hào kỳ lạ. Tôi đã không quên mảnh đất đã cư mang tôi bao nhiêu năm giờ kháng chiến. Cái cảm giác vui sướng, bồi hồi tựa như mình đã không quên ơn một người nào đã cư mang mình.

Càng đi sâu vào bên trong vùng đồi rậm này, tôi càng nhận ra những dấu tích cũ. Thân một cây trám trắng đứng nghiêng nghiêng trên một sườn đồi. Những cụm sau sau xơ xác chụm đầu vào nhau mãi títt đằng xa. Mấy hòn đá tảng nằm im lìm trên bờ một con lạch nhỏ.... Tất cả những cây, những núi, những dáng hình đã chìm sâu trong ký ức tôi, tưởng như không bao giờ nhớ đến nữa, bây giờ lần lần hiện ra, chúng như đang nói gì với tôi, gần gũi, thân thuộc lạ thường. Tôi biết rằng tôi không thể lạc được nữa. Lối đi dưới chân tôi cũng dần dần thấy rõ nét hơn. Những lối mòn mờ trắng luồn lỏi trong cỏ, những lối đi của

trẻ chân trâu và của những người vào rừng đốt than thường qua lại.

Tôi đã đến dãy tường đồ, chơ vơ bên sườn một quả đồi sỏi đỏ. Cái nhà này tôi biết. Đây là nhà vợ chồng một ông phán già ở Hà Nội có con cùng làm một cơ quan với vợ tôi. Anh con giai ấy ốm, rồi chết từ hồi còn kháng chiến. Vợ chồng ông phán tôi có gặp mấy lần, ở Hà Nội, tôi có lại nhà chơi. Bây giờ vợ chồng ông ở với người con gái đã luống tuổi làm trong một hợp tác xã đan len gần chợ Cửa Nam.

Trước ngày đi qua đây, tôi hay rẽ vào uống nước và nhận vài thứ quà bà phán gửi vào cơ quan cho cậu con trai. Nhìn những mảnh tường còn sót lại kia, tôi tưởng như vẫn thấy bà phán đeo đôi kính trắng, cặm cùi ngồi khâu sau khuôn cửa tre, sửa lại những chiếc áo dài bằng lụa quý thành những chiếc áo cánh ngắn cho cô con gái mặc chạy chợ. Và ông phán gầy gò thì lúi húi vun xới mấy gốc chuối, gốc đu đủ...

Tôi bước nhanh qua mấy mảnh tường đất đều hiu giữa vùng đồi hoang rậm ấy, tắt qua mấy cái dốc sỏi nữa rồi rẽ xuống cánh đồng.

“Trại Han kia rồi!”. Tôi khẽ reo lên mấy tiếng nho nhỏ, hồi hộp đứng lại trên chiếc cầu tre. Trong một lúc, tôi bỗng có cảm giác giống như những ngày kháng chiến về thăm gia đình. Ngày ấy mỗi bận đi công tác xa, hay những ngày hai mươi tám, hai mươi chín tết ở cơ quan về, đến cái cầu tre này, bao giờ tôi cũng đứng lại nhìn vào trại Han. Cái trại nhỏ bé, hẻo lánh mà thân thiết xiết bao! Vợ con tôi ngày ngày vẫn sống lần hồi ở trong cái trại ấy. Tôi vừa có cái vui sướng,

## Vợ nhất

bồi hồi sắp được về quây quần với gia đình, vừa có cái bùi ngủi thương vợ, thương con.

Cái trại Han mà gia đình tôi ở trước kia đã buồn quá, vắng vẻ, heo hút quá; bây giờ không còn cơ quan nào đóng nữa, người tản cư cũng về xuôi cả rồi, trại Han bây giờ chắc còn buồn, còn vắng vẻ hơn nhiều.

Tôi xóc cái ba lô, lẳng lặng bước xuống cầu, đi vào cánh đồng. Con đường mòn nhỏ chạy quanh ra giữa trền ruộng bậc thang cần cỗi và mát hút vào sau mấy lùm cây rậm trước mặt.

Nắng từ trên cao đổ xuống cái thung lũng hẹp, hơi nóng bốc lên hầm hập. Nắng nổ những tiếng tí tách nho nhỏ trên những ngọn đồi vắng và làm bốc lên một làn hơi mờ mờ như hơi khói trên những thửa ruộng mới gặt.

Trại Han trước mắt tôi vẫn nằm lặng ngắt dưới chân dãy núi trọc. Vẫn rặng tre cần, xờ xạc bao quanh. Vẫn ngôi miếu lợp rạ con con đứng xiêu vẹo dưới gốc đa ngoài cổng trại. Cảnh vẫn như xưa mà sao bây giờ tôi nom quanh quẽ một cách lạ.

Phía xa, mãi tít trong một khe núi xa, có một vệt khói trắng nhạt bốc lên, lặng lẽ...

Nhìn vào vệt khói ấy, tôi bỗng nghĩ đến dì tôi. Tôi nghĩ đến những người lên rừng đốt than. Những năm kháng chiến ở đây, dì tôi làm nghề đốt than.

Tôi vẫn biết nông thôn bây giờ thay đổi, khác trước nhiều. Tôi biết trong cải cách ruộng đất, dì tôi đã được chia ruộng và nửa con bò. Dì tôi đã lấy chồng. Và ở đây chắc chắn đã lên hợp tác xã từ lâu rồi. Cuộc đời mẹ con dì tôi nhất định không còn bị dập vùi, cực nhọc

như ngày xưa nữa. Biết vậy, nhưng không hiểu sao nhìn vào vệt khói trước mặt kia, tôi vẫn thấy thương dì tôi vô cùng. Năm sáu năm hòa bình rồi, gia đình tôi đã về Hà Nội, những người tản cư trước cũng không còn ai ở đây nữa, riêng mẹ con dì vẫn không bỏ được cái xó núi hẻo lánh này. Tôi thấy số phận mẹ con dì thật chẳng khác gì vệt khói mờ nhạt, mảnh dẻ, lặng tờ bốc lên giữa vùng đồi núi xơ xác cần cỗi kia.

Tôi khẽ thở dài, bước dần lên. Hôm biết tôi lên trại Han thăm dì và cũng là thăm lại nơi mà gia đình tôi đã sống trong những ngày kháng chiến trước kia, mẹ tôi lúng củng cả đêm không ngủ được. Mẹ tôi lục tìm trong đồng quần áo cũ của mẹ, và của đứa con gái đầu lòng của tôi, xếp ra nào áo bông, áo cánh, quần thām, khăn đầu gói thành một gói gửi lên cho dì. Hôm sau tôi ra tàu sớm, trời đất còn mù mịt sương đêm, mẹ tôi đã dậy đưa tôi ra tận đường cái, mẹ cúi bọc quần áo vào tay tôi, dặn đi dặn lại:

- Con mang những thứ này lên cho dì con nhá. Rét đến nơi rồi... Thế nào con cũng đón mẹ con dì ấy về chơi dưới này một chuyến. U bây giờ già rồi, mẹ con dì ấy ở mãi trên rừng trên núi, u chả lên được... Năm sáu năm giờ chị em chả được gặp nhau. Khổ thân mẹ con dì Bản...

Tôi ôm bọc quần áo vội vàng bước đi. Mẹ tôi đứng lại. Tôi thoáng nghe tiếng mẹ sụt sịt ở phía sau. Đi được một quãng khá xa, quay đầu nhìn lại, tôi vẫn thấy cái bóng thấp bé của mẹ tôi đứng im lìm, nhòa lẫn dưới hai hàng cây tối...

## Vợ nhặt

Một tiếng gà vừa chột gáy lên ò ò sau mấy quả đồi tôi vừa đi ngang qua. “Đến nơi rồi!” Tôi khẽ reo lên một tiếng trong ý nghĩ. Xung quanh tôi, những tiếng gà trưa tiếp tục thi nhau gáy râm ran trong cái thung lũng vắng. Tôi nhanh nhẹn rẽ vào con đường sỏi son, hung hung đỏ, con đường óng ả vắt qua một bãi cỏ rộng, đến cái cổng tre nho nhỏ thấp thoáng sau ngôi miếu lợp rạ và gốc đa cổ thụ.

\*

\* \*

Tôi xăm xăm bước vào đến giữa sân thì đứng lại. Tim tôi càng đập mạnh. Sao lại vắng vẻ, tan hoang đến như thế này? Bà chủ nhà mau mồm mau miệng và lũ con của bà đi đâu cả rồi?

Tôi rụt rè bước lên mấy bước. Xung quanh tôi vắng lặng như tờ. Trên vòm cao, tiếng gió rì rào trên những ngọn tre như tiếng người đang nói chuyện thầm thì. Mấy gian nhà trên cửa đóng im ỉm. Mấy gian nhà ngang mà vợ chồng con cái tôi đã ở trước kia, thì một bên mái đổ gục xuống. Và mãi trong cùng một xó tường tối mờ mờ, tôi thấy một cái giường tre cũ mọt, ọp ẹp bị bên mái nhà đổ đè lên bẹp gãy rúm ró trên nền đất rêu ẩm. Cái giường của nhà tôi khi về để lại cho dì tôi đây.

Ngực tôi tức nặng như có tảng đá đè lên. Sao lại thế này nhỉ? Mấy năm hòa bình, đâu đâu người ta cũng sửa sang, xây dựng lại chỗ ăn, chỗ ở cho gọn gàng, sạch sẽ, sao ở đây lại tan hoang như có chuyện gì không hay xảy ra? Bốn phía xung quanh tôi, tre gai

và cỏ rậm mọc đầy trên sân, trên các bờ tường và cái nền bếp bỏ trống. Rõ ràng là trên mảnh đất này không còn có người ở nữa rồi. Tôi bối rối nhìn ra bốn phía xung quanh và gào lên:

- Trong xóm có ai cho tôi hỏi thăm mấy!

Tôi nghe rõ từng tiếng của tôi gào lên và mắt hút đi. Tôi ngửa cổ gào luôn mấy lần như thế nữa:

- Trong xóm có ai cho tôi hỏi thăm mà...ấy!

- Trong xóm có ai cho tôi hỏi thăm mà...ấy!

Ở cuối sân, chỗ có mảnh tường đổ, tôi bỗng nghe có tiếng một con chó con sủa lên nhanh nhách. Tiếng chó xô vào, lùi ra, lại có tiếng trẻ con cười khúc kha khúc khích. Tôi xóc lại cái ba lô, bước vội về phía ấy. Sau mảng tường đổ có bốn năm cái mặt trẻ con đen đui, nhếch nhác đang thập thò nhìn vào. Lũ trẻ thấy tôi ra, đứa lớn công đứa bé, chạy tít mãi ra ngoài đầu đường.

Tôi bước qua mảnh tường đổ gọi:

- Các em ơi! Lại đây anh hỏi thăm một tí!

Lũ trẻ vẫn đứng im sau rặng tre thưa ngoái cổ nhìn lại. Tôi thấy chúng nó nói gì nhỏ nhỏ với nhau rồi cười rả rích với nhau. Xem chừng không phải chúng nó sợ tôi, cũng không phải chúng nó có ý trêu tôi, nhưng hề tôi mon men đến gần, chúng nó lại đứa lớn công đứa bé chạy tít mãi ra xa, đứng quay đầu nhìn lại. Có mà giờ biết tính nết trẻ con ra làm sao! Tôi bực quá, nhưng vẫn cứ phải ngọt ngào:

- Các em ơi! Lại đây anh nhờ tí nào!

Tôi nói như van chúng nó. Lũ trẻ vẫn không chịu để tôi lại gần. Giữa lúc ấy, từ cuối trại, có một chú bé

## Vợ nhặt

chừng độ mười hai, mười ba tuổi đi ra. Chú bé đi, cái lưng rất thẳng, nghiêm chỉnh, đỉnh đạc như người lớn. Điều làm cho tôi vui mừng là trên cổ em thắt chiếc khăn quàng đỏ chói. Tôi hấp tấp chạy lên, gọi em:

- Em ơi! Cho anh hỏi thăm một cái!

Em bé quàng khăn đỏ thông thả đi lại phía tôi. Em vẫn giữ cái dáng nghiêm chỉnh, chững chạc như người lớn. Em bé mặc chiếc áo sơ mi màu lơ nhạt, vai khoác túi sách bằng vải xanh công nhân, quần tây nâu gụ xắn lên mấy gấu, đi chân đất. Nom em sạch sẽ và đứng đắn khác hẳn mấy đứa nhếch nhác, bẩn thỉu khi này.

- Chào anh ạ!

Chú bé lễ phép chào tôi. Lũ trẻ ban nãy đã lại công nhau đều đều theo sau chú bé đến gần tôi, tranh nhau chào theo rồi rít:

- Chào anh ạ...

- Em chào anh ạ...

Chào xong, chúng nó đứng dạt sang một bên, giương mắt nhìn tôi. Tôi bật cười, chào lại:

- Không dám, chào các em. - Tôi quay ra hỏi chú bé quàng khăn đỏ. - Em này, nhà bà cụ Chính trước kia ở đây, bây giờ ở đâu rồi? Cái nhà bỏ hoang không ai ở nữa à?

- Vâng, bỏ lâu rồi anh ạ. - Chú bé trả lời - Bà cụ Chính bây giờ ở ngoài đồi cơ.

Tôi lạ lùng không hiểu:

- Sao lại không ở đây nữa nhỉ? Sao lại ra ngoài đồi hả em?

Chú bé nhìn tôi tủm tỉm cười. Cái cười có vẻ như muốn hỏi tôi sao lại cứ hỏi lục vấn em mãi thế. Và em trả lời nhanh nhẩu, rành rọt như một tay am hiểu, thành thạo việc này:

- Tại vì thế này anh ạ. Ngày kháng chiến ấy mà, máy bay nó bắn vào trại này mấy bận, vì thế người ta mới làm nhà ra ngoài đồi ở. Không phải có một mình bà cụ Chính đâu. Trại này khối người làm nhà ra ngoài đồi anh ạ. Ở ngoài ấy rộng, có đất tăng gia thành ra bây giờ người ta không dọn nhà về nữa.

- À... ra thế!

Tôi gật đầu vờ lẽ. Thì ra đến cái trại nhỏ bé, hẻo lánh tận trong khe núi này máy bay giặc nó cũng không từ. Em bé quàng khăn đỏ hỏi lại tôi:

- Anh hỏi gì bà cụ Chính đấy? Anh quen bà cụ Chính à?

-Ừ. - Tôi gật đầu trả lời em bé. - Ngày kháng chiến gia đình anh tản cư ở nhà bà cụ Chính. À, em này, em có biết mẹ con bà Bản vẫn ở nhà bà cụ Chính bây giờ đâu không?

- Bà Bản nào nhĩ?... Ở đây không có ai tên là bà Bản anh ạ.

Chú bé mím chặt môi và nhúu đôi lông mày thưa, nhặt lại, có vẻ đang cố gắng lục tìm trong trí nhớ xem trong trại có ai tên là bà Bản để trả lời tôi. Bấy giờ tôi mới chú ý đến cái vẻ nghiêm trang đứng đắn và giọng chào hỏi lễ phép có phần không hợp lắm với khổ người và gương mặt còn mơn mớn lông tơ của em. Tuy vậy tôi vẫn thấy em ngoan ngoãn dễ thương. Nhìn em, nhìn đôi bàn tay đen đũi, nứt nẻ của em, tôi thấy ngay

## Vợ nhặt

em là một đứa trẻ vắt vả, có vẻ như em vừa đi bắt cua hay tát nước ở ngoài đồng về. Cái áo sơ mi màu lơ nhạt và cái quần tây gụ thẳng thớm, sạch sẽ có lẽ em chỉ mặc khi khoác túi sách đến trường. Những ý nghĩ ấy làm tôi gần gũi và yêu em bé lạ.

- Bà Bản?... Quái nhỉ, ở đây làm gì có ai là bà Bản nhỉ?

Chú bé lăm lăm tự hỏi. Tôi gợi ý cho em thêm:

- Bà Bản trước ở cái nhà bếp bà cụ Chính ấy mà. Cái bà có đứa con gái gầy gầy, xanh xanh có cái nốt ruồi ở môi này ấy mà.

- À, bà Sen! - Em bé reo lên một tiếng vui sướng.

- Có phải cái bà người bủng bủng về sau lấy ông Mạc chứ gì?

Tôi gật đầu cười:

- Đúng! Đúng... Đúng bà Sen rồi!

Tôi nhớ ra ở đây người ta quen gọi bố, mẹ bằng tên đứa con đầu lòng. Tôi hỏi em thêm:

- Thế em có biết nhà bà Sen ở đâu không? Em chỉ lối cho anh với.

- Bà ấy chết rồi! Chết đã mấy năm rồi lại còn...

- Chết rồi?...

Tôi choáng người kêu lên. Có lẽ nào lại như thế được. Tôi không còn dám tin những lời em bé nói nữa. Cái tin đến với tôi đột ngột quá, tàn nhẫn quá. Cổ tôi nghẹn đau lại, nước nở như muốn khóc.

Đi tôi bao nhiêu năm giờ sống ngậm ngập ở trong cái trại hẻo lánh, xa xôi này với đứa con gái nhỏ, họ

hàng thân thích chẳng có ai. Bao nhiêu năm giờ được ngày cháu lên thăm, di lại chết rồi!

- Bà Bản chết rồi à? Có thật chết rồi không em?

Tôi hỏi dồn chú bé mấy câu, em chỉ đứng im nhìn tôi không trả lời. Những đứa trẻ đứng xúm xung quanh cũng không thấy chúng xì xào, rúc rích nữa. Tôi hiểu sự im lặng ấy là như thế nào. Tôi cắn chặt môi lại, thở dài, lúc lâu tôi quay lại khế bảo chú bé quàng khăn đỏ:

- Thôi thế bây giờ em chỉ lối cho anh đến nhà ông Mạc vậy nhé.

- Vâng.

Chú bé gật đầu, lẳng lặng đi trước. Tôi theo em và lũ trẻ lại công nhau đều đều đi theo chúng tôi. Ra khỏi trại Han, chúng tôi đi tắt qua mấy đồi sắn, đến một lối nhỏ rẽ vào trong núi, em bé đứng lại, giơ tay trở ra phía trước, bảo tôi:

- Bây giờ anh đi thế này nhá.

Tôi bước dần lên mấy bước đến gần em, nhìn theo cái bàn tay nhỏ bé của em đưa đi, đưa lại chỉ lối:

- Bây giờ anh đi men qua mấy quả đồi này, đến tràn ruộng mới gặt kia thì anh rẽ sang dãy đồi bên trái. Ở đấy có bốn năm cái nhà liên nhau, anh cứ đi hết dãy nhà ấy, qua mấy thửa ruộng nữa thì anh trông thấy một cái nhà không có cây cối gì cả, ở riêng một mình một quả đồi, đấy là nhà ông Mạc đấy.

Tôi cảm ơn em và cầm đầu đi nhanh vào khe núi. Đầu óc tôi bừng bừng như lửa đốt. Di tôi chết rồi? Có thật di tôi chết rồi không? Tôi không thể tin những lời nói vu vơ của một em bé ở giữa đường được! Tôi không

## Vợ nhặt

thể tin lại có sự chua xót vô lý đến như thế được. Nhưng tôi cũng không dám không tin những lời em bé ấy nói.

Dì ơi! Hôm nay cháu lên thăm dì đây. Bọc quần áo mẹ cháu gửi lên cho dì vẫn nằm trong ba lô cháu đeo đây. Tôi nghĩ đến mẹ tôi. Nghĩ đến cái buổi sáng tôi ra tàu, mẹ tôi sụt sịt dúm bọc quần áo vào tay tôi và cái bóng bé nhỏ của mẹ đứng im lìm giữa đường phố vắng nhìn theo.

Dì Bản là em út mẹ tôi. Một người em xấu xí và hẩm hiu nhất. Cuộc đời dì, tôi thấy hình như dì không có được một lần may mắn nào. Tôi cũng không thấy lần nào dì tôi mặc được một bộ quần áo mới nữa. Ông bà ngoại tôi chết đi thì dì bỏ quê lên ở với mẹ tôi. Thật ra dì cũng đi làm thuê, làm mướn lấy miếng mà ăn, chứ dì cũng chẳng phải nhờ vả mẹ tôi. Nhưng dì vẫn cứ phải sống bên mẹ tôi. Ông bà ngoại tôi chết đi, các con thất tán lưu lạc mỗi người một phương, còn lại hai chị em, dì phải sống nương tựa vào sự chỉ dẫn và cái tình máu mủ, ruột thịt của mẹ tôi.

Dì ở nhà tôi rất lâu, nhưng bây giờ, mỗi lần nghĩ về dì, thật tôi không nhớ ra được một nét gì rõ rệt. Dì là một người đàn bà nghèo khổ, vụng về và yên phận. Dì sống bên mẹ tôi thui thui, lặng lẽ như một cái bóng, sống như người không có mặt ở cõi đời, không thấy có những mơ ước, háo hức gì, cũng không thấy giận ai, ghét ai...

Giữa năm đói 1944, 1945 người chết như ngã rạ khắp chợ khắp đồng thì dì lấy được một người chồng. Một anh chàng ốm đói không biết từ đâu xiêu bạt đến

làng tôi xin ăn. Mẹ tôi giận lắm, đuổi đi; vợ chồng dì phải đưa nhau đến ở trong một cái điểm canh cuối làng. Người chồng ấy sau này vào đội du kích làng tôi và bị giặc bắn chết ngay trận càn quét đầu tiên vào làng. Chồng chết, dì lại ôm con tản cư theo mẹ tôi, cuối cùng dì ở hẳn lại trong cái trại Han bé nhỏ, hẻo lánh này...

Tôi đã đi hết rẻo đồi bên trái và tắt nhanh qua tràn ruộng mới gặt. Mặt trời đã khuất sau mấy quả đồi rậm rạp trước mặt, ánh nắng ban chiều luồn trong những khe thung lũng hẹp chiếu vào bãi sau sau rụng lá vàng rực. Ngôi nhà của ông Mạc đã hiện ra trước mắt tôi, đìu hiu, quanh vắng trên một sườn đồi. Nhìn ngôi nhà ấy, tôi tưởng như có bóng dì tôi vẫn đứng ở sau khuôn cửa liếp tối kia chờ tôi, lâu lắm...

\*

\* \*

Vừa đẩy tấm phen liếp bước vào trong nhà, chợt thấy người đàn ông ngồi đấy, tôi bỗng giật mình và có ý muốn lui trở ra. Tôi đoán người đàn ông ấy là ông Mạc, nhưng không hiểu sao tôi vẫn có cảm giác chần chừ, ngại ngại muốn lui trở ra?

Có lẽ vì mấy gian nhà lạnh lẽo, trống trải quá mà ông ta thì ngồi lìm lìm một mình trên chiếc giường tre kê giữa nhà, ngay lối cửa tôi vừa chợt bước chân vào? Có lẽ vì cái vẻ cục súc dữ tợn của ông? Có lẽ vì hai con mắt đỏ đục ngầu ngầu ông nhìn tôi cứ thấy ánh lên những tia sáng nhọn hoắt, hằn học, khó chịu? Cũng có lẽ vì cái vẻ đau khổ chìm lịm đang đeo trên

## Vợ nhất

người ông, trên từng mỗi nếp răn khía sâu trên mặt ông, trong ánh mắt ông nhìn và trong cái vẻ hờn giận vô cớ của ông nữa. Một nỗi đau khổ chìm lặng khó hiểu bao phủ lấy người ông.

Có lẽ có tất cả những điều tôi nhận thấy. Nhưng tất cả những điều ấy tôi vẫn thấy là chưa đúng. Điều mà khiến tôi chỉ vừa mới chợt nhìn thấy ông đã muốn quay trở ra, đã thấy chần chợn, ngại ngại hình như còn những gì bí ẩn mà tôi chưa tìm được.

Ông ta là một người lùn thấp và to lớn bè bè như cái cối xay. Cả người ông như bị một sức nặng gì đè cho lún xuống mà ông thì lúc nào cũng đang lấy hết gân sức mình đội cái sức nặng vô hình ấy lên. Tất cả những bắp thịt trên người, trên mặt, trên vai, trên cổ đều nổi u lên từng cục và đang lặng lẽ di chuyển dưới lớp da đỏ cháy như đồng tụ. Ông ta chừng độ ngoài năm mươi tuổi; mặt ngấn, trán ngấn, bàn chân, bàn tay đều to ngấn, nứt nẻ, sần sùi như những cành củi gộc.

Khi tôi bước chân vào, ông vẫn ngồi bó gối trên giường, lưng và vai gù hẳn xuống. Đầu và cổ thì rụt vào trong vai. Cả người ông đều xù ra như con gấu ngồi thu hình, bần bật trong cái vắng lặng của mấy gian nhà, chỉ có hai con mắt chìa ra là thấy sáng lóng lánh. Tôi bước vào đến giữa nhà, ông vẫn ngồi yên không động dậy.

Tôi bỗng đâm ra lúng túng không biết nên như thế nào? Không biết rằng nên ở lại, hay quay trở ra?...

- Bác... hỏi... gì...ì?...

Máy tiếng ô ề, rồi rạc từ cái khối người vẫn ngồi im lìm trên chiếc giường tre kia phát ra nặng nhọc, xa xôi nghe như không phải tiếng người, như ở tự một nơi nào vắng đến.

Tôi đứng ngây ra một lúc lâu mới chợt nhận ra những tiếng ấy hỏi mình. Tôi áp ứng trả lời:

- Cháu, cháu là... Tôi là Hiền, tôi là cháu bà Bản...

Hai con mắt đỏ đẫm và nhọn hoắt của ông bấy giờ mới chĩa về phía tôi, dừng lại trên người tôi.

- Tôi... tôi ở Hà Nội lên thăm. Tôi là cháu gọi bà Bản bằng dì...

Cái khối người vẫn không nhúc nhích.

- Bà Bản... chết... rồi...

Máy tiếng buông ra rồi rạc. Tôi bỗng lạnh rớn cả người. Dì tôi, thôi thế là chết thật rồi. Nhưng sao người chồng của dì lại có thể hồ hững, lạnh nhạt đến như thế được? Báo tin vợ chết cho một người thân mà tôi thấy mặt ông không có một nét gì thay đổi. Cái khuôn mặt vuông ngấn, gồ ghề những thớ thịt và những nếp răn khía sâu xếp chồng lên nhau vẫn im lìm như tạc vào miếng gỗ lim.

Lát sau, ông chống gối lưng lững đứng dậy; ông chẳng nói chẳng rằng, với con dao rừng vỏ gỗ treo trên cột xuống, buộc vào ngang thắt lưng, rồi lưng lững đi ra lối cửa sau.

- Ở... đây... ăn cơm... chứ?!...

Đến gần bậc cửa, ông bỗng quay lại, đứng im, chĩa hai con mắt sáng lóng lánh về phía tôi và dần từng tiếng như vậy. Biết rằng không thể không nhận lời

## Vợ nhặt

được, tôi lẳng lẳng tháo chiếc ba lô trên vai xuống, đặt lên giường.

- Cái... Sen... nó cũng... sắp... về... đấy!

Ông nói thêm một câu nữa rồi mới nháp nhồm quay đi.

Nắng buổi chiều vàng rực trong khuôn cửa sau, kéo một vệt sáng chói lọi vào đến giữa nhà. Cái nắng đang rực lên trước khi tàn lụi, sáng một cách gay gắt và dữ dội như lửa trong một cái lò nung gạch. Ông chồng dì tôi khập khiễng đi vào cái khuôn sáng ấy. Bóng ông to, thấp bè bè, ông đi, cái lưng gù càng gù lên, đầu rụt vào trong vai, con dao rừng vỏ gỗ đeo bên sườn khê kêu lách cách...

"A!..." Tôi vừa sực nhớ ra điều gì... Cái lưng gù gù và con dao rừng vỏ gỗ ấy gợi cho tôi nhớ ra những điều gì vẫn ẩn sâu trong ký ức tôi, gần gũi và quen thuộc quá. Tôi tưởng chỉ trong một thoáng giây tôi sẽ nhớ ra hết những điều tôi đang áy náy về cái ông chồng kỳ quặc của dì tôi kia. Nhưng khi tôi bắt đầu dừng lại để suy nghĩ thì tất cả những điều tôi vừa mong manh thấy được phút chốc đều biến hết. Trí nhớ tôi trở lại mù mịt như một lớp sương dày.

"... Ông Mạc?... Ông Mạc?...". Tôi ngả lưng xuống giường.

Cái giường tre kêu lên những tiếng cọt két nho nhỏ. "...Ông Mạc?... Con dao rừng vỏ gỗ?... Ông Mạc nào nhỉ?...". Tôi nhắc đi, nhắc lại câu nói ấy trong ý nghĩ như cách dỗ dành, ve vuốt, gợi ý cho trí nhớ của tôi.

Mấy gian nhà giữa đôi vế chiều càng vắng lặng. Khí núi bốc ra lạnh thấm. Tôi nằm gối đầu lên chiếc

ba lô nghĩ ngời lan man. Bên ngoài, gió thổi phì phạch trong bụi chuối và lúc lúc lại nghe có tiếng người cười nói ở mấy nhà bên kia đồi đưa sang.

Tôi vẫn chẳng nhớ thêm ra một điều gì. Trên xà nhà, những gùi nếp hương, nếp râu buộc thành từng đám, như kiểu để lúa giống của những người thiếu số, treo san sát vào nhau như một đám lông thú rậm rì căng ra trước mặt tôi. “Nhà này nhiều thóc nếp nhỉ?”. Tôi chợt nghĩ thế, và bấy giờ tôi mới để ý đến sự sung túc của gia đình ông chồng dì tôi này. Nó là sự sung túc của một gia đình nông dân nghèo vừa mới nổi sau vài vụ gặt. Thật ra thì vết tích của sự nghèo khổ, tôi vẫn vẫn chiếm lấy mấy gian nhà. Vẫn những chai lọ sứ mẻ, hàn gấn nằm một lũ dưới chân tường. Vẫn những bị, những dây quần áo rách nát l耑m t耑m như những mớ giẻ lau. Nhà cửa vẫn chống chếnh, lạnh lẽo chẳng có gì mà kê bày. Rút lại chỉ có thóc. Sau vụ gặt hái vừa đoạn, chưa phơi phóng kịp, trong nhà chỗ nào cũng thấy bừa bộn những thóc. Chiếc giường tre bên trái nhà có lối cửa sau xuống bếp dựng lên lấy chỗ đỡ thóc. Thóc treo trên xà nhà, thóc đổ dưới nền đất, thóc đầy căng trong một lá cớt mới, nan còn sáng trắng, thóc dựng trong ba bốn chiếc thúng chồng nhau ở một góc tường. Sự sung túc của gia đình ông chồng dì tôi còn thấy ở một vài thứ lặt vặt mới mua sắm được: đôi chiếu đậu vát trên xà nhà, cái phích nan tre Trung Quốc, bộ cốc thủy tinh đặt trên chiếc đĩa nhôm, cái bàn gỗ tạp đóng l耑y. Tất cả những thứ ấy tuy chẳng đáng mấy đồng tiền nhưng bày biện ở trong mấy gian nhà này đều sáng lên l耑 l耑.

## Vợ nhặt

Còn thì là tranh, ảnh. Tranh ảnh mua ở hiệu sách về, cất ở trong các tờ họa báo ra dán la liệt trên mấy mặt tường trình sỏi đỏ. Hình những cô gái tóc tết bím mặc áo bông hoa, ngồi trên máy cày quay lại tươi cười vẫy ai giữa cánh đồng rộng bát ngát. Những cô văn công hồng hào, múa lượn trên đôi bốt đỏ, tung những chiếc váy sặc sỡ bay tròn xoe như những bông hoa. Những anh bộ đội biên phòng cười ngựa đeo súng đứng cười hiên ngang giữa vùng rừng núi hiểm trở. Những cảnh đánh cá ra khơi. Những cảnh làm phân, chống hạn. Đêm đốt pháo hoa trên Tháp Rùa. Mấy chị công nhân mỏ lực lưỡng xách cuốc lên từng. Cô gái Mèo cầm dù ngồi học trên tảng đá, v.v... Bao nhiêu nét sinh hoạt mới của cuộc sống, bao nhiêu cảnh đẹp trên đất nước ta, đất nước bạn đều được tập trung lên mấy mảnh tường xù xì ấy một cách hơi nhiều, hơi tham lam, lộn xộn. Giữa đám tranh ảnh sặc sỡ, tôi còn thấy có Kirien cô mặc áo lụa hoa dài, đội nón bài thơ nghiêng mặt cười và Gagarin, anh hùng phi công vũ trụ, hồng hào, tươi trẻ.

Những tờ tranh ảnh làm sáng sủa, từng bừng cả mấy gian nhà hẻo lánh trong cái khe núi này, và làm bớt sự heo hút cổ lỗ cho những người đang sống ở đây. Nhưng, nhìn những tờ tranh, những bức ảnh ấy tôi vẫn thấy có cái gì không hợp với ông Mặc lắm lì, thô lỗ này một chút nào. Người như ông, tôi nghĩ có lẽ không bao giờ ông nghĩ đến chuyện trang hoàng. Những tờ tranh, ảnh treo ở đây tuy có lộn xộn, hơi nhiều, nhưng dẫu sao cũng vẫn thấy được những hào hứng của tuổi trẻ.

Tôi nghĩ đến đứa em gái, con dì tôi. Con bé năm nay cũng đến mười lăm, mười sáu tuổi rồi. Đang tuổi dậy thì, nhưng nghĩ đến nó, tôi chỉ thấy được trong ký ức tôi một đứa trẻ gầy còm, bần thiêu, một đứa trẻ luôn luôn sợ sệt, nép vào lưng mẹ, hoặc ngồi lủi thủi một mình dưới những chân tường, những chân đồng rơm và các xó xỉnh ít người để ý đến. Tôi không thể tin con bé em khốn khổ ấy lại treo được những tờ tranh ảnh rực rỡ thế kia lên tường! Lại còn dựng nó! Liệu cái ông chú dựng ấy có để cho nó treo không?

Tôi chợt nhìn thấy một cái hòm gỗ đen đui kê khuất sau một góc tường. Người tôi bỗng dội lên một nỗi vui sướng xen lẫn với những ngậm ngùi, thương xót khó hiểu. Giống như mỗi khi gặp lại một người thân đã cùng mình bao nhiêu năm chia ngọt sẻ bùi, tôi chạy lại bên cái hòm, đưa tay xoa xoa lên mặt, lên mình nó. Cái hòm chân gỗ giồi của tôi! Trong kháng chiến nó đã cùng vợ chồng con cái tôi chịu bao nhiêu phen lận đận, trên thân nó còn mang ba bốn vết đạn thủng sâu hoay hoáy đây. Cái hòm gỗ cũ kỹ này, khi gia đình tôi không ở đây nữa, vợ tôi đã bỏ lại cho dì tôi dùng.

Dì tôi chết rồi, mà cái hòm vẫn còn đây...

Tôi khẽ thở dài đứng lặng bên cái hòm cũ của mình. Trước ngày, mỗi buổi tối trước khi đi ngủ bao giờ vợ tôi cũng lo thu dọn áo quần, nôi xanh, bát đĩa... tất tần tật cái gia sản kháng chiến, tài cư bé nhỏ của mình ấn cả vào trong cái hòm ấy khóa lại. Nhiều đêm, trời rét như cắt da, hòm đã khóa rồi, cả nhà đã lên giường đắp chăn rồi, lúc ấy vợ tôi mới chợt nghĩ đến

## Vợ nhặt

cái hòm. Và khi đã nghĩ đến cái hòm thì, mặc dù biết mười mươi tay mình đã khóa rồi, vợ tôi cũng không bao giờ dám yên tâm tin mình đã khóa. Lúc ấy, vợ tôi lại phải trở dậy, thắp đèn lủng cụng, xít xoa xem xét lại cái hòm...

A! Tôi nhớ ra hết cả rồi! Từ cái hòm chân gỗ giổi của tôi, tôi vụt nhớ ra tất cả những điều tôi vẫn mắc mứu về người chồng này của dì tôi. Như có một ngọn đèn thần rọi sáng vào trong cái trí nhớ còn đang mù mịt của tôi, tôi nhớ ra rất rõ, rất tường tận mọi sự việc đã qua về ông ta. Tôi hiểu vì sao tôi chỉ vừa chợt nhìn thấy ông, tôi đã muốn quay lui trở ra.

Phải rồi, cái hòm chân gỗ giổi của tôi. Nỗi lo lắng của vợ tôi mỗi đêm trước khi đi ngủ. Cái lưng gù gù và con dao rừng vỏ gỗ.

Sự đời lại có thể đến như thế được ư? Dì ơi! Cái chết của dì đã heo hút, thâm đậm đến mực ấy, nhưng đến chồng dì... Chao ôi! Chồng dì, tôi còn thấy thâm đậm tui nhục gấp trăm. Thâm đậm tui nhục hơn cả là cái chết của dì trong xó núi này.

Dì tôi, đời chồng trước đã là một anh ốm đói, ăn mày ăn xin, đi nhặt ở ngoài lều chợ giữa năm đói 1944, 1945 về. Đến đời chồng này của dì lại là một tên lưu manh, một thằng đầu trộm, đuôi cướp!

Không, hẳn không phải là Mạc đâu. Tôi đã nhầm. Mạc là con hán đấy. Tôi đã nhầm như lúc tôi hỏi thăm dì tôi. Ở đây người ta gọi bố mẹ bằng tên con. Hán tên là Mộc. “Lão Mộc gù!”. “Thằng Mộc gù khe đá đỏ!”. Trước ngày người ta đều gọi hán như thế. Người ta nhắc đến tên “Mộc gù” bằng một giọng thì thầm, sợ

sệt tưởng như lúc nào cũng có hấn luẩn quẩn ở đâu đấy mà nghe ngóng.

Ngày ấy hấn là mối đe dọa cho tất cả những gia đình tản cư chúng tôi ở đây. Và cứ mỗi buổi tối, cái hình thù dữ tợn, gớm ghiếc của hấn lại trở thành cái bóng bí mật, nguy hiểm choán lấy ý nghĩ mọi người.

Thật ra tôi cũng chẳng thấy hấn đâm chém ai mà ở đây cũng chẳng ai mất mát gì. Nhưng chuyện về hấn thì người ta xì xầm với nhau rất nhiều. Người ta kể rằng trước kia hấn là một tay chơi đã can án giết người. Rồi vượt tù trốn lên đây. Rằng trước ngày ta cướp chính quyền, hấn đã giết dao đâm chết bố con ông bạ Dưỡng ở cánh đồng Ba Trạc. Rằng hấn đã chém xả vào người vợ của hấn trong một đêm hấn uống rượu say. Cái chân hấn đi khắp khiêng là hấn bị người ta cắt gân về tội gặt trộm lúa. Và bây giờ thường ngày vào rừng đốt than hấn vẫn đi lại với đám người Thổ, người Nùng, có nhẽ là thổ phỉ, ở khe núi Sước...

Người ta còn đồn về hấn rất nhiều. Cả cái trại Han này ngày ấy không ai giao dịch với hấn, thấy hấn từ xa người ta đã rẽ sang lối khác. Mà hấn thì hấn cũng chẳng đi lại chơi bởi với ai. Cái mặt vuông ngấn, gồ ghề những thớ thịt của hấn lúc nào cũng giật giật lên từng hồi như đang tính toán những chuyện gì ghê gớm, và hai con mắt thì đỏ đòng đòng như mắt trâu điên. Hai con mắt mỗi khi chĩa vào ai lại thấy ánh lên những tia sáng hằn học, thêm khát khó hiểu.

Hấn sống một mình với đứa con gái nhỏ trong một túp lều thấp bé, lè tè như cái chuồng hôi ẩn kín giữa

## Vợ nhặt

đám cây cỏ, gai góc rậm rịt, ngoài khe suối đá đỏ. Ngày ngày hẩn công con vào rừng đốt than, tối về bố con hẩn lại chui vào trong đám gai rậm ấy. Trong xóm cũng chẳng ai biết bố con hẩn ăn ở sinh sống ra sao. Cái nhà hẩn ban ngày đi qua người ta còn chờn chợn như nhà có ma, ai còn dám chui vào trong ấy làm gì.

Ngày ấy, trại Han đêm đêm về khuya người ta thường nghe tiếng người quát tháo, chửi bới âm ĩ từ ngoài khe đá Đỏ đưa vào. Người ta biết đấy là tiếng “thằng Mộc gù” đã rượu vào nổi điên. Có hôm rượu vào hẩn khóc. Có hôm rượu vào hẩn lại hát. Hẩn hát hay hẩn khóc, hay là hẩn quát tháo chửi bới thì cũng vậy thôi, nghe vẫn ghê rợn và sâu thẳm như tiếng con chó ngộ tru lên từng hồi dài khi nó sắp chết. Giữa vùng núi đồi vắng quanh này, đêm khuya tiếng hẩn đưa đi rất xa, có lúc nghe vắng vắng như tự trong rừng sâu đưa ra, có lúc lại như ngay ngoài đầu ngõ đưa vào...

Người ta bảo đấy là cái oan hồn của người vợ hẩn hành hẩn đấy. Xung quanh cái chết của vợ hẩn cũng có lắm chuyện khó hiểu. Người ta đồn rằng vợ hẩn chết oan. Người đàn bà đẻ xong, không làm được việc gì cho hẩn, bị hẩn đánh đập nhiều quá, uất hộc máu ra mà chết. Lại có người bảo rằng chị bị đánh đập từ trước, đến lúc đẻ kiệt sức, nghĩ giận chống mồi treo cổ lên xà nhà tự tử. Lại có người bảo rằng vì hẩn say rượu, con khóc vợ không kịp dỗ, hẩn tức mình cầm cái gối gỗ quăng vào giữa mặt vợ, ba ngày sau chị ta mới chết. Những lời đồn đại ngày ấy tôi cũng thấy có nhiều phần quá đáng, nhưng dầu sao thì chắc cũng vì

hắn mà vợ hắn chết. Không có lửa làm sao có khói? Có thể nào người ta mới đồn chứ!

Lúc ấy tôi bỗng thấy giận đi tôi vô cùng. Ngoài năm mươi tuổi đầu rồi còn lấy chồng làm gì cho khổ mình, khổ con. Mà lấy ai thì lấy, sao lại đâm đầu đi lấy cái “thằng Mộc gù” này! Tôi rất áy náy về cái chết của dì tôi, về đứa em gái, con dì đang sống ở đây. Mẹ chết rồi, bỏ con lại cho một người chú dưỡng như thế... Tôi bước nhanh lại phía giường, bồn chồn nhìn ra ngoài núi.

“Phải đón nó về thôi! Phải cho nó về ở với bá. Con gái đang tuổi lớn, không thể để ở đây được!...”

Bên ngoài, bóng đêm đang từ các chân rừng lặng lẽ tỏa ra. Trời thấp và nặng, từng quầng ánh lên như màu thiếc chảy. Trên mấy sườn đồi trọc trước mặt, những con trâu đen trùi trùi nối nhau, đứng đỉnh tản về các trại ấp khuất bên kia thung lũng. Tiếng trẻ gọi bê ghé ạ ời, tiếng những người đi rừng về cười nói líu tíu, tiếng gà lợn kêu đòi ăn, làm xao động cả một vùng đồi núi về chiều.

Từ xa, mãi tít trong khe núi có một đốm lửa vừa nhói lên, lúc bùng to, lúc lại lim dim muốn tắt. Sương xuống dày và khí núi bốc ra buốt lạnh.

- “*Quê em vui, bây giờ vui lắm lắm...*”. Tổ đích cần, tổ biết rồi! Này chốc nữa đi, rủ cánh này nhá! Hả? Cái gì?... Thế à?... Eo ôi, thế thì xấu hổ bỏ bỏ!...

Một dịp cười từ dưới mặt ruộng bay lên. Hai cô học trò tay xách nón trắng, vai đeo túi sách vải hoa nhanh nhẹn bước lên đồi. Cả hai cùng tươi, khỏe và đỏ thắm như quả bồ quân. Không biết họ đang có chuyện gì vui, cứ thấy họ nhìn nhau, lại cười rả rích với nhau.

## Vợ nhặt

Chợt cả đôi cùng đứng dừng lại, nín bật. Họ lặng lẽ đưa mắt nhìn nhau và bùm chặt môi lại nhin cười. Chắc là họ vừa chợt thấy tôi ngồi trong nhà. Thế rồi không ai bảo ai, họ cùng ù té chạy, họ chạy vòng ra lối đầu hồi nhà, vừa chạy vừa phá lên cười như nắc nẻ.

Vừa lúc ấy “lão Mộc gù” cũng vừa lạch xạch bưng mâm bát từ dưới bếp đi lên. Lão ta đứng lại, ngoái cổ ra hỏi:

- Chúng mày đã về học đấy à? Cười cái gì ngoài ấy thế?

Lão ta đặt mâm xuống giường, khập khiễng bước ra ngoài bực cửa.

- Sen!... Lên... chú... bảo!...

Tôi chợt nhận thấy mặt lão ta tái đi và tất cả những thớ thịt trên mặt đều giật giật lên. Lão dặng một tiếng nói tiếp, giọng lão khản đặc lại, vẫn cái giọng rì rì khó nhọc, rồi rạc từng tiếng:

- Có... anh Hiền... ở Hà Nội lên... đón mày về ở với... bá đấy.

Lão cúi gằm mặt xuống, thở ra một tiếng náo ruột, nhấp nhồm nhấc từng bước chân quay vào. Con bé em tôi vừa nghe ông chú dượng nó nói dứt, nó reo lên một tiếng vui sướng, chạy vụt lại phía tôi.

- A! Anh Hiền!... Anh lên bao giờ thế? Bá có khỏe không anh? Gớm anh ngồi trong nhà, chúng em lại cứ nghĩ là ông cụ nào.

Nó líu tíu hỏi tôi một hồi rồi phá lên cười khanh khách.

Tôi dăm dăm nhìn đứa em gái, không nói gì. Nó giống dì tôi quá. Giống đến nỗi lúc mới thoáng nhìn,

suýt nữa tôi phải bật kêu lên. Từ con mắt, cái miệng, cái cằm, khuôn mặt đến những dáng vẻ riêng của con người đều giống di tôi như đúc.

Thế mà thật lạ, tôi lại thấy nó chẳng giống di tôi một chút nào. Tất cả những nét ấy, những dáng vẻ ấy ở di tôi thì đều ủ rũ, tiêu tụy, đều kéo sụp hẳn xuống, thế mà ở nó lại đều tươi hơn hẳn lên, vừa linh hoạt, duyên dáng, lại vừa bạo dạn, lém lỉnh.

Con bé thật chẳng còn giống chút nào với cái hình ảnh gầy yếu, lủi thủi mà tôi vẫn mang trong trí nhớ. Nó lớn phổng hẳn lên, to, khỏe và chắc nịch nịch. Trên cái khuôn mặt mầng tở, hồng hào của nó tôi không thấy dấu tích của sự đau khổ, tủ nhục ở một đứa trẻ mồ côi; mà trái lại ở nó, tôi chỉ thấy cái háo hức, vui tin tràn đầy trong khóe mắt, tiếng cười, tiếng nói.

- Em, em vẫn định viết thư về cho bá với anh chị đấy. Cơ mà chẳng biết địa chỉ ở đâu. Các cháu ngoan chứ anh? Anh được mấy cháu rồi?... Bấy rồi! Leo ơi, sao mà dễ lắm thế!

Nó bưng miệng cười.

Trong lúc đứa em gái tôi cười nói riu rít với tôi, tôi thấy rõ ràng ông chú dượng của nó đang chú ý lắng nghe. Ông ta thở dốc từng hồi ò ề, hình như ông đang theo dõi chúng tôi. Đứa em gái tôi, nó chẳng để ý gì đến sự ấy. Nó vẫn cười cười, nói nói vui như tết.

- Thế nào em cũng đi Hà Nội chơi. Em với cái Mạc vẫn bảo nhau đến mừng hai tháng chín này hai đứa chúng em ra Hà Nội... Ô, Hà Nội thì vui lắm anh nhỉ? Thấy bảo ở tổng hợp bách hóa có chị phụ nữ bằng đất

## Vợ nhặt

ăn mặc y người thật có phải không anh?... Bá với anh chị ở ngoài ấy biết tin u em mất tự bao giờ thế?

Mặt nó chợt đỏ bừng lên, nó cúi vội xuống, chớp chớp mắt. Cổ tôi nghẹn lại, tôi thở dài ngậm ngùi bảo nó:

- Không. Bá với anh có biết gì đâu. Hôm anh lên, bá còn gửi lên cho u với em bọc quần áo đây. Cả áo bông của u với khăn quàng của em đây.

Đứa em gái tôi đặt tay lên bọc quần áo tôi vừa đưa cho, nó cười buồn:

- Rõ chán bá quá. Người chết đã hai năm rồi còn gửi quần áo...

Một giọt nước mắt rơi nhanh trên má đứa em gái tôi. Nó vội cắn chặt môi lại, quay phắt mặt đi. Lát sau chợt nó lại đứng phắt lên, lau nước mắt cười. Cái cười tấm tức, phụng phịu như thể làm nũng với mình, trách mình sao lại mau nước mắt!

- À thôi, em phải bắc cơm lên anh ăn chẳng muộn. Rõ chán quá!...

Nó bật cười thành tiếng, chạy vụt xuống bếp.

Bấy giờ tôi mới thấy “lão Mộc gù” từ trong góc tối nhấp nhô đi ra. Lão ta thở ề ề một tiếng, lẳng lẳng đặt chai rượu đầy bên chiếc mâm gỗ đã lóc sơn.

- Rõ thật trẻ con! Khóc đấy lại cười ngay đấy được! Cái Mạc đâu rồi, thấp đèn lên cho sáng, con!

Tôi chợt thấy giọng nói của ông ta ngọt ngào, thuần dịu hẳn đi. Không hiểu vì nói với đứa con gái của ông, hay vì sắp sửa uống rượu mà ông ta bỗng sinh ngọt ngào như vậy? Từ lúc bước chân vào đây tôi thấy có nhiều điều trái ngược rất khó hiểu - Cái “lão Mộc gù”

cục súc, dữ tợn khét tiếng này, có hai cô con gái về nhà xem ra lại thuần đi rất nhiều. Và đứa em gái mồ côi của tôi ở đây, tôi cứ tưởng nó phải chịu cảnh đầy đọa khổ sở rách rưới lắm thì phải, trái lại nó to, khỏe và sồn sồn như con sáo. Nó chẳng có vẻ gì khép nép, sợ hãi ông chú dượng của nó.

Thế thì cái “lão Mộc gù” này thật là người như thế nào? Và di tôi lấy “lão ta” có phải là điều đáng buồn không?

Đứa em gái tôi đã nhanh nhẩu bắc nồi cơm ở dưới bếp lên. Cô bé con ông Mộc cũng vừa thấp xong ngọn đèn. Mấy gian nhà bừng sáng lên. Những tranh ảnh sắc sỡ trên mấy mặt tường cùng một lúc đều như từ trong bóng tối nhô ra, bao quanh lấy cái gia đình nhỏ bé, heo hút này.

Ông Mộc chúi vội hai bàn chân nứt nẻ đen đũi, to như hai cái bàn cuốc vào chiếc chổi lúa dựng dưới chân cột, bước lên giường.

- Thôi, nào... Bỏ dép ra anh! Cái Sen, cái Mạc! Chúng mày ngồi cả lên đây ăn một thể.

Ông nghiêng chai ông ọc rót đầy hai chén vại, hỉ hả:

- Nào, anh!...

Hai cô bé nhìn trộm nhau, nhìn trộm chúng tôi mời mọc nhau, vội giấu miệng vào trong vai cười khúc kha khúc khích.

\*

\* \*

## Vợ nhặt

Hóa ra ông Mộc cũng không phải là người dữ tợn, ghê gớm gì. Ông cũng chẳng phải là một thằng đầu trộm, đuôi cướp đã từng can án giết người như người ta vẫn đồn đại về ông trước kia.

Ông là một người đau khổ. Gần hết một đời người ông chịu đeo cái tiếng là một thằng ngỗ nghịch, bị xóm làng hắt hủi, ghê sợ lại chính là tự người vợ của ông trước kia gây ra. Trong một cơn nóng giận mù quáng, người vợ đã vu vạ, đổ vấy cho người chồng cái tai tiếng ghê gớm không thể sao gỡ được.

Đêm khuya, bữa rượu đã uống xong từ lâu. Hai cô bé nhà này đi tập chèo từ tối vẫn chưa về. Vừa ăn được vài bát, nghe bạn gọi đánh ới một tiếng đã vội vã buông đũa, buông bát đi rồi.

Trong nhà chỉ còn có tôi ngồi đối diện với ông Mộc bên ngọn đèn. Đêm tối chìm lịm đi. Cái bóng gù gù của ông in lên mặt tường sỏi một mảng đen to tướng. Ông Mộc ngừng nói đã lâu, nhưng câu chuyện đời ông vẫn rì rầm nổi lên trong tâm trí tôi.

Ông Mộc vốn không phải người ở đây. Cả vùng trại Han, Suối Lửa, đồng Cây, tổ Rắn, Ma Linh, kẽm Hút này không một ai thật là người quê hương bản quán ở đây. Xưa kia vùng này là rừng rậm, đồi hoang; chỉ có hươu nai, rắn rết, cây cáo ở. Những năm mất mùa đói kém, những lệ ngạch hương ẩm nặng nề, những năm lụt, những năm bão, những vụ thuế, v.v... Tất cả những cái đó đã làm cho người nông dân vùng xuôi không thể sống nổi trên mảnh đất quê hương của mình. Họ xiêu dạt lên những vùng bán sơn địa này phá rừng, vỡ bãi, nửa sống bằng nghề làm ruộng, nửa

sống bằng nghề sơn tràng, luồn rừng đốt than, lấy nâu, lấy vỏ... Lâu dần, những người tứ chiếng ấy tụ họp nhau lại thành những chòm trại, ấp nhái ở lẻ tẻ bên những sườn đồi, sườn núi hẻo lánh, bám quanh lấy cái rừng mà sống.

Vợ chồng ông Mộc đưa nhau lên đất này làm ăn từ ngày trại Han mới lèo tèo có vài ba bếp ở lẫn trong cỏ. Vợ chồng ngày ấy đều vào làm thuê cho nhà ông bà Dưỡng bên làng Vâu. Chồng ở cày mùa. Vợ đi cấy, tát nước, gánh phân, làm cỏ và trông nom mấy chục đống ong mật. Nhà ông bà Dưỡng thì quanh năm làm không hết việc.

Vợ chồng ông Mộc bấy giờ còn ít tuổi, anh em bạn cày gọi là vợ chồng anh đỏ Mộc. Chị đỏ Mộc đang ở cảnh đói khổ, được vào chỗ có cơm ăn, việc làm, mỗi ngày cứ một phây phây ra. Mặt lúc nào cũng đỏ dừ như người say giàu thuốc. Mắt đưa sáng loáng mà lại cứ hay toe toét cười. Đi đâu thì chạy ùng ùng như ma đuổi. Vừa chạy vừa ngoái lại đằng sau như sợ có ai nhìn. Thằng con giai thứ ba nhà bà Dưỡng thấy thế, nó tán tỉnh, thí đồ chị ta. Thế là hai đứa phải lòng nhau.

Anh đỏ Mộc biết chuyện, anh khổ tâm lắm lắm. Năm lần, bảy lượt, anh khuyên bảo vợ anh mà không được. Khổ một nỗi là chị ta lại mê thằng kia quá mất rồi, không mấy đêm cô ả không tìm cách lừa chồng trốn đi với giai. Một đêm anh đỏ Mộc biết chúng nó đưa nhau ra bãi cây sau sau ngoài cánh đồng Ba Trạc. Anh xách con dao rừng đi liền.

## Vợ nhất

Trong đêm tối anh nghe rõ tiếng đứa con gái cười rúc ra rúc rích và tiếng thằng đàn ông ào ào như tiếng ma trong bụi cỏ. Anh đỏ Mặt giận sôi người lên. Dưới gốc cây sau sau anh đã nhìn thấy cái lưng thằng đàn ông... Rõ ràng anh nhằm cái lưng thằng đàn ông chém xả xuống một nhát dao, thế mà... Thật chẳng còn hiểu ra sao cả (đến bây giờ ngồi kể lại chuyện cũ cho tôi nghe, ông Mộc vẫn chẳng hiểu ra sao). Thằng đàn ông thì nó chạy mất, mà lưỡi dao của anh đỏ Mặt lại chém xả vào vai vợ!

Ấy sự thể đầu đuôi chỉ có vậy. Chỉ có một nhát dao chém trượt ấy mà anh đỏ Mặt đeo cái tiếng là một thằng đầu trộm đuôi cướp gần hết đời người.

Thằng con giai nhà bà Dưỡng sau cái đêm chết hụt ấy không còn dám bén mảng vào đất trại Han này nữa. Nó sợ. Nó là thằng con giai nhà giàu, thấy gái thì chơi, nó thiết gì đứa con gái nghèo khổ, có chồng ấy.

Nhưng chị đỏ Mặt vẫn ngày đêm thương nhớ nhân tình. Chị khóc lóc, chửi bới, chị đi kể xấu với mọi người rằng anh là cái đứa vũ phu, là quân giết người. Anh đỏ Mặt chỉ cần rằng lại chịu nhịn. Sau một cơn ghen tuông khủng khiếp, có lẽ trong lòng anh còn hoảng sợ. Và, thật ra cái anh đỏ cục mịch đáng thương ấy cũng còn đang say mê vợ mình lắm lắm.

Anh đỏ Mặt nát ruột nát gan, không hiểu sao lúc ấy anh lại càng thấy thương yêu vợ mình. Anh nghĩ chẳng qua là vợ anh nó dại, nó cả nghe người. Với lại, vợ chồng ăn ở với nhau bằng ấy năm giờ, đem nhau từ quê lên đây làm ăn, không nhẽ mỗi lúc bỏ nhau? Mà anh, thì anh biết anh không bỏ được chị ta. Anh

say mê chị ta quá. Thôi thì, vợ mình trước sau vẫn là vợ mình, bởi xấu nhau ra làm gì cho thêm tan nát!

Lâu rồi vợ chồng anh đở Mộc cũng lành với nhau. Nó như nhát dao anh chém nhầm phải vai vợ lâu rồi cũng liền dấu. Chị vợ sau cái lần đại đột ấy cũng nghĩ lại. Chị rất mực thương yêu chồng, nể chồng. Nhưng đến lúc ấy thì cái tiếng anh đở Mộc là thằng đầu trộm đuôi cướp đã ngấm ngấm lan ra khắp vùng tự lúc nào rồi.

Ngày ấy vợ chồng anh đở còn ít tuổi. Những lời xì xầm ấy đôi khi có đến tai anh, anh cũng xem thường, bỏ qua đi, còn chị vợ, chị cũng chẳng biết ăn nói như thế nào, việc đã trót ra như thế, chị như người há miệng mắc quai. Biết rằng vì mình mà chồng mắc phải tiếng oan, chị cũng đành im đi. Chị nghĩ lâu ngày rồi chuyện gì rồi cũng phải nhạt.

Thế nhưng từ ngày chị vợ chết đi, mà ông Mộc thì mỗi tuổi mỗi già và đứa con gái cũng mỗi năm mỗi lớn. Cái tuổi về già và cái tuổi đang lớn lên, cả hai đều là lứa tuổi đang cần có bạn. Đến lúc ấy bố con ông Mộc mới thấy bơ vơ, trơ trọi. Nhưng đến lúc ấy thì cái tai tiếng của ông Mộc ăn sâu quá rồi, không thể sao gỡ kịp được nữa.

Ông Mộc bỗng quay lại nhìn tôi, khế rít lên. Tiếng ông khế rền rĩ, đau đớn như chính ông bị nhát dao trước kia bập vào xương thịt mình:

- Ngày ấy không có đứa con thì tôi cũng muốn chết quách cho rồi anh ạ. Thương nó, mình phải sống mà nuôi nó. Đêm đêm, ngồi uống rượu một mình, nhìn đứa con ngủ lăn ngủ lóc trên cái ổ lá khô ngoài bờ

## Vợ nhặt

suối, tôi chỉ thêm có được xóm giềng, bè bạn đi lại chơi bởi mà không được. Nhiều bạn tôi đã bế con vào trong xóm lân la định tìm bạn chơi cho đứa con. Nhưng anh có biết không, mỗi bận tôi bế con vào xóm, thì cả xóm hôm ấy nháo lên. Người ta thì thầm bảo nhau rằng: “Hôm nay thằng Mộc gù nó vào đấy!...”. Khốn nạn, người ta lại cứ nghĩ tưởng rằng tôi vào dò la để ăn trộm hay thăm dất dất cướp! Cả xóm đêm ấy đều lo chèn cửa cho chặt, khóa hòm cho kỹ, có con gà con què trong nhà, cả đêm thấp thỏm chỉ lo mất... Lắm lúc tôi phát điên lên anh ạ. Tôi thù tất cả mọi người. Tôi tưởng tôi có thể cầm dao đâm người được thật.

Tiếng ông Mộc rung lên, đau đớn, khổ não. Cái hồn cũ lại thấy hiện ra trong đôi mắt. Đôi mắt chĩa ra đau đớn, hung dữ như mắt trâu điên. Mắt của “thằng Mộc gù khe đá Đỏ” ngày trước.

- Thế cho nên ngày sửa sai tôi khổ tâm lắm anh ạ. Ngày ấy, thằng con nhà địa chủ Đường, không biết mấy giờ nó làm gì ở huyện, nó về nó làm náo loạn lên. Nó chửi bới, dọa dẫm rạch mồm, rạch miệng những người tố khổ bố nó. Anh có biết lúc ấy tôi làm gì không? Tôi nắm ngay lấy ngực nó, rút con dao rừng tôi đã chém trượt nó khi xưa, kề vào tận họng nó, tôi bảo: “Cải cách ruộng đất sai ở những chỗ nào tao không biết! Cải cách ruộng đất không sai với tao, không sai với mày! Mày còn về đây chửi bới lếu láo thì, tao đây này, “thằng Mộc gù” đây này, tao băm nhỏ mày ra!...”.

Lát sau hai con mắt ông mới thuần lại và những nét hằn học, u tối trên mặt ông mới dần dần lặn đi.

- Cải cách ruộng đất sai làm sao được với tôi hở anh? Mười mấy năm giờ, cả vùng này có ai bước chân đến nhà tôi? Thế mà anh cán bộ cải cách ruộng đất đến ở, ăn cùng một mâm, ngủ cùng một ổ, rồi đưa tôi ra cái chỗ quang quẻ này. Tôi không có ruộng, cải cách ruộng đất chia ruộng cho. Tôi không có bò, cải cách ruộng đất chia bò cho... Tôi làm bạn với mẹ cái Sen ngày cải cách ruộng đất đấy anh ạ.

Tôi khẽ reo lên:

- Thế ạ? Ông làm bạn với dì tôi ngày cải cách ruộng đất đấy?

- Ngày ấy nó cũng mạnh ở như anh đội, anh ạ.

Tôi cười gật gật đầu: "À, thì ra ông Mộc lấy dì tôi ngày cải cách ruộng đất!". Có vậy mà tôi không nghĩ ra. Phải rồi, ngày trước các đội cải cách xuống xã, xuống xóm thường hay tổ chức những đám cưới như vậy. Đó là những đám cưới thật cảm động. Những con người bị cái đói nghèo dọa đẩy cho đến thành tàn tật, thành ngớ ngẩn, có người năm sáu mươi tuổi đầu còn ở vậy, có người mấy tháng trước còn là tôi đòi trong nhà địa chủ. Những con người mà như là những đầu thừa, đuôi theo ở khắp các xó xỉnh cuộc sống được các anh, chị cán bộ đội gán ghép, gây dựng cho thành vợ thành chồng.

Dì tôi và ông Mộc đã lấy nhau như vậy.

Đêm đã khuya. Hai cô bé nhà này đi tập chèo vẫn chưa về. Ngoài chuồng, một con gà vỗ cánh phành phạch cất tiếng gáy. Núi, đồi, trại, ấp, tất cả đều chìm ngập trong đêm tối, trong một sự vắng lặng, hoang vu như một vùng cổ sơ nào.

## Vợ nhất

Phía xa, chênh vế mạn trên, một mảng trời dựng lên đỏ hừng. Cả vùng đồi núi ở đây nằm im lìm dưới vùng trời sáng ấy. Đó là ánh sáng của khu gang thép Thái Nguyên. Giờ này công trường còn đương làm việc. Tôi bỗng nghĩ đến Hà Nội, đến Việt Trì, đến Hồng Gai, Cẩm Phả, Cao Bằng... Tôi nghĩ đến nhiều nơi trên đất nước, giờ này cũng còn đang thức, đang làm việc và vui chơi. Hàng ngày, hàng đêm biết bao nhiêu chuyển biến, đổi thay.

Ngay ông Mộc đang ngồi trước mặt tôi đây, chính ông, ông cũng có những chuyển biến, thay đổi cả một đời người. Vậy mà nhìn ông, sao tôi vẫn như thấy có cái gì đè nặng trên đời sống, trên tâm tư? Có lẽ trong lòng ông còn vướng vít với câu chuyện cũ? Hay đấy là vết tích của sự đói nghèo, cùng cực xưa kia còn để lại? Những người nghèo khổ lâu ngày, cái nghèo, cái khổ đeo nặng trên người như những vết thương tật. Đời sống đã đổi thay, nhưng cái tật cũ không thể một lúc đổi thay ngay được.

Trong đêm tối chợt có mấy bó đuốc vừa nhô ra. Từ đám đuốc đang cháy bùng bùng ấy nghe xôn xao tiếng người cười nói.

Ông Mộc giật mình nhìn ra. Nét mặt ông nhẹ nhõm, rạng rỡ hẳn lên.

- À, chúng nó đã đi họp về rồi đấy!

Gió bỗng đưa những tiếng cười nói ấy lại gần. Tôi nghe rõ có tiếng cái Sen và tiếng cái Mạc. Gió lại đưa tiếng chúng nó ra tít mãi ngoài thung lũng xa.

Ông quay lại nhìn tôi cười. Cái cười đến lúc này tôi mới thấy thật hồ hởi, nhẹ nhõm:

- Này, anh có biết lúc anh mới lên tôi nghĩ gì không? Tôi lại cứ nghĩ tưởng anh lên bắt cái Sen về. Tôi giận lắm đấy!... Thì ra không phải.

Ông lại toét mồm cười.

- Bá với anh chị ngoài ấy cũng không phải lo cho nó đâu. Nhà bây giờ vào hợp tác rồi, lại được giữ một con trâu. Nó cũng có công điểm của nó chứ. Anh không biết chứ chúng nó cầy gặt còn giỏi hơn người lớn ấy.

Tôi nghiệm ra mỗi lần có những đứa con về nhà, ông ta lại vui hẳn lên và có một vẻ tự hào đặc biệt.

# MỤC LỤC

|                                           | <i>Trang</i> |
|-------------------------------------------|--------------|
| LỜI GIỚI THIỆU                            | 5            |
| 1. ĐÚA CON NGƯỜI VỢ LỄ                    | 7            |
| 2. LÀNG                                   | 14           |
| 3. VỢ NHẬT                                | 35           |
| 4. ÔNG LÃO HÀNG XÓM                       | 52           |
| 5. CON CHÓ XẤU XÍ                         | 87           |
| 6. BỐ CON ÔNG GÁC MÁY BAY TRÊN NÚI CÔI KÊ | 106          |
| 7. NGƯỜI CHÚ DƯỠNG                        | 170          |

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC  
Số 18 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình - Hà Nội  
ĐT: 04 8294684 - 04 8294685  
Fax: 04 8294781



CÔNG TY THƯƠNG MẠI & DỊCH VỤ VĂN HÓA ĐÌNH TỊ

ĐC: Số 8 Phạm Ngũ Lão - Hoàn Kiếm - Hà Nội

ĐT: 04 2192869 - 04.9334889 - 093 689 6688

Fax: 04 9334943. Email: [dinghti@fpt.vn](mailto:dinghti@fpt.vn)

# VỢ NHẶT

Chịu trách nhiệm xuất bản  
NGUYỄN VĂN CỬ

Biên tập : NGUYỄN HOÀNG TRANG  
Bìa : HỮU KHOA  
Sửa bản in : ĐÌNH TỊ

---

In 1000 bản - Khổ 13 cm x 20,5 cm - Tại Công ty CP in Sao Việt  
Giấy chấp nhận ĐKKHXB số: 68 - 2008/CXB/161 - 08/VH  
In xong và nộp lưu chiểu Quý 2/2008.



## Kim Lân (1921-2007)

Kim Lân quê ở làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông chỉ được học hết bậc tiểu học rồi phải đi làm. Kim Lân bắt đầu viết truyện ngắn từ năm 1941. Tác phẩm của ông được đăng trên các báo **Tiểu thuyết thứ bảy** và **Trung Bắc chủ nhật**. Một số truyện (**Vợ nhặt**, **Đứa con người vợ lẽ**, **Đứa**

**con người cô đầu**, **Cô Vợ**,...) mang tính chất tự truyện nhưng đã thể hiện được không khí tiêu điều, ảm đạm của nông thôn Việt Nam và cuộc sống lam lũ, vất vả của người nông dân thời kỳ đó.

Ông được du luận chú ý nhiều hơn khi đi vào những đề tài độc đáo như tái hiện sinh hoạt văn hóa phong phú ở thôn quê (đánh vật, chọi gà, thả chim...). Các truyện: **Đôi chim thành**, **Con mã mái**, **Chó săn**... kể lại một cách sinh động những thú chơi kể trên, qua đó biểu hiện một phần vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân trước Cách mạng tháng Tám - những người sống cực nhọc, khổ nghèo nhưng vẫn yêu đời, trong sáng, tài hoa.

Sau Cách Mạng tháng Tám, Kim Lân tiếp tục làm báo, viết văn. Ông vẫn chuyên về truyện ngắn và vẫn viết về làng quê Việt Nam - mảng hiện thực mà từ lâu ông đã hiểu biết sâu sắc. Những tác phẩm chính: **Nên vợ nên chồng** (tập truyện ngắn, 1955), **Con chó xấu xí** (tập truyện ngắn, 1962).

Sinh thời ông sống tại Hà Nội. Ông từ trần năm 2007 tại Bệnh viện Hữu Nghị Hà Nội, sau một thời gian dài chống chọi với căn bệnh hen suyễn, hưởng thọ 87 tuổi.

Tranh bìa © Hữu Khoa



Giá: 28.000 đ



NHÀ SÁCH TRÍ TUỆ  
28.000 đ

0421057067  
Vợ nhặt - Kim Lân